

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 425 – Chúa nhật 20.02.2022

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

BẢO VỆ HÒA BÌNH VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC	Vatican 2
TOÀN VĂN BÀI PHÁT BIỂU KHAI MẠC CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ TẠI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ CHÚC LINH MỤC.....	Lm. Phêrô Trần Mạnh Hùng phỏng dịch
NGÃM VỀ CHỮ PHÚC	Lm Anphong Nguyễn Công Minh, OFM
SỨC MẠNH NÀO CHO TA YÊU?	Lm JB NGUYỄN MINH HÙNG
TÌNH YÊU VÀ VALENTINE	Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
MỆNH LỆNH PHẢI HỢP LÝ!	Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý Peter Lê Văn Quảng
Tác phẩm: “HÃY NUÔI MÌNH BẰNG LỜI” - Nguyên tác: Nourris-toi de la Parole - Père Christophe de Dreuille -	Fr. Bảo Tịnh O.Cist chuyển ngữ
PHÚC THAY AI CÓ TÂM HỒN TRONG SẠCH	Lm. Montfort Phạm Quốc Huyền O. Cist.
Tác Phẩm NHÂN CÁCH ĐỜI TU 2: NHỮNG CÁI BÓNG TRONG ĐỜI TU	EYMARD An Mai Đỗ O.Cist.
CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ “CÁC VỊ THÁNH Ở NGAY BÊN”... ..	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
SỰ DÙNG DƯỢC PHẨM Ở NGƯỜI CAO TUỔI	Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
AI ƠI, VỀ ĂN CƠM	Chuyện phiếm của Gã Siêu

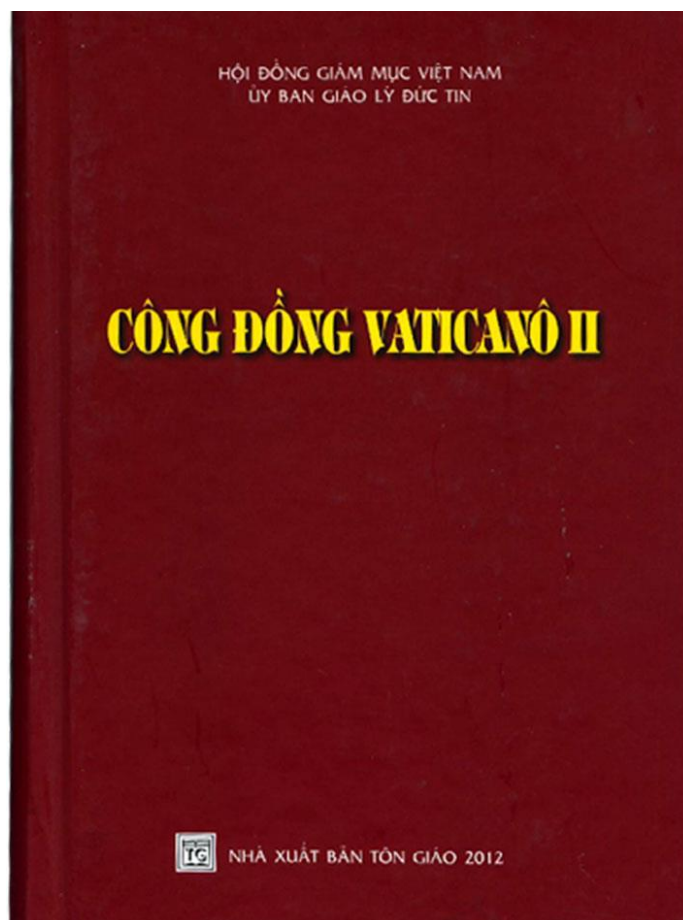
BẢO VỆ HÒA BÌNH VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC

LTS. Mặc dù trong 16 năm qua, Đặc San GSVN đã phổ biến nhiều lần các văn kiện của Công Đồng Vatican II, nhưng chúng con vẫn thấy đây là những tư liệu vô giá, sẽ giúp nuôi dưỡng đời sống Đức Tin cho mọi Kitô Hữu, cũng như sẽ rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu về Giáo Hội Công Giáo, vì thế chúng con sẽ tiếp tục giới thiệu về 16 văn kiện quan trọng của Công Đồng Chung Vatican II, đây là bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý & Đức Tin, HĐGM Việt Nam.

Kính mong được mọi người cùng quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn.

Đặc San GSVN



**HIẾN CHẾ MỤC VỤ
VỀ GIÁO HỘI TRONG THẾ GIỚI NGÀY NAY
GAUDIUM ET SPES**
Ngày 7 tháng 12 năm 1965

**PHẦN THỨ HAI
MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHẨN THIẾT**

**CHƯƠNG V
BẢO VỆ HÒA BÌNH
VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC**

77. Nhập đề

Hiện nay, khi những đau khổ và nỗi lo âu trước sự tàn phá và mối đe dọa của hiểm họa chiến tranh vẫn còn đang đè nặng trên con người, toàn thể nhân loại bước vào một giai đoạn hết sức quyết định trong tiến trình trưởng thành của mình. Khi đã dần dần liên kết với nhau và ý thức nhiều hơn về sự hợp nhất, gia đình nhân loại phải bắt tay vào việc xây dựng một thế giới thực sự nhân bản hơn cho tất cả mọi người ở mọi nơi, công việc này chỉ được tiến hành cách tốt đẹp

nếu tất cả mọi người đều đổi mới tâm hồn để hướng về hòa bình đích thực. Lúc đó, hoà với những nỗ lực và khát vọng cao cả của nhân loại, lời Tin Mừng sẽ chiếu tỏa một luồng sáng mới trên thời đại chúng ta, khi loan báo mối phúc thật dành cho những ai kiến tạo hòa bình, “vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa” (Mt 5,9).

Do đó, khi làm sáng tỏ ý nghĩa đích thực và vô cùng cao đẹp của hòa bình và lên án sự dã man của chiến tranh, Công Đồng muốn tha thiết kêu mời các Kitô hữu, nhờ sự trợ giúp của Chúa Kitô, Đấng tác tạo hòa bình, hãy cộng tác với tất cả mọi người để củng cố nền hòa bình đích thực trong công lý và tình yêu cũng như để điều động các phương tiện xây dựng hòa bình.

78. Bản chất của hòa bình

Hòa bình không hẳn chỉ là vắng bóng chiến tranh, cũng không chỉ được giản lược vào thế cân bằng giữa các lực lượng đối nghịch, cũng không phát xuất do một nền cai trị độc tài, nhưng thật chính xác và thích hợp khi định nghĩa hòa bình là “công trình của công lý” (Is 32,7). Hòa bình là kết quả của một trật tự đã được ấn định cho xã hội loài người do chính Đấng sáng lập hoà bình, và được trở thành hiện thực nhờ những người luôn luôn khao khát một nền công lý ngày càng hoàn hảo hơn. Thật thế, mặc dù ý nghĩa sâu xa nhất về công ích của toàn thể nhân loại đã được xác định bởi qui luật đời đời, thì những đòi hỏi cụ thể của công ích vẫn phải chấp nhận những thay đổi không ngừng với diễn biến của thời gian; vì thế, không phải đạt được hòa bình một lần là sẽ được luôn mãi, nhưng phải không ngừng xây dựng hòa bình. Hơn nữa, vì ý chí của con người yếu đuối và đã bị tội lỗi làm tổn thương, nên để có được hòa bình, mỗi người phải luôn luôn kiểm chế tham vọng của mình và chính quyền phải biết thận trọng cảnh giác.

Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Hòa bình chỉ có được trên thế giới, nếu thiện ích của từng cá nhân được bảo đảm và mọi người đều tin tưởng cũng như tự nguyện san sẻ cho nhau những của cải tinh thần và tài năng của mình. Thái độ thực tâm muốn tôn trọng tha nhân và các dân tộc khác cũng như phẩm giá của họ, và sự ân cần thực thi tình huynh đệ là những điều kiện thiết yếu để xây dựng hòa bình. Như thế, hòa bình cũng là kết quả của tình thương, một thứ tình thương vượt xa những gì công bình có thể đem đến.

Phát sinh từ tình yêu tha nhân, hòa bình trần gian là hình ảnh và là kết quả khởi xuất từ sự bình an của Chúa Kitô, bắt nguồn từ Thiên Chúa Cha. Vì chính Chúa Con nhập thể là Thái Tử Hòa Bình đã dùng Thánh Giá của Người để hòa giải mọi người với Thiên Chúa, và khi qui tụ mọi người thành một dân tộc và một thân thể, Người đã hủy diệt hận thù trong chính xác thể Người¹, và sau khi đã khai hoàn phục sinh, Người đã đổ tràn Thánh Thần tình yêu đầy lòng con người.

Do đó, khi “thực thi chân lý trong bác ái” (Ep 4,15), mọi Kitô hữu được khẩn thiết kêu mời hợp nhất với những người thực sự yêu chuộng hòa bình để vận động và xây dựng hòa bình.

Cũng trong tinh thần đó, chúng tôi không thể không ca ngợi những ai tranh đấu cho nhân quyền mà không dùng đến bạo động, nhưng sử dụng những phương cách tự vệ sẵn có của những người yếu kém, miễn sao không hại đến quyền lợi và bổn phận của người khác và của cộng đồng.

Bao lâu con người chưa từ bỏ tội lỗi, hiểm họa chiến tranh còn đe dọa và vẫn sẽ còn đe dọa cho tới khi Chúa Kitô trở lại, nhưng khi nào con người biết liên kết trong đức ái để thắng vượt tội lỗi, họ cũng sẽ thắng vượt bạo lực, cho tới khi lời sau đây được ứng nghiệm: “Họ sẽ rên gươm thành lưỡi cày và giáo thành lưỡi liềm. Các dân tộc sẽ không rút gươm đâm chém nhau và sẽ không còn tập luyện để chiến đấu nữa” (Is 2,4).

ĐOẠN 1 NGĂN NGỪA CHIẾN TRANH

79. Giảm thiểu sự vô nhân đạo của chiến tranh

Mặc dù những cuộc chiến tranh gần đây đã gây cho thế giới chúng ta biết bao thiệt hại nặng nề về vật chất cũng như tinh thần, thế mà cho tới nay, hàng ngày chiến tranh vẫn còn tiếp tục tàn phá tại một số nơi trên quả đất này. Hơn nữa, với đủ loại vũ khí khoa học được sử dụng trong chiến tranh, tính cách khốc liệt của cuộc chiến đe dọa sẽ đưa những kẻ tham chiến tới một sự man rợ còn tệ hại hơn các thời đại trước đây. Ngoài ra, hoàn cảnh phức tạp ngày nay và những mối bang giao nhiều rắc rối giữa các quốc gia đã dẫn đến những cuộc chiến âm ỉ kéo dài, với

¹ x. Ep 2,16; Cl 1,20-22.

những phương pháp mới đầy xảo quyệt và mang tính phá hoại. Trong nhiều trường hợp, việc sử dụng những phương pháp khủng bố được coi như một hình thức mới của chiến tranh.

Đứng trước thảm trạng này của nhân loại, trước tiên Công Đồng muốn nhắc nhở đến giá trị ngàn đời của quyền lợi tự nhiên của các dân tộc và những nguyên tắc phổ quát của nó. Chính lương tâm nhân loại công bố những nguyên tắc đó càng ngày càng cương quyết hơn. Những hành động ngược lại những nguyên tắc đó, cũng như việc ra lệnh thi hành những hành động như thế đều là tội ác; sự thừa lệnh mù quáng cũng không đủ để bào chữa cho những người tuân hành những mệnh lệnh đó. Trong số những hành động trên, trước hết phải kể đến tội ác tiêu diệt cả một chủng tộc, một quốc gia hay một sắc tộc thiểu số, với bất cứ lý do gì hay bằng bất kỳ cách thức nào; những hành động như thế phải bị lên án gắt gao như những tội ác đáng ghê tởm. Và phải hết sức ca ngợi tinh thần can đảm của những người dám công khai chống lại những kẻ ra lệnh thi hành những tội ác trên.

Về vấn đề chiến tranh, hiện có nhiều hiệp ước quốc tế được khá nhiều quốc gia ký kết nhằm làm giảm bớt tính cách vô nhân đạo của những hoạt động quân sự và các hậu quả của chúng: chẳng hạn có những hiệp ước liên quan đến số phận của thương binh hoặc tù binh, và nhiều thỏa ước khác tương tự. Những hiệp ước như thế cần phải được tôn trọng; hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền và những nhà chuyên môn về vấn đề này, tùy theo khả năng của mình, cần phải cố gắng làm sao cho những hiệp ước đó được hoàn hảo, và như thế tức là họ giúp ngăn chặn một cách tốt đẹp và hữu hiệu hơn tính cách vô nhân đạo của chiến tranh. Vả lại, cũng là một điều hợp lý nếu vì lòng nhân đạo mà có những khoản luật dành cho những người vì lý do lương tâm từ chối không sử dụng khí giới, miễn là họ chấp nhận phục vụ cộng đồng nhân loại dưới một hình thức khác.

Dĩ nhiên, nhân loại chưa trừ được tận gốc chiến tranh. Và bao lâu nguy cơ chiến tranh còn tồn tại, bao lâu thẩm quyền quốc tế chưa có đủ thế lực và sức mạnh, thì các chính phủ, sau khi đã dùng hết mọi phương thế ôn hòa, được phép sử dụng quyền tự vệ chính đáng. Như thế, các thủ lãnh quốc gia và những ai có trách nhiệm trong đất nước có bốn phận phải bảo vệ dân chúng đã được ủy thác cho mình, nhưng phải cân nhắc cẩn thận trong những vấn đề nghiêm trọng như thế. Tuy nhiên, chiến đấu để bảo vệ dân tộc một cách chính đáng là một việc, còn mưu toan đặt ách đô hộ trên các quốc gia khác lại là việc khác. Phải kể là bất hợp pháp mọi hành động sử dụng sức mạnh vũ khí vào mục tiêu chính trị hay quân sự, và khi xảy ra điều đáng buồn là chiến tranh đã khai diễn, thì không phải vì thế mà các phe tham chiến được phép làm gì thì làm.

Đối với những ai đang phục vụ tổ quốc trong quân ngũ, họ hãy nghĩ mình là những người đem lại an ninh và tự do cho các dân tộc, và nếu chu toàn được bốn phận này, họ thực sự đã góp phần vào việc củng cố hòa bình.

80. Chiến tranh toàn diện

Sự phát triển khí giới khoa học càng làm cho chiến tranh trở nên đáng sợ và tác hại khôn lường. Thật vậy, những hành động hiếu chiến đi đôi với việc sử dụng những thứ vũ khí này có thể mang đến những tàn phá lớn lao và gây hại cho mọi người, do đó vượt xa giới hạn của một hành động tự vệ chính đáng. Hơn nữa, nếu tất cả những phương tiện hiện có trong các kho vũ khí của các cường quốc được đem ra sử dụng, thì sẽ có một cuộc tương tàn hầu như hoàn toàn và cả hai bên tham chiến đều sẽ bị tận diệt, đó là chưa kể đến việc trái đất sẽ hứng chịu cảnh tan hoang và những hậu quả tàn khốc do việc sử dụng những khí giới ấy.

Tất cả những điều nói trên buộc chúng ta phải đổi mới toàn bộ cách nhìn của chúng ta về chiến tranh². Con người thời đại này phải biết nghiêm túc quan tâm đến những hành động liên quan đến chiến tranh, vì bước tiến của các thế hệ mai ngày sẽ tùy thuộc nhiều vào những quyết định của họ hôm nay.

Trước tình trạng đó, đồng thuận với những lời kết án về chiến tranh toàn diện của những vị Giáo Hoàng gần đây³, Thánh Công Đồng tuyên bố:

Mọi hành động hiếu chiến nhằm tiêu diệt bừa bãi toàn bộ một thành phố hay một lãnh thổ rộng lớn cùng với dân cư ở đó là một tội ác chống lại Thiên Chúa và chính con người, vì vậy phải cực lực và không ngần ngại lên án tội ác đó.

² x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, 11.4.1963: AAS 55 (1963), tr. 291: “Do đó, trong thời đại này, thời đại của chúng ta, thời đại tự phụ về sức mạnh nguyên tử, thực là vô lý khi nghĩ rằng chiến tranh vẫn còn là một phương tiện thích hợp để đối phó với việc xâm phạm quyền lợi”.

³ x. PIÔ XII, *Huấn từ* 30.9.1954: AAS 46 (1954), tr. 589; *Sứ điệp truyền thanh* 24.12.1954: AAS 47 (1955), tr. 15tt.; GIOAN XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*: AAS 55 (1963), tr. 286-291; PHAOLÔ VI, *Diễn văn ở Liên Hiệp Quốc*, 4.10.1965: AAS 57 (1965), tr. 877-885).

Sự tai hại đặc biệt của chiến tranh hiện nay nằm ở chỗ nó tạo cơ hội cho những người có khí giới tối tân phạm vào những tội ác như đã nói và hậu quả gần như khó tránh khỏi, là có thể thúc đẩy ý muốn con người đi tới những quyết định hiểm độc nhất. Vậy, để cho thảm trạng đó không bao giờ xảy đến, các Giám mục trên toàn thế giới đồng tâm tha thiết kêu gọi mọi người, nhất là những nhà cầm quyền các quốc gia cũng như những vị chỉ huy quân sự, hãy luôn luôn cân nhắc trách nhiệm lớn lao của mình trước mặt Thiên Chúa và toàn thể nhân loại.

81. Thi đua vũ trang

Những vũ khí khoa học rõ ràng không phải được thu trữ chỉ để sử dụng khi xảy ra chiến tranh. Thật vậy, chính nhận định cho rằng sức mạnh tự vệ của mỗi phe tùy thuộc vào khả năng nhanh chóng trả đũa đối phương, đã đưa đến việc tích trữ vũ khí mỗi năm một gia tăng, như là phương thức mới nhằm đe dọa đối phương có thể bất thần tấn công. Nhiều người cho rằng đó là cách thức hữu hiệu nhất để bảo toàn hòa bình giữa các quốc gia ngày nay.

Dù cho phương cách ngăn chặn đối phương này mang hình thức nào đi nữa, con người vẫn phải xác tín rằng cuộc chạy đua vũ trang, công việc mà khá nhiều quốc gia đang theo đuổi, không phải là một con đường an toàn để duy trì hòa bình một cách vững chắc, cũng như cái gọi là thế cân bằng lực lượng xuất phát từ việc thi đua đó cũng không phải là hòa bình chắc chắn và đích thực. Với cách thức đó, những nguyên nhân của chiến tranh không hề bị loại bỏ, trái lại còn có nguy cơ trở nên trầm trọng thêm hơn. Khi quá nhiều tài nguyên bị tiêu hao trong việc sáng chế những thứ vũ khí mới, thì những gì cần thiết cho việc chữa trị biết bao khổ khổ hiện tại của thế giới sẽ không được đáp ứng đầy đủ. Thay vì lo hàn gắn thật sự và triệt để những chia rẽ giữa các quốc gia, người ta lại làm cho những chia rẽ ấy lan rộng đến các vùng khác trên thế giới. Phải biết chọn những đường hướng mới bắt đầu từ việc cạnh tân tâm hồn để chấm dứt tệ trạng đó, để giải thoát thế giới khỏi mối âu lo đang đè nặng, và để hòa bình đích thực có thể được văn hồi.

Bởi thế, cần phải tuyên bố một lần nữa: cuộc chạy đua vũ trang gây nên thiệt hại vô cùng nghiêm trọng cho nhân loại và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể chấp nhận được. Điều đáng lo sợ là cuộc chạy đua vũ trang, nếu vẫn còn tiếp diễn, đang chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện để một ngày nào đó sẽ gây ra những thảm cảnh chết chóc tang thương.

Được cảnh báo trước về những tai họa mà nhân loại có thể gây nên, chúng ta hãy lợi dụng thời gian đang còn đây, để với ý thức rõ rệt hơn về trách nhiệm của mình, chúng ta sẽ tìm được những phương thế giúp giải quyết các cuộc tranh chấp theo cách thể xứng đáng với con người hơn. Thiên Chúa quan phòng không ngừng đòi hỏi chúng ta phải tự giải phóng khỏi ách nô lệ của chiến tranh đã có từ xưa. Do đó, nếu khước từ mọi cố gắng nói trên, chúng ta không biết sẽ đi về đâu trên con đường tội ác mà mình đã bước vào.

82. Triệt để cấm gây chiến, cổ võ hoạt động quốc tế nhằm tránh chiến tranh

Bởi thế, rõ ràng là chúng ta phải hết sức nỗ lực để chuẩn bị cho thời điểm mà tất cả các quốc gia đều đồng thuận trong việc triệt để ngăn cấm chiến tranh. Điều đó chắc chắn đòi hỏi phải thiết lập một công quyền quốc tế được mọi người thừa nhận, có thực lực hữu hiệu để bảo đảm cho mọi người cả về an ninh, về nghĩa vụ thực thi công bằng cũng như tôn trọng nhân quyền. Nhưng trước khi thiết lập được quyền bính đáng mong mỏi ấy, các cơ quan tối cao quốc tế hiện hành cần phải đem hết nỗ lực để nghiên cứu các phương thế thích hợp nhất để đem lại an ninh cho cộng đồng. Vì hòa bình phải phát sinh từ sự tin tưởng lẫn nhau giữa các dân tộc, chứ không là thứ hòa bình miễn cưỡng giữa các quốc gia do sợ hãi khí giới của nhau, nên tất cả cần phải cố gắng để chặn đứng cuộc chạy đua vũ trang; để bắt đầu thực hiện việc tài giảm binh bị, vốn không thể là một hành động đơn phương nhưng phải có sự thỏa thuận đồng bộ, kèm theo những bảo đảm thực sự và hữu hiệu⁴.

Trong lúc chờ đợi, không nên coi thường những nỗ lực đã có và đang có cho tới nay để ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Điều cần làm là phải nâng đỡ thiện chí của một số đông người, dù đang có rất nhiều bận tâm trong phận vụ lãnh đạo, nhưng vẫn ý thức được trách nhiệm vô cùng nặng nề họ đang đảm nhận, nên đã tận lực loại trừ chiến tranh mà họ vẫn kinh tởm, ngay cả lúc phải đối mặt với những tình huống cụ thể đầy phức tạp. Hơn nữa, phải luôn luôn cầu xin Thiên Chúa ban cho họ nghị lực để bền tâm tiến tới và can đảm hoàn tất công trình của tình yêu thương cao cả đối với con người là kiên quyết xây dựng hòa bình. Ngày nay, chắc chắn công trình đó đòi hỏi họ phải có tâm hồn và tinh thần rộng mở vượt khỏi ranh giới quốc gia, phải từ bỏ tính tự ái dân tộc và tham vọng thống trị các quốc gia khác, phải nuôi dưỡng lòng tôn trọng sâu xa đối với toàn thể nhân loại đang vất vả tiến tới một sự thống nhất hoàn hảo hơn.

⁴ x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, Đoạn nói về vấn đề giảm binh bị: AAS 55 (1963), tr. 287.

Hiện nay đã có những nghiên cứu tỉ mỉ, tích cực và kiên trì cũng như những hội nghị quốc tế thảo luận về vấn đề hòa bình và giải giới, hãy xem đó như là bước đi đầu tiên trong việc giải quyết những vấn đề nghiêm trọng này, và trong tương lai, càng phải hành động cấp bách hơn nữa để đạt được những kết quả thực tiễn. Tuy nhiên, không được ỷ lại vào cố gắng của một vài người để rồi quên đi tinh thần mà mỗi người cần phải có. Thật vậy, các nhà lãnh đạo quốc gia, những người vừa phải lo cho thiện ích của dân tộc mình, vừa phải đem lại công ích cho toàn thể thế giới, cũng tùy thuộc rất nhiều vào quan điểm và tâm tình của quần chúng. Bao lâu những tâm tình thù hận, khinh miệt và nghi kỵ, những xung đột sắc tộc cũng như những ý thức hệ cố chấp vẫn còn gây nên chia rẽ và đối nghịch giữa con người với nhau, thì các nhà lãnh đạo các quốc gia có cố công xây dựng hòa bình cũng vẫn vô ích. Do đó, cần phải cấp thiết canh tân việc giáo dục tinh thần và khơi dậy ý hướng mới cho dư luận quần chúng. Những ai đang nhiệt tình dấn thân trong công tác giáo dục, nhất là giáo dục giới trẻ, hoặc hướng dẫn dư luận quần chúng phải nhớ rằng, nhiệm vụ quan trọng nhất của họ là ghi khắc vào tâm trí mọi người những cảm thức mới về hòa bình. Tất cả chúng ta đều có bốn phận thay đổi tâm hồn, phải mở rộng tâm nhìn về thế giới và về những hoạt động mà chúng ta có thể cùng nhau đảm nhận để làm cho nhân loại tiến triển tốt đẹp hơn.

Đừng để những hy vọng hão huyền lừa dối chúng ta. Thật vậy, nếu chưa loại bỏ được hiểm khích và hận thù, chưa ký kết được những hiệp ước vững chắc và chân thật bảo đảm cho một nền hòa bình đại đồng trong tương lai, thì nhân loại hiện đang bị khủng hoảng trầm trọng, dù đã đạt tới một nền khoa học rất cao, vẫn có nguy cơ sẽ tiến dần đến giờ phút bi thảm nhất, lúc mà nhân loại sẽ không còn gặp được hòa bình nào khác hơn là thứ hòa bình khủng khiếp của chết chóc. Tuy nhiên, khi nói lên những điều đó, Giáo Hội Chúa Kitô đang hiện diện giữa những lo âu của thời đại này vẫn luôn giữ vững niềm hy vọng. Bây giờ cũng như bao nhiêu lần khác, vào lúc thuận lợi hay không thuận lợi, Giáo Hội vẫn muốn loan báo cho thời đại hôm nay sứ điệp của các Tông đồ: “đây là thời thuận tiện” để cải thiện tâm hồn, “đây là ngày cứu độ”⁵.

ĐOẠN 2 XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ

83. Nguyên nhân bất hòa và phương được chữa trị

Để xây dựng hòa bình, trước hết cần phải tận diệt những nguyên nhân gây bất hòa giữa con người với nhau, đặc biệt là những bất công, vì đó chính là mầm mống của chiến tranh. Một số không ít những nguyên nhân này bắt nguồn từ những chênh lệch thái quá trong lãnh vực kinh tế, cũng như từ việc trì hoãn những phương thức điều chỉnh cần thiết. Một số nguyên nhân khác phát sinh từ đầu óc thống trị và miệt thị con người, và nếu tìm hiểu những lý do sâu xa hơn, thì đó là lòng tham lam, nghi kỵ, kiêu căng và những đam mê ích kỷ khác. Vì con người không thể chịu đựng được bao nhiêu hỗn loạn ấy, cho nên dù không có chiến tranh tàn khốc, thế giới vẫn không ngừng bị xáo trộn bởi những tranh chấp và những hành vi bạo lực giữa con người với nhau. Hơn nữa, những tệ hại này cũng xuất hiện trong chính những tương quan giữa các quốc gia, nên, để vượt qua hay ngăn ngừa những tệ hại đó và chặn đứng không để bùng phát bạo động, nhất thiết phải phối hợp và tổ chức các cơ quan quốc tế một cách tốt đẹp và vững chắc hơn, cũng như phải luôn khuyến khích việc thành lập những cơ quan cổ võ cho hòa bình.

84. Cộng đồng các dân tộc và các cơ quan quốc tế

Ngày nay mối tương quan giữa các công dân và các dân tộc trên thế giới mỗi ngày một thêm chặt chẽ, do đó, để nghiên cứu cách thích ứng và thực hiện cách hữu hiệu hơn những thiện ích của cả nhân loại, cộng đồng các dân tộc cần phải được tổ chức theo một thể thức hợp với những gì phải làm hiện nay, nhất là trong những vấn đề liên quan đến rất nhiều vùng cho tới nay vẫn còn đang chịu cảnh túng thiếu cơ cực.

Để đạt được những mục tiêu ấy, các cơ quan của cộng đồng quốc tế, tùy theo phận vụ của mình, phải đáp ứng những nhu cầu đa dạng của con người trong lãnh vực xã hội như lương thực, sức khỏe, giáo dục, lao động, cũng như trong những hoàn cảnh đặc biệt có thể gặp tại vài nơi, chẳng hạn cần phải hỗ trợ sự tăng trưởng toàn diện của các nước đang phát triển, giải quyết tình trạng khốn khổ của những người tị nạn tại nhiều nơi trên thế giới, hoặc cứu trợ những người di cư và gia đình họ.

Các cơ quan quốc tế đang hoạt động trên toàn thế giới hay tại địa phương thật đáng được nhân loại ghi ơn. Những tổ chức này tựa như những cố gắng đầu tiên nhằm đặt nền móng quốc

⁵ x. 2 Cr 6,2.

tế cho cả cộng đồng nhân loại, để giải quyết những vấn đề quan trọng nhất của thời đại chúng ta, đó là cổ vũ sự phát triển khắp nơi và ngăn ngừa mọi hình thức chiến tranh. Trong tất cả những lãnh vực này, Giáo Hội vui mừng khi thấy tinh thần huynh đệ đích thực đang nảy nở giữa các Kitô hữu và những người ngoài Kitô giáo; tinh thần đó nhằm giúp họ gia tăng thêm mãi nỗ lực xoa dịu nỗi thống khổ bao la của nhân loại.

85. Cộng tác quốc tế trong lãnh vực kinh tế

Tình liên đới giữa nhân loại ngày nay cũng đòi hỏi phải thiết lập một sự cộng tác quốc tế rộng rãi hơn trong lãnh vực kinh tế. Thật vậy, mặc dù hầu hết các quốc gia đều đã độc lập, nhưng họ vẫn chưa thoát khỏi ngay được tình trạng bất bình đẳng quá cách biệt cũng như mọi hình thức lệ thuộc không đáng có, và cả nguy cơ gặp nhiều khó khăn nội bộ nghiêm trọng.

Sự phát triển của mỗi quốc gia tùy thuộc vào những hỗ trợ về nhân sự và tài chánh. Chương trình giáo dục và huấn nghệ rất cần để chuẩn bị cho dân chúng trong mỗi quốc gia đảm nhận những nhiệm vụ khác nhau trong đời sống kinh tế và xã hội. Việc đó cần đến sự giúp đỡ của các chuyên gia ngoại quốc, và những người này, khi thực hiện công việc ấy, đừng xử sự như những ông chủ, nhưng như những người hỗ trợ và cộng tác. Sự viện trợ vật chất cho các quốc gia đang phát triển sẽ khó thực hiện nếu không có những thay đổi sâu rộng trong chính sách thương mại hiện nay trên thế giới. Ngoài ra, cũng cần có chương trình viện trợ từ các quốc gia tiến bộ dưới nhiều dạng thức khác nhau như tặng phẩm, cho vay hoặc đầu tư tài chánh; trong việc này, bên cho phải làm với lòng quảng đại chứ không vì tham lam, và bên nhận cũng phải thật liêm chính công minh.

Muốn xây dựng một trật tự kinh tế đích thực cho thế giới, cần phải đập tắt lòng ham lợi quá đáng, những tham vọng quốc gia, những âm mưu bá chủ chính trị, những toan tính độc tài quân phiệt cũng như mọi ý đồ tuyên truyền và áp đặt ý thức hệ. Hiện có rất nhiều hệ thống kinh tế và xã hội đã được đề ra, ước gì các nhà chuyên môn có thể dựa vào đó để đặt ra những cơ sở chung cho một nền mậu dịch quốc tế lành mạnh; điều đó sẽ dễ dàng hơn nếu mỗi người từ bỏ thành kiến riêng và không ngại đối thoại một cách chân thành.

86. Vài tiêu chuẩn thích hợp

Những tiêu chuẩn sau đây xem ra thích hợp cho việc cộng tác trên:

a) Các dân tộc đang phát triển cần chú tâm nhiều đến việc khẳng định quyết tâm mưu tìm sự tăng trưởng toàn vẹn cho người công dân như là mục tiêu của sự tiến bộ. Họ phải nhớ rằng sự tiến bộ phát sinh và tăng triển trước tiên nhờ vào lao động và năng lực của chính dân tộc mình; thật vậy, sự tiến bộ không thể chỉ nhờ vào viện trợ của nước ngoài, nhưng trước hết phải dựa trên việc huy động toàn bộ nguồn tài nguyên của đất nước cũng như việc phát triển văn hóa và truyền thống riêng của chính mình. Trong lãnh vực này, những ai có nhiều ảnh hưởng trên người khác cần phải được trọng dụng.

b) Các quốc gia tiến bộ phải đảm nhận trọng trách giúp đỡ các nước đang phát triển hoàn tất các công việc đó. Vì thế, ngay trong đất nước mình, họ phải vận động về tinh thần cũng như vật chất cần thiết để thiết lập sự cộng tác đại đồng này.

Như thế, trong giao dịch thương mại, các nước giàu phải quan tâm đặc biệt đến lợi ích của các quốc gia nghèo yếu hơn, vì chính nguồn lợi từ những sản phẩm bán ra rất cần cho nhu cầu sinh hoạt tại các quốc gia này.

c) Cộng đồng quốc tế có bổn phận phối hợp và cổ vũ sự phát triển, tuy nhiên phải liệu sao để tài nguyên dành cho mục đích ấy được phân phối thật hữu hiệu và hoàn toàn công bằng. Phạm vụ của cộng đồng này là, trong khi vẫn giữ nguyên tắc liên quan đến việc trợ cấp, phải điều phối sao cho các mối bang giao kinh tế trên toàn thế giới được thể hiện theo đúng quy chuẩn công bình.

Phải thiết lập những tổ chức có thể phát huy và điều hành nền mậu dịch quốc tế, nhất là với các quốc gia kém mở mang, để bù đắp những khuyết điểm do sự chênh lệch thái quá về năng lực giữa các quốc gia. Phương thức tổ chức đó, cùng với những hỗ trợ về kỹ thuật, văn hóa và tài chánh, sẽ giúp các quốc gia đang phát triển có những phương tiện cần thiết để có thể mở mang kinh tế một cách thích hợp.

d) Nhiều trường hợp đòi hỏi phải cấp bách xét lại các cơ cấu kinh tế và xã hội; tuy nhiên phải coi chừng những giải pháp kỹ thuật chưa được suy xét chín chắn, nhất là những giải pháp đi ngược lại đặc tính thiêng liêng và sự thăng tiến của con người, dù có đem đến những tiện ích vật chất: vì “con người không phải chỉ sống bằng cơm bánh nhưng còn bằng mọi lời từ miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt 4,4). Bất cứ phần tử nào của gia đình nhân loại cũng đều mang trong mình và trong những truyền thống tốt đẹp nhất của mình, một phần kho tàng thiêng liêng mà Thiên Chúa

đã trao ban cho nhân loại, dù nhiều người chưa nhận biết Đấng đã ban cho họ những điều tốt đẹp đó.

87. Hợp tác quốc tế trong vấn đề gia tăng dân số

Sự hợp tác quốc tế là một vấn đề hết sức cần thiết, khi một số dân tộc ngày nay, ngoài bao nhiêu khó khăn khác, còn rất thường gặp phải một số khó khăn đặc biệt nữa phát sinh từ sự gia tăng dân số quá nhanh. Điều đang cần cấp thiết thực hiện là nhờ vào sự hợp tác toàn diện và đặc lực của mọi quốc gia, nhất là những nước giàu, phải nghiên cứu làm sao để có thể cung cấp và chia sẻ cho toàn thể nhân loại những gì cần thiết cho sự sống và cho việc giáo dục xứng hợp của con người. Thật vậy, một số quốc gia sẽ có thể cải thiện điều kiện sinh sống của họ rất nhiều nếu được huấn luyện đầy đủ, để chuyển từ những phương pháp canh tác nông nghiệp lạc hậu đến những kỹ thuật tối tân, được khéo léo ứng dụng vào những hoàn cảnh thực tế, đồng thời cũng cần thiết lập một trật tự xã hội tốt đẹp hơn và phân chia đất đai cách công bình hơn.

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, dĩ nhiên chính phủ có quyền và có bổn phận đối với những vấn đề về dân số trong quốc gia mình: chẳng hạn vấn đề liên quan đến luật xã hội và gia đình, vấn đề di dân từ thôn quê về thành thị, vấn đề thông tin về tình hình và nhu cầu quốc gia. Ngày nay, người ta chú trọng rất nhiều đến vấn đề này, do đó, ước gì những người công giáo chuyên môn trong lãnh vực đó, nhất là trong các Đại học, hãy kiên nhẫn theo đuổi và phát huy sâu rộng hơn nữa việc học hỏi cũng như các công trình nghiên cứu.

Vì có nhiều người chủ trương cần phải giảm thiểu hoàn toàn tình trạng gia tăng dân số trên thế giới, hay ít ra tại một vài quốc gia, bằng mọi phương tiện và bằng bất cứ sự can thiệp nào của chính quyền, nên Công Đồng khuyến cáo mọi người phải chối từ những giải pháp đi ngược lại luật luân lý nhưng đang được đề cao một cách công khai hay riêng tư và đôi khi có tính cách bắt buộc. Thật vậy, vì kết hôn và sinh sản là quyền bất khả nhượng của con người, nên việc quyết định số con cái sẽ sinh ra tùy thuộc ở phán đoán đúng đắn của cha mẹ chứ không thể để cho chính quyền ấn định. Tuy nhiên, sự phán đoán của cha mẹ phải dựa trên một lương tâm ngay thẳng, do đó điều quan trọng là làm sao cho mọi người đạt được một trình độ trách nhiệm thích đáng và thật sự của một con người, một trách nhiệm biết cân nhắc mọi tình huống trong từng thời điểm nhưng vẫn luôn tôn trọng lề luật Thiên Chúa. Điều này còn đòi hỏi phải cải thiện khắp nơi tình trạng giáo dục và xã hội, nhất là cần phải có một nền giáo dục tôn giáo hay ít ra phải có một nền giáo dục đầy đủ về luân lý. Ngoài ra, dân chúng cần phải được thông tin chính xác về những tiến bộ khoa học trong việc tìm kiếm các phương pháp có thể giúp đôi vợ chồng điều hòa sinh sản, miễn là các phương pháp này được chứng minh rõ ràng là có hiệu quả và được nhìn nhận là phù hợp với luân lý.

88. Bổn phận của kitô hữu trong việc cứu trợ

Các Kitô hữu phải tự nguyện và quảng đại cộng tác vào việc xây dựng một cơ chế quốc tế biết thật sự tôn trọng những quyền tự do hợp pháp và đầy tình huynh đệ thân ái giữa tất cả mọi người. Họ càng phải sẵn lòng thực hiện việc đó khi đại đa số nhân loại vẫn còn đang đau khổ trong cảnh bần cùng, đến nỗi chính Chúa Kitô hiện thân nơi những kẻ nghèo khổ, như đang lớn tiếng đòi hỏi các môn đệ của Người phải thực thi bác ái. Vì thế, đừng để xảy ra gương mù như trường hợp một vài quốc gia có đa số dân chúng mang danh Kitô hữu đang thân nhiên hưởng thụ quá nhiều của cải, trong lúc nhiều quốc gia khác sống thiếu thốn cùng cực, bị đói khát, bệnh tật và đủ mọi thứ bất hạnh dày vò. Tinh thần khó nghèo và bác ái mới là vinh dự và dấu chứng của Giáo Hội Chúa Kitô.

Thế nên, phải khen ngợi và cổ vũ những Kitô hữu, nhất là các bạn trẻ, tự nguyện hiến thân phục vụ tha nhân và các dân tộc. Hơn thế nữa, toàn thể Dân Chúa theo gương sống và lời giảng dạy của các Giám mục, có bổn phận dùng mọi khả năng để xoa dịu những nỗi khốn cùng của thời đại ngày nay, và như Giáo Hội thời xưa quen làm, họ không chỉ cho đi những thứ mình có dư thừa, nhưng cả những gì đang cần cho chính bản thân.

Cách thức lạc quyền và phân phối viện trợ có thể linh động và không đồng loạt, nhưng cần phải được thực hiện theo kế hoạch tại các giáo phận, các quốc gia và trên toàn thế giới; và ở bất cứ nơi nào xem ra thuận tiện, các tín hữu công giáo nên hợp tác hoạt động với các anh em Kitô hữu khác. Tinh thần bác ái không ngăn trở nhưng trái lại còn đòi hỏi phải tiên liệu và tổ chức thật quy củ các hoạt động xã hội cũng như từ thiện. Vì thế, những người tình nguyện dấn thân phục vụ các quốc gia đang phát triển cần phải được huấn luyện đầy đủ tại các trụ sở đào tạo chuyên môn.

89. Sự hiện diện hữu hiệu của Giáo Hội trong cộng đồng quốc tế

Với sứ mạng do Chúa ủy thác, Giáo Hội rao giảng Tin Mừng và phân phát các kho tàng ân sủng cho tất cả mọi người; và ở bất cứ nơi nào trên hoàn cầu, Giáo Hội cũng góp phần củng cố hòa bình và thiết lập nền tảng vững chắc cho tình liên đới huynh đệ giữa mọi người cũng như giữa các dân tộc bằng cách làm cho mọi người nhận biết lề luật Thiên Chúa và luật tự nhiên. Vì thế, Giáo Hội phải luôn luôn hiện diện giữa lòng các dân tộc để khơi động và thúc đẩy sự hợp tác giữa mọi người qua các cơ sở hoạt động chính thức cũng như nhờ sự cộng tác tận lực và chân thành của mọi Kitô hữu, phát xuất từ ước nguyện duy nhất là phục vụ tất cả mọi người.

Sự cộng tác ấy sẽ hiệu quả hơn, nếu chính các tín hữu, với ý thức trách nhiệm làm người và làm Kitô hữu, nỗ lực phát động thiện chí sẵn sàng cộng tác với cộng đồng quốc tế ngay trong môi trường sinh hoạt của mình. Nên đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo các thế hệ trẻ về vấn đề này trong chương trình giáo dục tôn giáo cũng như huấn luyện công dân.

90. Vai trò của các Kitô hữu trong những tổ chức quốc tế

Cách thức hoạt động quốc tế tuyệt hảo nhất của các Kitô hữu chính là tham gia, hoặc cá nhân hoặc tập thể, vào những tổ chức hiện có hay sắp hình thành nhằm cổ vũ việc cộng tác giữa các quốc gia. Ngoài ra, những hiệp hội công giáo quốc tế khác nhau cũng có thể đóng góp nhiều hoạt động để xây dựng một cộng đồng hòa bình và huynh đệ giữa các dân tộc. Phải củng cố các hiệp hội này bằng cách gia tăng số hội viên đã được huấn luyện kỹ lưỡng, tăng cường các phương tiện cần thiết cũng như phối hợp chặt chẽ các năng lực hoạt động. Thật vậy, trong thời đại chúng ta hiện nay, những sáng kiến tập thể rất cần để có thể vừa hoạt động hữu hiệu vừa thỏa mãn nhu cầu đối thoại. Hơn nữa, những hình thức tổ chức ấy góp phần không ít vào việc gia tăng ý thức đại đồng là điều rất phù hợp với người công giáo, đồng thời cũng làm nảy sinh ý thức liên đới và trách nhiệm quốc tế thực sự.

Sau cùng, ước mong rằng người công giáo, để thực thi trọn vẹn nghĩa vụ của mình trong cộng đồng quốc tế, hãy tìm cách hợp tác tích cực và thiết thực với các anh em ly khai cùng tuyên xưng một tinh bác ái theo Tin Mừng, cũng như với tất cả mọi người đang khao khát nền hòa bình đích thực.

Ngày nay, khi nhìn vào nỗi thống khổ bao la đang đè nặng trên đa số nhân loại, và để duy trì công lý cũng như tình yêu Chúa Kitô đối với người nghèo khổ ở khắp nơi, Công Đồng nhận thấy đây là lúc thích hợp để thiết lập một cơ quan cho Giáo Hội toàn cầu, có nhiệm vụ thúc đẩy cộng đoàn công giáo hỗ trợ sự phát triển của các vùng nghèo khổ cũng như cơ chế công bình xã hội giữa các quốc gia.

KẾT LUẬN

91. Bồn phận của mỗi tín hữu và của các Giáo Hội địa phương

Từ những điều được rút ra từ kho tàng giáo lý của Giáo Hội, Thánh Công Đồng vừa đưa ra những đề nghị nhằm mục đích giúp đỡ mọi người thời nay, hoặc tin Thiên Chúa hoặc chưa mình nhiên nhìn biết Ngài, nhận thức rõ ràng hơn về ơn gọi toàn diện của mình, xây dựng thế giới cho hợp với phẩm giá siêu việt của con người hơn, tìm kiếm một tình huynh đệ đại đồng được thiết lập vững chắc hơn, và đáp lại những đòi hỏi khẩn thiết của thời đại hôm nay trong một nỗ lực quảng đại hợp tác dưới sự thúc đẩy của tình yêu.

Thật vậy, trước những hoàn cảnh và những hình thức văn hóa vô cùng đa dạng của nhân loại trên thế giới, những đề nghị trên đây trong nhiều điểm chỉ có ý trình bày một cách tổng quát; hơn nữa, vì phần lớn có liên hệ đến những vấn đề còn đang biến chuyển không ngừng, nên giáo huấn được trình bày ở đây, tuy đã được Giáo Hội công nhận, cũng cần được khai triển và tiếp tục nghiên cứu thêm nữa. Tuy nhiên, chúng tôi tin chắc rằng những điều mà chúng tôi loan báo dựa trên Lời Chúa và tinh thần Tin Mừng, có thể giúp ích cho nhiều người, nhất là khi các tín hữu, theo sự hướng dẫn của các vị chủ chăn, cố gắng thực hiện việc thích nghi cần thiết cho từng quốc gia và từng tâm thức khác nhau.

92. Đối thoại giữa mọi người

Với sứ mạng đem sứ điệp Tin Mừng soi chiếu cả thế giới và quy tụ trong Chúa Thánh Thần tất cả mọi người của mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa, Giáo Hội trở thành dấu chứng của tình huynh đệ, nhân tố tạo điều kiện và củng cố cho cuộc đối thoại chân thành.

Vậy, trước hết, chúng tôi muốn cổ vũ ngay trong lòng Giáo Hội sự quý mến, tôn trọng và đoàn kết với nhau bằng cách chấp nhận mọi dị biệt chính đáng, để cuộc đối thoại giữa những phần tử của một Dân Chúa duy nhất, dù là chủ chăn hay Kitô hữu, luôn mang lại những lợi ích tốt đẹp. Thật vậy, những điều gây chia rẽ không thể lấn át những yếu tố liên kết các tín hữu, đó là sự hợp nhất trong những điều thiết yếu, tự do trong những điểm còn nghi ngờ, bác ái trong tất cả mọi sự⁶.

Đồng thời, chúng tôi cũng thân ái nghĩ đến những người anh em và các cộng đồng, tuy chưa hiệp thông trọn vẹn, nhưng vẫn liên kết với chúng ta trong niềm tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, cũng như trong cùng một đức ái; và xin đừng quên rằng hiện nay, rất nhiều người, dù không tin vào Chúa Kitô, vẫn mong muốn và trông đợi sự hợp nhất giữa các Kitô hữu. Thật vậy, khi sự hợp nhất trong chân lý và tình yêu nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần càng tiến triển, thì càng tiên báo rõ rệt hơn sự hợp nhất và hòa bình trên toàn thế giới. Vì thế, chúng ta hãy cùng chung sức đạt đến mục tiêu cao cả ấy bằng những phương thức ngày càng thích hợp hơn, để khi biết kiện toàn nếp sống theo Tin Mừng, chúng ta sẽ cùng hợp tác trong tình huynh đệ nhằm phục vụ gia đình nhân loại, một cộng đồng luôn được mời gọi để gia nhập gia đình con cái Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô.

Chúng tôi cũng thành tâm hướng đến tất cả những ai đã nhận biết Thiên Chúa và đang giữ gìn các yếu tố truyền thống quý giá về tôn giáo và nhân bản, với ước mong tinh thần đối thoại cởi mở, sẽ dẫn đưa tất cả chúng ta đến thái độ chân thành đón nhận và tích cực thực hiện những gì Chúa Thánh Thần thôi thúc.

Trong cuộc đối thoại tìm đến chân lý nhờ bác ái yêu thương, dĩ nhiên với cả sự khôn ngoan thích hợp, chúng tôi không muốn loại trừ ai, dù đó là những người đang chú tâm vào những giá trị tinh thần nhân bản cao quý nhưng lại chưa nhận biết Đấng Tạo Thành, hay đó là những kẻ chống đối và bách hại Giáo Hội bằng nhiều cách. Vì Thiên Chúa Cha là nguyên lý và cùng đích mọi sự, nên tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm anh em với nhau. Và vì thế, được kêu gọi lãnh nhận thiên chức làm người và làm con Thiên Chúa, chúng ta có thể và phải cộng tác, không bạo động, không xảo trá để xây dựng một thế giới trong hòa bình đích thực.

93. Xây dựng và dẫn đưa thế giới tới cùng đích

Nhớ lại Lời Chúa: “Nếu các con thương yêu nhau, mọi người sẽ căn cứ vào đó mà nhận biết các con là môn đệ Thầy” (Ga 13,35), người Kitô hữu chỉ tha thiết ước mong luôn được phục vụ con người trong thế giới ngày nay cách quảng đại và hữu hiệu hơn. Thật vậy, trong khi trung thành gắn bó với Tin Mừng và hoạt động nhờ năng lực của Tin Mừng, cũng như liên kết với tất cả những ai yêu chuộng và thực thi công bình, các Kitô hữu nhận lãnh một sứ mệnh lớn lao mà họ phải chu toàn ở trần gian này và phải trả lễ với Đấng sẽ phán xét mọi người trong ngày sau hết. Không phải những ai nói “lạy Chúa, lạy Chúa” sẽ được vào Nước trời, nhưng chỉ có những ai thi hành ý muốn của Chúa Cha⁷ và can đảm làm việc. Và ý của Chúa Cha là chúng ta nhận ra Chúa Kitô như người anh của chúng ta nơi tất cả mọi người, đồng thời thể hiện tình yêu thương thật sự trong lời nói cũng như trong việc làm, đây chính là cách chúng ta làm chứng cho Chân Lý và chia sẻ cho tha nhân mẫu nhiệm tình yêu của Chúa Cha trên trời. Nhờ đó, mọi người trên khắp địa cầu sẽ sống mãnh liệt trong niềm hy vọng do Chúa Thánh Thần ban tặng, để sau cùng được hưởng bình an và hạnh phúc tuyệt vời trên quê trời ngập tràn vinh quang Thiên Chúa.

“Xin tôn vinh Đấng có thể dùng quyền năng đang hoạt động nơi chúng ta mà làm nên mọi sự, vượt quá cả những gì chúng ta dám cầu xin hay nghĩ tới, xin tôn vinh Ngài trong Giáo Hội và nơi Đức Giêsu Kitô đến muôn thuở muôn đời. Amen” (Ep 3,20-21).

Tất cả và từng điều được ban bố trong Hiến Chế này đều đã được các Nghị phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, với thẩm quyền tông truyền nhận được từ Chúa Kitô, hợp nhất với các Nghị phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, quyết nghị và xác lập, và những gì đã được xác lập theo thể thức Công Đồng, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Rôma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965
Tôi, PHAOLÔ, Giám mục Giáo Hội Công giáo
(Tiếp theo là chữ ký của các Nghị phụ)

⁶ x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Ad Petri Cathedram*, 29.6.1959: AAS 55 (1959), tr. 513.

⁷ x. Mt 7,21.

VỀ MỤC LỤC

TOÀN VĂN BÀI PHÁT BIỂU KHAI MẠC CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ TẠI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ CHỨC LINH MỤC.

Lm. Phêrô Trần Mạnh Hùng phỏng dịch

Nguồn: THE TABLET, Thursday, 17 February 2022

<https://thetablet.org/pope-francis-full-opening-speech-at-international-conference-on-the-priesthood/> (Truy cập, ngày 17 tháng 2 năm 2022)



Pope Francis gives the opening talk at an international symposium on the priesthood at the Vatican Feb. 17, 2022. (CNS photo/Paul Haring)

The following is Pope Francis' full opening speech at the symposium on the priesthood that has gathered priests, bishops, and theologians from around the world to the Vatican.

Đức Thánh Cha Phanxicô có bài phát biểu khai mạc tại hội nghị chuyên đề quốc tế về chức linh mục tại Vatican ngày 17 tháng 2 năm 2022. (Ảnh CNS / Paul Haring)

Sau đây là toàn bộ bài phát biểu khai mạc của Đức Thánh Cha Phanxicô tại hội nghị chuyên đề về chức linh mục đã quy tụ các linh mục, giám mục và các nhà thần học từ khắp nơi trên thế giới đến Vatican.

Anh em rất thân mến, kính chúc anh em có được một ngày tốt lành!

Tôi rất biết ơn khi có cơ hội chia sẻ với các bạn sự suy ngẫm này về một số điều mà Chúa đã dần dần giúp tôi nhận ra trong hơn năm mươi năm làm linh mục của mình. Trong sự tưởng nhớ đầy biết ơn này, tôi muốn bao gồm tất cả những linh mục, những người, bằng cuộc sống và chứng nhân của họ, đã cho tôi thấy từ những năm đầu tiên của tôi ý nghĩa của việc phản ánh khuôn mặt của Người Mục Tử Nhân Lành. Khi suy nghĩ về những điều cần chia sẻ liên quan đến cuộc sống của linh mục ngày nay, tôi kết luận rằng điều tốt nhất là nói về nhân chứng mà tôi đã nhận được từ rất nhiều linh mục trong nhiều năm qua. Những gì tôi cung cấp bây giờ là kết quả của những suy nghĩ của tôi về họ, và sự công nhận và đánh giá cao của tôi về những gì đã phân biệt họ và mang lại cho họ sức mạnh, niềm vui và hy vọng đặc biệt trong sứ mệnh mục vụ của họ.

Đồng thời, tôi cũng nên nói về những anh em linh mục mà tôi phải đồng hành vì họ đã đánh mất ngọn lửa tình yêu đầu tiên và chức vụ của họ trở nên cần cỗi, lặp đi lặp lại và vô nghĩa. Có những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau trong cuộc đời của mỗi linh mục. Cá nhân tôi đã trải qua nhiều thời điểm và tình huống khác nhau, và khi “suy ngẫm” về các chuyển động của Thánh Linh, tôi nhận ra rằng trong một số tình huống đó, bao gồm những khoảnh khắc thử thách, khó khăn và trống vắng, tuy nhiên khi trải qua các trải nghiệm đó, tôi vẫn luôn có một cảm giác bình yên trong cuộc sống của tôi. Tôi nhận ra rằng chúng ta có thể nói và suy đoán không ngừng về chức tư tế (hay chức linh mục), nhưng hôm nay tôi muốn chia sẻ với các bạn “cuốn album nhỏ” này, để các linh mục ngày nay, dù họ ở đâu, có thể trải nghiệm sự bình an và kết quả mà Thánh Linh mong muốn ban tặng. Có thể những suy tư này là “bài hát thiên nga” trong đời linh mục của tôi, nhưng tôi có thể đảm bảo với bạn rằng chúng là kết quả của kinh nghiệm của chính tôi.

Thời đại mà chúng ta đang sống đòi hỏi chúng ta không chỉ trải nghiệm sự thay đổi, mà còn phải chấp nhận nó khi nhận ra rằng thời điểm của chúng ta là thời kỳ của sự thay đổi mang tính lịch sử. Nếu chúng ta có bất kỳ nghi ngờ nào về điều này, **Covid** (đại dịch viêm phổi Vũ Hán) đã làm cho nó rõ ràng: thực sự, sự bùng phát của virus không thể bị giới hạn trong vấn đề y học và chăm sóc sức khỏe.

Chúng ta có thể phản ứng theo nhiều cách khác nhau trước thách thức của sự thay đổi. Vấn đề là trong khi nhiều hành động và thái độ có thể hữu ích và tốt, không phải tất cả chúng đều mang hương vị của Tin Mừng. Ví dụ, tìm kiếm những cách thức hoạt động đã được thiết lập, rất thường được neo trong quá khứ, “đảm bảo” một loại bảo vệ khỏi rủi ro, che chở chúng ta trong thế giới hoặc một xã hội không còn tồn tại (nếu nó đã từng tồn tại), như thể điều này trật tự xác định có thể dập tắt những xung đột mà lịch sử đặt ra trước mắt chúng ta.

Một thái độ khác có thể là của sự lạc quan quá mức - “Mọi thứ sẽ ổn thôi” - dẫn đến việc phớt lờ nỗi đau liên quan đến sự biến đổi này và không chấp nhận những căng thẳng, phức tạp và mơ hồ của thời điểm hiện tại, “hiến dâng” những điều mới lạ nhất làm hiện thực cuối cùng và do đó gạt bỏ đi sự khôn ngoan của năm tháng.

Cả hai đều là một loại chuyển bay. Chúng là phản ứng của người chần chừ khi nhìn thấy con sói đến và bỏ chạy: hoặc hướng về quá khứ hoặc hướng tới tương lai. Cả hai đều không thể dẫn đến các giải pháp trưởng thành.

Thay vào đó, tôi thích các phản ứng sinh ra từ sự chấp nhận thực tại một cách đáng tin cậy, được neo giữ trong Truyền thống khôn ngoan và sống động của Giáo hội, cho phép chúng ta đi vào vực sâu mà không sợ hãi. Vào thời điểm này của lịch sử, tôi cảm thấy rằng Chúa Giêsu một lần nữa đang mời gọi chúng ta **“Hãy chèo ra chỗ nước sâu”** (x. Lc 5, 4) tin tưởng rằng Người là Chúa của lịch sử và rằng với sự hướng dẫn của Người, chúng ta sẽ phân biệt được hướng đi. Sự cứu rỗi của chúng ta không phải là “vô trùng”, sản phẩm của một phòng thí nghiệm hoặc một chủ nghĩa tâm linh quái gở. **Phân biệt ý muốn của Thiên Chúa có nghĩa là học cách nhìn các thực tại bằng chính con mắt của Chúa.** Nó có nghĩa là không trốn tránh những thực tế mà con người của chúng ta đang trải qua, hoặc lo lắng tìm kiếm một lối thoát nhanh chóng và yên tĩnh được cung cấp bởi hệ tư tưởng của thời điểm này hoặc các câu trả lời đúc sẵn.

Cả hai điều này đều không có khả năng đối phó với những thời khắc khó khăn hơn và thậm chí đen tối hơn trong lịch sử của chúng ta. Hai con đường này sẽ khiến chúng ta phủ nhận “lịch sử của chúng ta với tư cách là một Giáo hội, là một lịch sử vinh quang bởi vì đó là lịch sử của sự hy sinh, của những hy vọng và đấu tranh hàng ngày, của cuộc đời dành cho việc phục vụ và trung thành với công việc” (Xem Tông huấn Niềm vui của Tin Mừng hay còn được dịch là Niềm vui của Phúc Âm - **Evangelii Gaudium**, số 96).

Những thách thức này cũng đang ảnh hưởng đến cuộc sống của các linh mục; một triệu chứng của điều này là cuộc khủng hoảng ơn gọi mà các cộng đồng của chúng ta đã trải qua ở một số nơi. Tuy nhiên, thông thường, điều này xảy ra là do sự vắng bóng lòng nhiệt thành tông đồ nơi các cộng đoàn hầu dễ lây lan, kết quả là họ thiếu sự nhiệt tình và hấp dẫn. Ở đâu có sự sống và lòng nhiệt thành, và ước muốn mang Chúa Kitô đến cho người khác, các ơn gọi chân chính sẽ xuất hiện. Ngay cả trong các giáo xứ có các linh mục không đặc biệt gắn bó và vui tươi, đời sống tích cực và huynh đệ của cộng đoàn có thể đánh thức ước muốn dâng hiến trọn vẹn cuộc đời của một người cho Thiên Chúa và cho việc rao giảng Tin Mừng. Điều này đặc biệt đúng nếu cộng đoàn đó kiên trì cầu nguyện cho các ơn gọi và can đảm đề xuất cho những người trẻ của mình một con đường dâng hiến đặc biệt.

Cuộc đời của một linh mục trên hết là lịch sử cứu độ của một người đã được rửa tội. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng mỗi ơn gọi cụ thể, kể cả ơn gọi Truyền Chức Thánh, là sự hoàn thành của bí tích rửa tội. Nói cách khác, luôn luôn sẽ là một cám dỗ lớn khi sống chức linh mục mà không có bí tích rửa tội, chúng ta quên rằng ơn gọi chính yếu của chúng ta là nên thánh. Nên thánh có nghĩa là làm cho chúng ta phù hợp với Chúa Giêsu (*trở nên đồng hình đồng dạng với người*), để cho tâm hồn chúng ta rộn ràng với những tâm tình giống như Người (x. Pl 2:15). Chỉ khi cố gắng yêu thương người khác như Chúa Giê-su, chúng ta mới làm cho Thiên Chúa trở nên hữu hình và hoàn thành ơn gọi nên thánh của mình. Thật vậy, Thánh Gioan Phaolô II đã nhắc nhở chúng ta rằng, “linh mục, giống như mọi thành viên khác của Giáo hội, phải lớn lên trong nhận thức rằng bản thân mình luôn cần được phúc âm hoá” (Pastores Dabo Vobis, [25 tháng 3 năm 1992], 26).

Mỗi ơn gọi cụ thể phải được phục tòng cho loại biện phân này. Ơn gọi của chúng ta trước hết là sự đáp lại Đấng đã yêu thương chúng ta trước (x. 1 Ga 4:19). Đây là nguồn hy vọng của chúng ta, vì ngay cả giữa những khủng hoảng, Chúa vẫn không ngừng yêu thương chúng ta và kêu gọi chúng ta. Mỗi người chúng ta có thể làm chứng cho điều này: một ngày kia Chúa đã tìm thấy chúng ta, nơi mà chúng ta đã trú ngụ và với những gì mình đã là, trong những hoàn cảnh không chắc chắn hoặc những hoàn cảnh phức tạp của gia đình; tuy nhiên điều này không ngăn cản Ngài sử dụng mỗi người chúng ta để viết lên lịch sử cứu rỗi. Vì vậy, ngay từ thuở ban đầu - chúng ta có thể nghĩ đến Phêrô, Phao-lô và Matthêô, chỉ để nêu tên một số. Chúa Giê-su không chọn họ vì họ hoàn hảo, nhưng vì Ngài đã cam kết cụ thể cho từng người trong số họ. Khi nhìn vào nhân tính của chính mình, lịch sử của chính mình, nhân cách của chính mình, mỗi người chúng ta nên tự hỏi, không phải là việc đáp lại một ơn gọi có đồng ý hay không, nhưng liệu trong lương tâm, ơn gọi đó có làm sáng tỏ tiềm năng Tình yêu trong chúng ta hay không, đây chính là điều mà chúng ta đã nhận được vào ngày làm chịu phép rửa.

Trong thời buổi thay đổi này, nhiều câu hỏi phải đối mặt và nhiều cám dỗ sẽ nảy sinh. Trong những nhận xét này, tôi sẽ chỉ đơn giản nói về điều mà tôi coi là quyết định đối với cuộc đời của một linh mục ngày nay. Thánh Phao-lô nói với chúng ta rằng, “trong Đức Kitô, toàn bộ công trình được kết hợp với nhau và phát triển thành đền thánh trong Chúa” (Ep 2: 21). Mọi cấu trúc, để giữ vững vị trí, cần có những nền tảng vững chắc. Vì lý do này, tôi muốn nói về những thái độ nâng đỡ chúng ta với tư cách là các linh mục. Tôi sẽ gọi bốn trụ cột đó trong đời sống linh mục của chúng ta là “**bốn hình thức gắn gũi**”, vì chúng bắt chước “phong cách” của chính Đức Chúa, về cơ bản là phong cách gắn gũi (xem Sách Đệ nhị luật - Đnl 4: 7).

Tôi đã từng đề cập đến những điều này trong quá khứ, nhưng hôm nay tôi muốn thảo luận đầy đủ hơn về chúng bởi vì, hơn cả những công thức hay lý thuyết, các linh mục cần những công cụ cụ thể để thực thi chức vụ, sứ mệnh và hoạt động hàng ngày của họ. Thánh Phao-lô khuyến

khích Ti-mô-thê nhen nhóm món quà của Thiên Chúa mà ông đã nhận được qua việc đặt tay: một tinh thần không phải sợ hãi, nhưng là sức mạnh, tình yêu thương và sự tự kỷ luật (xem 2 Tm 1: 6-7). Tôi tin rằng bốn “hình thức gần gũi” này có thể giúp chúng ta một cách thiết thực, cụ thể và tràn đầy hy vọng để nhen nhóm món quà và thành quả đã từng hứa với chúng ta.

1. GẦN GŨI VỚI CHÚA

Đầu tiên là sự gần gũi với Chúa, tức là với Chúa của sự gần gũi. “Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được. Ai không ở lại trong Thầy, thì bị quăng ra ngoài như cành nho và sẽ khô héo. Người ta nhặt lấy, quăng vào lửa cho nó cháy đi. Nếu anh em ở lại trong Thầy và lời Thầy ở lại trong anh em, thì muốn gì, anh em cứ xin, anh em sẽ được như ý.” (Ga 15: 5-7).

Trên hết, một linh mục được kêu gọi để nuôi dưỡng sự gần gũi này, sự thân mật này với Thiên Chúa, và từ mối quan hệ này, anh ta sẽ có thể rút ra tất cả sức mạnh cần thiết cho chức vụ của mình. Có thể nói, mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa là điều gì “gắn kết” chúng ta với Ngài và làm cho chúng ta có kết quả. Nếu không có mối quan hệ mật thiết và gần gũi này với Chúa, thánh chức của chúng ta sẽ không có kết quả. Gần gũi với Chúa Giê-su và tiếp xúc hàng ngày với lời của ngài, cho phép chúng ta đo lường cuộc sống của mình theo lời Ngài, học cách không bị tai tiếng bởi bất cứ điều gì xảy đến với chúng ta và bảo vệ bản thân khỏi “những vấp ngã”. Giống như Thầy Giê-su, bạn sẽ trải nghiệm niềm vui, tiệc cưới, phép lạ và sự chữa lành, việc hoá bánh ra nhiều, và nhặt lại các phần còn dư thừa sau đó, những khoảnh khắc ngợi khen. Nhưng bạn cũng sẽ trải qua sự vô ơn, bị từ chối, nghi ngờ và cô độc, đến mức phải kêu lên: “Chúa ơi, Chúa ơi, tại sao Chúa lại bỏ rơi con?” (Mt 27: 46).

Sự gần gũi với Chúa Giê-su khiến chúng ta không sợ hãi trong những lúc đó - không phải vì chúng ta dựa vào sức riêng của mình mà vì chúng ta nhìn vào Người, bám chặt lấy Người và kêu lên: “Lạy Chúa, xin giữ cho con khỏi sa vào cơn cám dỗ! chính điều này làm cho tôi nhận ra rằng tôi đang trải qua một thời điểm quan trọng trong cuộc đời và Ngài đang ở bên tôi, để thử thách niềm tin và tình yêu của tôi” (C.M. MARTINI, Kiên trì trong Thử nghiệm. Suy gẫm về cuộc đời của Gióp. *Perseverance in Trials. Reflections on Job*, Collegeville, 1996). Sự gần gũi với Chúa đôi khi có thể mang hình thức của một cuộc đấu tranh: một cuộc đấu tranh với Chúa, đặc biệt là trong những thời điểm mà sự vắng mặt của Ngài được cảm nhận rõ nhất trong cuộc sống của chúng ta và trong cuộc sống của những người được giao phó cho chúng ta. Một cuộc đấu tranh kéo dài suốt đêm, và giữa lúc đó, chúng ta cầu xin sự ban phúc của Người (x. St 32: 25-7), đây sẽ là nguồn sống cho nhiều người.

Nhiều khủng hoảng trong chức tư tế (hay trong đời sống linh mục) bắt nguồn chính từ đời sống cầu nguyện nghèo nàn, thiếu thân mật với Chúa, giảm đời sống thiêng liêng xuống chỉ thực hành tôn giáo. Tôi có thể nghĩ đến những khoảnh khắc quan trọng của cuộc đời mình, nơi mà sự gần gũi với Chúa tỏ ra quyết định trong việc nâng đỡ tôi. Sự thân mật với Chúa sinh ra từ lời cầu nguyện, đời sống thiêng liêng, sự gần gũi cụ thể với Thiên Chúa qua việc lắng nghe lời Người, cử hành Thánh Thể, thỉnh lạng tôn thờ Chúa Giêsu trong bí tích thánh thể, phó thác cho Mẹ Maria, sự đồng hành dưới sự dẫn dắt khôn ngoan của một cha linh hướng và việc thường xuyên lãnh nhận bí tích Hòa giải... Nếu không có những điều này “các hình thức gần gũi”, một linh mục chỉ là một kẻ làm thuê mệt mỏi không được lợi ích gì với tư cách là người bạn thân thiết của Chúa.

Chẳng hạn, trong đời sống của các linh mục, việc cầu nguyện chỉ được thực hành như một bổn phận; chúng ta quên rằng tình bạn và tình yêu không đến từ những quy tắc tuân theo, mà là sự lựa chọn cơ bản của trái tim. Cuối cùng, vị linh mục cầu nguyện vẫn với tư cách là một Kitô hữu, người đã biết trân trọng đầy đủ ân huệ nhận được khi chịu phép rửa tội. Một linh mục cầu nguyện là một người con luôn nhớ rằng mình là như vậy, và rằng, mình có một người Cha yêu thương mình sâu sắc. Một linh mục cầu nguyện là một người con luôn gần gũi với Chúa.

Tuy nhiên, không điều gì là dễ dàng cả, trừ khi chúng ta quen tìm những giây phút tĩnh lặng trong suốt ngày của mình và gác lại hoạt động của Mattha (nghĩa là sự hoạt động bên ngoài) để học việc chiêm ngưỡng tĩnh lặng của Đức Maria. Chúng ta cảm thấy khó từ bỏ chủ nghĩa tích cực đó, bởi vì một khi chúng ta ngừng chạy xung quanh, điều chúng ta cảm thấy ngay lập tức không phải là bình yên mà là một loại trống rỗng; và để tránh cảm giác đó, chúng ta không muốn giảm tốc độ. Tuy nhiên, một khi chúng ta chấp nhận sự “thanh vắng” sinh ra từ sự im lặng, nhanh chóng từ các hoạt động và lời nói của mình, và tìm thấy can đảm để nhìn lại bản thân một cách chân thành, mọi thứ sẽ trở nên nhẹ nhàng và bình yên không còn dựa trên sức mạnh và khả năng của chính chúng ta nữa. Chúng ta cần học cách để cho Chúa làm cho công việc của Ngài hoàn thành trong mỗi người chúng ta và “cắt tỉa” tất cả những gì không có ích, cần cỗi hoặc không xứng đáng với sự ơn gọi của chúng ta. Sự kiên trì trong lời cầu nguyện không chỉ đơn giản là trung thành với việc thực hành nó: nó có nghĩa là không bỏ chạy trong những lúc lời cầu nguyện lôi kéo chúng ta vào sa mạc. **Con đường trong sa mạc là con đường dẫn đến sự thân mật với Thiên Chúa, với điều kiện chúng ta đừng chạy trốn hay tìm cách trốn tránh cuộc gặp gỡ này.** Trong sa mạc “Ta sẽ dịu dàng nói với nàng”, Chúa đã nói với dân Ngài qua những lời của tiên tri Hôsê (Hs 2:14).

Sự gần gũi với Thiên Chúa cho phép người linh mục chạm vào những tổn thương trong tâm hồn chúng ta, mà nếu được ôm ấp, chúng ta sẽ giải trừ chúng ta đến mức có thể có một cuộc gặp gỡ. Lời cầu nguyện, như lửa, khuấy động đời sống linh mục của chúng ta, là lời cầu xin

của một tấm lòng kiên trung và khiêm nhường, mà như Kinh Thánh đã nói với chúng ta, Chúa không khinh bỉ (x. Tv 51:17). “Họ kêu xin, và Chúa đã nhậm lời, giải thoát khỏi mọi cơn nguy khốn. Chúa gần gũi những tấm lòng tan vỡ, cứu những tâm thần thất vọng ê chề.” (Tv 34: 17-18).

Một linh mục cần có một trái tim “mở rộng” và đủ rộng mở để đón nhận nỗi đau của những người được giao phó cho sự chăm sóc của mình, đồng thời, giống như một lính canh, có thể công bố sự rạng rỡ ân điển của Đức Chúa được bày tỏ trong chính nỗi đau đó. Ôm ấp, chấp nhận và thể hiện sự bần cùng của mình trong sự gần gũi với Chúa là phương tiện tốt nhất để dần dần học cách đón nhận sự thiếu thốn và đau đớn mà anh ta gặp phải hàng ngày trong chức vụ của mình, và do đó ngày càng nên đồng hình, đồng dạng và gần gũi hơn với trái tim của Đức Kitô. Đến lượt mình, điều đó sẽ chuẩn bị cho người linh mục một kiểu gần gũi khác: **gần gũi với dân Chúa**. Trong sự gần gũi với Thiên Chúa, linh mục lớn lên trong sự gần gũi với đoàn chiên (hay giáo dân) của mình; và ngược lại, khi gần gũi với giáo dân của mình, anh ta cảm nghiệm được sự gần gũi với vị Thiên Chúa của mình.

Thánh Gioan Tẩy Giả đã nói: “Người phải lớn lên, còn tôi thì phải giảm xuống” (Ga 3: 30). Sự thân mật với Chúa làm cho tất cả những điều này trở nên khả thi, vì trong lời cầu nguyện, chúng ta nhận ra rằng, mình cao cả trong ánh mắt của Ngài, và vì thế, đối với những linh mục gần gũi Chúa, chúng ta dễ trở nên nhỏ bé trong mắt người đời. Ở đó, trong sự gần gũi với Chúa, chúng ta không còn sợ hãi khi bị gán ghép với Chúa Giêsu bị đóng đinh, như đã đòi hỏi chúng ta trong Nghi thức Truyền chức Linh mục.

2. GẦN GŨI VỚI GIÁM MỤC

Hình thức gần gũi thứ hai này từ lâu đã được hiểu một cách phiến diện. Với tư cách là Giáo hội, ngày nay, quan điểm của chúng ta về sự vâng phục vẫn khác xa với ý thức của Phúc âm. Sự vâng lời không phải là một thuộc tính kỷ luật nhưng là dấu hiệu sâu xa nhất của mối dây liên kết chúng ta trong sự hiệp thông. Tuân theo (hay vâng lời bề trên) nghĩa là học cách lắng nghe, để nhớ rằng không ai “sở hữu” ý muốn của Thiên Chúa, ý muốn này chỉ được hiểu thông qua sự phân định. Vì thế, vâng lời là chú ý lắng nghe ý muốn của Thiên Chúa, ý muốn ấy được nhận biết một cách chính xác trong mối quan hệ, cụ thể là mối quan hệ với người khác. Thái độ chăm chú lắng nghe như vậy khiến chúng ta nhận ra rằng, không ai trong chúng ta là đầu và cuối của cuộc đời, mà mỗi chúng ta nhất thiết phải tương tác với người khác. “Logic nội tại” của sự gần gũi - trong trường hợp này là với Giám mục, nhưng ngay cả với những người khác nữa - cho phép chúng ta chiến thắng mọi cám dỗ về tính khép kín, tự biện minh cho bản thân và sống cuộc đời của mình như những “nhà độc thân”. Thay vào đó, nó mời gọi chúng ta lắng nghe người khác, để tìm ra con đường dẫn đến chân lý và cuộc sống.

Giám mục, dù ngài là ai, vẫn luôn duy trì và đối với mỗi linh mục và cho mỗi Giáo hội địa phương là một mối dây liên kết giúp phân biệt ý muốn của Thiên Chúa. Tuy nhiên, chúng ta không nên quên rằng chính Giám mục chỉ có thể là một phương tiện cho sự phân định này nếu chính ngài chú ý đến đời sống của các linh mục của ngài và của dân thánh Thiên Chúa được giao phó cho ngài chăm sóc. Như tôi đã viết trong Tông huấn Niềm vui của Phúc Âm - **Evangelii Gaudium**, “chúng ta cần thực hành nghệ thuật lắng nghe, không chỉ đơn giản là nghe. Lắng nghe, trong giao tiếp, là một sự cởi mở của trái tim, giúp cho sự gần gũi có thể thực hiện, vì nếu không có điều này thì sự gặp gỡ thiêng liêng thực sự không thể xảy ra. Lắng nghe giúp chúng ta tìm ra cử chỉ và lời nói phù hợp cho thấy chúng ta không chỉ đơn giản là người ngoài cuộc. Chỉ nhờ vào sự lắng nghe với tính cách tôn trọng và nhân ái như vậy, chúng ta mới có thể bước vào con đường trưởng thành thực sự và đánh thức khát vọng lý tưởng Kitô giáo: ước muốn đáp lại trọn vẹn tình yêu của Thiên Chúa và kết quả những gì Người đã gieo trong cuộc đời chúng ta” (Xem Tông huấn Niềm vui của Tin Mừng hay còn được dịch là Niềm vui của Phúc Âm - **Evangelii Gaudium**, số 171).

Không phải ngẫu nhiên mà điều ác, để phá hủy thành quả công việc của Giáo hội, lại tìm cách phá hoại các mối dây liên kết thiết lập và gìn giữ chúng ta trong sự hiệp nhất. Bảo vệ mối liên kết của người linh mục với Giáo hội địa phương của mình, với giáo phận mà anh ta thuộc về, và với vị Giám mục của mình, làm cho đời sống linh mục trở nên đáng tin cậy và chắc chắn. Vâng lời là quyết định cơ bản để chấp nhận những gì được yêu cầu nơi chúng ta, và làm như vậy như một dấu chỉ cụ thể của bí tích cứu độ phổ quát đó là Giáo hội. Sự vâng lời cũng có thể là thảo luận, chú ý lắng nghe và trong một số trường hợp có thể mang tính cách căng thẳng. Điều này nhất thiết đòi hỏi các linh mục phải cầu nguyện cho các Giám mục của họ và được tự do bày tỏ ý kiến của mình với sự tôn trọng và chân thành. Nó cũng đòi hỏi các Giám mục phải thể hiện sự khiêm tốn, khả năng lắng nghe, tự phê bình và để bản thân được giúp đỡ. Nếu chúng ta có thể duy trì mối ràng buộc này, chúng ta sẽ tiến lên một cách an toàn trên con đường của mình.

3. GẦN GŨI VỚI CÁC LINH MỤC KHÁC

Chính trên nền tảng của sự hiệp thông với Giám mục mà một hình thức gần gũi thứ ba xuất hiện, đó là sự gần gũi của tình huynh đệ. Chúa Giêsu hiện diện ở bất cứ nơi nào có anh chị em yêu thương nhau: “Vì ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ” (Mt 18: 20). Tình huynh đệ, giống như sự vâng lời, không thể là một sự áp đặt luân lý từ bên ngoài. Tình huynh đệ có nghĩa là lựa chọn cố ý theo đuổi sự thánh khiết cùng với những người khác, chứ không phải tự chính mình. Như một câu ngạn ngữ Châu Phi đã nói: “Nếu bạn muốn đi nhanh, hãy đi một mình; nếu bạn muốn đi xa, hãy đi cùng người khác”. Đôi khi có vẻ như Giáo hội chậm chạp, và điều đó đúng. Tuy nhiên, tôi thích nghĩ đó là sự chậm chạp của những người đã chọn bước đi trong tình huynh đệ.

Những dấu hiệu của tình huynh đệ là những dấu hiệu của tình yêu. Thánh Phaolô, trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rin-tô (Chương 13), đã để lại cho chúng ta một “lộ trình” tình yêu rõ ràng và theo một nghĩa nào đó, đã chỉ ra mục tiêu của tình huynh đệ. Trước hết, để học tính kiên nhẫn, khả năng cảm thấy có trách nhiệm với người khác, chia sẻ gánh nặng của họ, chịu đựng theo một cách nào đó với họ. Đối lập với sự nhẫn nại là sự thờ ơ, khoảng cách mà chúng ta tạo ra với người khác, để không dính líu đến cuộc sống của họ. Nhiều linh mục trải qua màn kịch của sự đơn độc, của sự cô đơn. Chúng ta có thể cảm thấy không cần sự kiên nhẫn hoặc cân nhắc. Thật vậy, có vẻ như chúng ta chỉ mong đợi sự phán xét từ người khác chứ không phải lòng tốt hay sự quan tâm. Những người khác dường như không thể vui mừng trước những điều tốt đẹp xảy ra trong cuộc sống của chúng ta, hoặc chính chúng ta dường như không thể vui mừng khi chúng ta thấy những điều tốt đẹp xảy ra trong cuộc sống của người khác. Đây là sự đổ kỵ, rất hiện hữu trong vòng kết nối của chúng ta; nó là một trở ngại cho phương pháp sư phạm của tình yêu, không chỉ là một tội lỗi cần được thú nhận.

Để cảm thấy mình là một phần của cộng đồng hoặc “nhóm”, không cần phải đeo mặt nạ để khiến bản thân trở nên hấp dẫn hơn đối với người khác. Nói cách khác, chúng ta không cần phải khoe khoang, càng không cần phải thổi phồng, hoặc tệ hơn là trở nên kiêu ngạo hoặc thô lỗ, thiếu tôn trọng người lân cận. **Nếu có một điều mà người linh mục có thể khoe khoang, thì đó là lòng thương xót của Chúa.** Vì ý thức về tội lỗi, sự yếu đuối và giới hạn của chính mình, nên từ kinh nghiệm, thánh Phaolô biết rằng nơi nào tội lỗi nhiều thì ân sủng càng nhiều hơn (x. Rm 5:20). Đây là thông điệp đầu tiên và yên tâm nhất mà ngài đã mang đến cho chúng ta.

Tình yêu thương huynh đệ không cố chấp theo cách riêng của nó, hay dẫn đến sự tức giận hay oán giận, như thể anh em tôi hoặc người hàng xóm đã lừa dối tôi điều gì đó. Khi tôi gặp sự ác ý của người khác, tôi chọn không nuôi dưỡng lòng thù hận, để làm cơ sở phán xét duy nhất của tôi, thậm chí có thể đến mức vui mừng vì điều ác trong trường hợp của những người đã gây ra cho tôi đau khổ. Tình yêu chân chính vui mừng trong lẽ thật và coi đó là tội trọng khi xúc phạm đến sự thật và phẩm giá của anh chị em chúng ta qua những lời vu khống, dèm pha và đàm tiếu.

Mặt khác, chúng ta đừng bao giờ cho phép tình yêu huynh đệ bị coi là điều không tưởng, một cụm từ sáo rỗng hữu ích để đánh thức những tình cảm nồng ấm hoặc những bất đồng vẫn còn tồn tại. Không! Tất cả chúng ta đều biết khó khăn như thế nào để sống trong cộng đồng, bên cạnh những người mà chúng ta đã chọn gọi là anh chị em của mình. Tình yêu thương huynh đệ chỉ có thể tồn tại và diễn ra, với điều kiện là chúng ta không biến nó trở thành như loại đường hoá học (ý ĐTC Phanxicô muốn nói ở đây có nghĩa là tình huynh đệ giữa các anh em linh mục không nên giả tạo như loại đường hoá học), xác định lại hoặc làm giảm bớt nó, là “lời tiên tri vĩ đại” mà chúng ta được kêu gọi để hiện thân trong xã hội vứt bỏ ngày nay. Tôi thích nghĩ về tình yêu thương huynh đệ như một “phòng tập thể dục của tinh thần”, nơi chúng ta hàng ngày kiểm

tra sự tiến bộ của mình và kiểm tra nhiệt độ của đời sống tâm linh của chúng ta. Ngày nay, lời tiên tri về tình huynh đệ không hề phai nhạt, nhưng nó cần những sứ giả loan tin, những người nam và người nữ, những người ý thức về những giới hạn và thách thức của chính mình, hãy để cho mình được cảm động, thử thách và cảm kích bởi những lời của Chúa: “Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này: là anh em có lòng yêu thương nhau.” (Ga 13: 35).

Tình yêu huynh đệ, đối với các linh mục, không thể bị giới hạn trong một nhóm nhỏ, nhưng được thể hiện trong lòng bác ái mục vụ (xem Pastores Dabo Vobis, 23), là nguồn cảm hứng cho chúng ta sống tình yêu đó một cách cụ thể như là sứ mệnh. Chúng ta có thể nói rằng chúng ta yêu thực sự, nếu chúng ta học cách bày tỏ tình yêu theo cách mà Thánh Phaolô mô tả. Chỉ có người tìm kiếm tình yêu mới được an toàn. Những người sống với hội chứng Cain, bị thuyết phục rằng, họ không có khả năng yêu thương người khác vì bản thân họ cảm thấy không được yêu thương, và không được đánh giá cao, cuối cùng họ luôn sống như những kẻ lang thang không yên, không bao giờ cảm thấy thoải mái như ở nhà, và chính xác vì lý do này mà họ càng dễ dàng tiếp xúc với sự dữ hay điều ác nhiều hơn: làm tổn thương chính mình và làm tổn thương người khác.

Tôi cũng muốn nói thêm rằng khi tình huynh đệ của anh em linh mục phát triển mạnh và các mối quan hệ của tình bạn chân chính tồn tại, thì họ cũng có thể trải nghiệm cuộc sống độc thân một cách thanh thản hơn. **Đời sống độc thân** (bao hàm ý nghĩa đời sống khiết tịnh, tiếng Anh gọi là **celibacy**) là một món quà (từ Thiên Chúa) mà Giáo hội Công giáo La Mã đã bảo vệ và gìn giữ, nhưng nó là một món quà, để được sống như một phương tiện nên thánh, đòi hỏi những mối quan hệ lành mạnh, những mối quan hệ có lòng quý trọng và sự tốt lành thực sự bắt nguồn sâu xa từ Chúa Kitô. **Không có bạn bè thân và không có đời sống cầu nguyện, đời sống độc thân có thể trở thành một gánh nặng không thể chịu đựng được và là một phản chứng cho vẻ đẹp của chính chức vụ linh mục.**

4. GẦN GŨI VỚI MỌI NGƯỜI

Tôi thường nhấn mạnh mối quan hệ của chúng ta với dân thánh của Thiên Chúa đối với mỗi người chúng ta không phải là nghĩa vụ mà là ân sủng: “Yêu thương người khác là sức mạnh thiêng liêng lôi kéo chúng ta kết hợp với Chúa” (Evangelii Gaudium, số 272). Vì lý do này, vị trí thích hợp của mỗi linh mục là ở giữa mọi người, trong mối quan hệ mật thiết với những người khác. Trong Tông Huấn **Evangelii Gaudium** (Niềm vui của Tin Mừng), tôi nhấn mạnh rằng “để trở thành những người truyền bá Phúc âm nhằm thánh hóa các linh hồn, chúng ta cần phát triển sở thích tinh thần để gần gũi với cuộc sống của mọi người và khám phá ra rằng đây chính là một nguồn của niềm vui lớn hơn. Truyền giáo đồng thời là một đam mê đối với Chúa Giêsu và đam mê đối với dân tộc của Người. Khi chúng ta đứng trước Chúa Giêsu bị đóng đinh, chúng ta thấy chiều sâu của tình yêu Ngài nâng cao và giúp đỡ chúng ta, nhưng cùng lúc, ngoại trừ chúng ta

là những kẻ bị đui mù (hay khiếm thị), chúng ta bắt đầu nhận ra thêm một lần nữa rằng, Chúa Giêsu muốn tận dụng chúng ta để đến gần hơn với những người mà Ngài yêu quý. Ngài tuyển chọn chúng ta và tách các anh em linh mục ra khỏi dân của Ngài và sai chúng ta, là các linh mục đến với dân Ngài; Nếu chúng ta là những anh em linh mục mà không có ý thức điều này, nghĩa là mình thực sự thuộc về đoàn chiên của mình, thì chúng ta không thể hiểu được bản sắc sâu xa nhất của mình là vị chủ chăn hay là người linh mục” (Xem Tông Huấn **Evangelii Gaudium** - Niềm vui của Tin Mừng, số 268).

Tôi tin rằng, để có một sự hiểu biết mới về danh tính của thiên chức linh mục, điều quan trọng ngày nay là phải tham gia chặt chẽ vào cuộc sống thực của mọi người, sống bên cạnh các tín hữu, và không chủ trương tìm cho mình một lối thoát. “Đôi khi chúng ta bị cám dỗ để trở thành loại người Kitô hữu mà sống thờ ơ với các chứng thương của Chúa. Tuy nhiên, Chúa Giêsu muốn chúng ta chạm vào sự khốn cùng của con người, chạm vào da thịt đau khổ của người khác. Ngài hy vọng rằng chúng ta sẽ ngừng tìm kiếm những góc ngách cá nhân hoặc cộng đồng, nơi che chở chúng ta khỏi ma trận của sự bất hạnh của con người và thay vào đó, bước vào thực tế cuộc sống của người khác và biết sức mạnh của sự dịu dàng. Bất cứ khi nào chúng ta làm như vậy, cuộc sống của chúng ta trở nên điều phức tạp diệu kỳ (kỳ bí) và chúng ta trải nghiệm một cách mãnh liệt thế nào là trở thành con người, là một phần của cộng đồng con người” (sđd, 270).

Sự gần gũi với Dân Chúa, một sự gần gũi, được phong phú bởi những hình thức gần gũi khác, mời gọi và thực sự đòi hỏi chúng ta phải bắt chước “phong cách” riêng của Chúa. Phong cách đó thể hiện sự gần gũi, từ bi và dịu dàng, trong đó chúng ta đóng vai trò không phải là thẩm phán, mà là những người Samaritanô nhân hậu, những người thừa nhận những vết thương của anh chị em của chúng ta, những đau khổ thầm lặng của họ, sự từ bỏ bản thân và hy sinh của rất nhiều người cha và người mẹ để hỗ trợ những gia đình của họ. Ai cũng thừa nhận những tác động của bạo lực, tham nhũng và sự thờ ơ mà theo họ, đang tìm cách bóp nghẹt mọi hy vọng. Một phong cách gần gũi cho phép chúng ta xoa dịu vết thương và công bố một năm ân huệ của Chúa (x. Is 61: 2). Cần phải nhớ rằng con dân Chúa đang hy vọng tìm thấy những người chủ chăn theo phong cách của Chúa Giê-su. Không phải “những người làm chức năng giáo sĩ” hay “những chuyên gia tâm linh”, mà là những người mục tử (shepherds) đầy lòng trắc ẩn và quan tâm. Những người đàn ông (người nam) can đảm, sẵn sàng đến gần những người đang đau đớn và giúp đỡ. Những người đàn ông chiêm niệm, có sự gần gũi với mọi người cho phép họ tuyên bố trước những vết thương của thế giới chúng ta về sức mạnh của Sự Phục sinh ngay cả giây phút hiện tại đang hoạt động.

Một trong những dấu ấn đặc biệt của điều này, “mạng lưới” xã hội của chúng ta, là cảm giác “mơ mỏi” ngày càng tăng của mọi người. Mặc dù được kết nối với mọi người và mọi thứ, chúng ta

thiếu cảm giác thân thuộc, một thứ không chỉ đơn thuần là kết nối. Sự gần gũi của một linh mục (hay mục sư) giúp chúng ta có thể tập hợp một cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển của cảm giác thân thuộc đó. Vì chúng ta thuộc về đoàn dân thánh thiện và trung thành của Thiên Chúa, điều này được coi như là dấu hiệu cho thấy vương quốc của Thiên Chúa đang triển nở và hiện diện trong lịch sử của con người ngay bây giờ và hôm nay. Nếu các vị chủ chăn của chúng ta đi lạc hoặc tháo chạy, bầy cừu sẽ chạy tán loạn và phải cam chịu, không một chút xót thương, dưới nanh vuốt của bất kỳ con sói nào.

Cảm giác thân thuộc này sẽ đến lượt chứng minh cho thấy, nó chính là một liều thuốc giải độc cho sự méo mó của ơn gọi xảy ra bất cứ khi nào chúng ta quên rằng đời sống linh mục là “sự lệ thuộc” vào người khác – và với Chúa, cũng như đối với những ai mà Chúa đã giao phó cho chúng ta chăm sóc. Một khi mà chúng ta (*ở đây ám chỉ các anh em linh mục*) quên đi điều này là gốc rễ của **chủ nghĩa giáo sĩ**, (bao gồm giáo trị, tiếng anh gọi là **Clericalism**) và hậu quả của nó. **Chủ nghĩa giáo sĩ là một sự bóp méo vì nó không dựa trên sự gần gũi mà dựa trên khoảng cách**. Khi tôi nghĩ về chủ nghĩa giáo sĩ, tôi cũng nghĩ đến việc giáo sĩ hoá của một số các giáo dân: việc tạo ra một nhóm nhỏ xung quanh các linh mục, những vị linh mục này cuối cùng phản bội sứ mệnh thiết yếu của chính họ (xem *Gaudium et Spes*, số 44). Chúng ta hãy nhớ rằng “sứ mệnh của tôi (*ám chỉ các linh mục*) là ở trong lòng mọi người, sứ mạng này không chỉ là một phần của cuộc đời tôi hay như là một bằng tên mà tôi có thể gỡ ra tùy tiện; nó không phải là điều được thêm vào hay chỉ là một khoảnh khắc khác trong cuộc sống. Thay vào đó, nó là thứ mà tôi không thể bứng gốc khỏi con người mình mà không gây hủy hoại đến chính bản thân. Tôi là một sứ mệnh trên trái đất này; đó là lý do tại sao tôi hiện diện trên thế giới này. Chúng ta phải coi mình là người đã được niêm phong, thậm chí có nhãn hiệu, bởi sứ mệnh này là mang lại ánh sáng, phước lành, sinh động, nâng cao, chữa lành và giải phóng” (*Evangelii Gaudium*, 273).

Tôi muốn liên hệ sự gần gũi này đối với dân Thiên Chúa và với sự gần gũi với Chúa, vì lời cầu nguyện của người chủ chăn (cha xứ) được nuôi dưỡng và trở nên nhập thể trong lòng dân Chúa. Khi cầu nguyện, vị linh mục ghi dấu nỗi buồn và niềm vui của đoàn dân mình, mà ngài trình bày trong thinh lặng với Chúa, để được xúc dầu bởi ân sủng của Chúa Thánh Thần. Đó là niềm hy vọng của mỗi chủ chăn, kẻ tin cậy và làm việc không mệt mỏi để xin Thiên Chúa ban phước lành cho đoàn dân của mình (*nghĩa là các giáo dân trong xứ đạo của mình*).

Thánh Inhaxiô dạy rằng “không phải là biết nhiều nhưng nhận ra và cảm nhận những điều chứa đựng bên trong nội tâm mà nó làm thỏa mãn tâm hồn” (Các Bài Linh Thao – Spiritual Exercises, Chú Giải, 2, 4). Các giám mục và linh mục nên hỏi, “Làm thế nào tôi thực hành những hình thức gần gũi này? Làm thế nào để tôi có thể sống bốn khía cạnh này mà nó đang giao thoa lẫn nhau và hình thành trái tim linh mục của tôi, giúp tôi có thể đối phó với những căng thẳng và mất cân bằng mà chúng ta trải qua hàng ngày?” Bốn hình thức gần gũi đó là sự huấn luyện tốt để “chơi

trên một bãi đất trống”, nơi mà người linh mục được kêu gọi hiện diện mà không có cảm giác sợ hãi hay quá cứng nhắc, mà không làm giảm hoặc gây nên sự nghèo nàn trong sứ mệnh của mình.

Trái tim linh mục biết về sự gần gũi, bởi vì hình thức gần gũi chính yếu của vị linh mục là với Chúa. Xin Chúa Kitô viếng thăm các linh mục của Người trong lời cầu nguyện của họ, trong Giám mục của họ, trong các linh mục anh em của họ và trong cộng đồng giáo hữu của họ. Xin Người làm đảo lộn thói quen của chúng ta, làm gián đoạn cuộc sống của chúng ta và làm chúng ta bớt đi những lo âu và bận khoăn - như lúc mới yêu lần đầu tiên - và dẫn dắt chúng ta sử dụng tất cả tài năng và khả năng của mình để đảm bảo rằng đoàn chiên của chúng ta có được cuộc sống phong phú và sự sống dồi dào (x. Ga 10: 10). Những hình thức gần gũi mà Chúa đòi hỏi không phải là một gánh nặng thêm: chúng là một món quà mà Người ban cho để giữ cho ơn gọi của chúng ta được sống động và kết quả. Nếu chúng ta bị cám dỗ để bị cuốn vào những bài phát biểu xen lẫn, những cuộc thảo luận về thần học của thiên chức linh mục hoặc những lý thuyết về chức tư tế phải như thế nào, thì về phần mình, Chúa chỉ nhìn chúng ta với ánh mắt dịu dàng và từ bi. Ngài chỉ cho các linh mục những tấm biển chỉ đường để đánh giá cao và khơi dậy lòng nhiệt thành truyền giáo của họ: gần gũi với Thiên Chúa, với Giám mục, với các linh mục anh em và với những người được giao phó cho họ chăm sóc. Một sự gần gũi theo “phong cách” của chính Thiên Chúa, Đấng luôn gần gũi với chúng ta, với giàu lòng trắc ẩn và tình yêu thương dịu dàng.

VỀ MỤC LỤC

NGÃM VỀ CHỮ PHÚC

QUÀ TẶNG TIN MỪNG:
Chúa Nhật VI Thường Niên năm C

NGÃM VỀ CHỮ PHÚC

Lm Anphong Nguyễn Công Minh,
Dòng Anh Em Hèn Mọn Việt Nam.



Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://bit.ly/3v3oo9Z>

Nhiều chữ **“phúc”** vang lên trong bài Tin Mừng hôm nay, lại là liền ngay sau Tết Nhâm Dần, nên suy tư về chữ **“phúc”** quả là xứng hợp.

Khổng Tử một ngày kia đi dạo núi Thái Sơn, gặp ông Vĩnh Khải Kỳ cũng đang ngao du tại đó. Ông này mặc áo da cừu, lưng thắt dây đai, tay gảy đàn cầm, vừa đi vừa hát. Khổng Tử hỏi: **Tiên sinh làm thế nào mà thường xuyên vui về thế?**

Vĩnh Khải Kỳ trả lời: Trời sinh muôn vật muôn loài, mà loài người là quý nhất. Ta được làm người đó là **một** điều quý, đáng vui. Trong loài người, đàn ông quý hơn đàn bà, mà ta được làm đàn ông, đó là **hai** điều quý, đáng vui. Người ta sinh ra có người đui người què có người sống yếu chết non, còn bọc trong tã mà đã chết rồi, mà ta đây hoàn toàn khỏe mạnh, nay đã 90 tuổi, thế là **ba** điều quý, đáng vui. **Còn cái nghèo là sự thường của thế gian, cái chết là sự hết của đời người**, ta nay xử cảnh thường như nhiều người, đợi lúc hết như mọi người, thì có gì là lo là buồn.

Đức Khổng Tử nói: Phải lắm, tiên sinh thế là biết cách hưởng sự vui sướng ở đời.

Vĩnh Khải Kỳ quả đang sống những cái phúc ở đời.

Bài Tin Mừng hôm nay của Luca tuy chỉ vang lên 4 chữ phúc, chứ không như của Matthêu đến 8 chữ phúc, nhưng như thế cũng là phúc lắm rồi, bởi có kẻ được phúc này, có kẻ được phúc kia, có kẻ hai ba bốn phúc, có kẻ nửa chữ phúc cũng tìm không ra.

Trong cuộc sống thường ngày ta cũng dễ thấy cái Phúc nằm ở nhiều lớp người, nhiều hoàn cảnh. Lm Cao Siêu ghi :

“Chẳng có gì dễ hiểu như hai từ hạnh phúc.

Nhưng định nghĩa hạnh phúc lại là điều không dễ.

Mỗi người có một quan niệm về hạnh phúc,

và nơi mỗi người, quan niệm này cũng **biến đổi theo thời gian**.

khi thì hạnh phúc là cái này lúc thì hạnh phúc là cái kia.

Đói, hạnh phúc là cơm canh. Đau, hạnh phúc là chạy nhảy.

Thường ta hay chạy theo những cái bóng của hạnh phúc, để rồi vỡ mộng, nhưng nhờ đó ta dần dần hiểu hơn thế nào là hạnh phúc đích thật.

Hạnh phúc không nằm nơi của cải, kiến thức, quyền uy.

Hạnh phúc không do chiếm được những gì mình muốn, nhưng do trao hiến điều quý nhất của mình.

Hạnh phúc là sự ổn thỏa giữa tôi với Chúa, giữa tôi với anh em, giữa tôi với chính tôi...” (Lm Cao Siêu)



Có những lúc hạnh phúc thật đơn sơ dễ thấy nhưng mà cũng khó đạt:

Nhà kia có người con ngoan ngoãn hiếu lễ – ta khen: ông bà là người có phúc.

Gia đình nọ, vợ chồng chí thú làm ăn, nuôi dạy con cái nên người, ta khen: anh chị là người hạnh phúc.

Nhà nọ, đầm ấm sum vầy, ta bảo: họ có phúc.

Và cũng có cái phúc thật giản đơn: Ăn được ngủ được là tiên, không ăn không ngủ mất tiền thêm lo, tức là mất phúc!

Vậy là cái phúc ở đời nằm trong tay nhiều hạng người, nhiều hoàn cảnh chứ không giới hạn ở một vài, dăm ba. Thì cái phúc của người theo Chúa Kitô, (Kitô hữu) cũng nằm trong tay nhiều hạng, chứ không chỉ có 4 như Luca, hay có 8 như Matthêu, hay thêm cái phúc tin không có trong bộ tứ, bộ bát trên, như trong Gioan, không thấy mà tin cũng phúc.

“Phúc cho ai không thấy mà tin,” “phúc cho bà là người đã tin,” “phúc cho ai nghe và giữ Lời Thiên Chúa”.... Do đó cái chính không phải là xem hạng người nào có phúc, nhưng xem coi: người có phúc thì họ được gì.



Cả 4 mỗi Phúc của Luca lẫn 8 mỗi Phúc của Matthêu cũng đều nhắc tới cái **được**. Gom tất cả các cái được đó lại và nhại theo câu chuyện giữa Khổng Tử và Vinh Khải Kỳ mà chúng ta nghe đầu bài, ta có thể tường thuật như sau:

“Một ngày kia, Đức Khổng Tử đi chu du thiên hạ, gặp một nhóm người **ngực mang khổ giá nhưng nét mặt vẫn tươi vui. Bàng tên của họ ghi “Kitô hữu.”** Đức Khổng Tử hỏi một người trong nhóm: *Này anh, kẻ hậu sinh, nhóm của anh tìm được cái gì mà sao anh và họ vui tươi hơn hờ như thế?* **Nét mặt các anh biểu lộ tâm hồn của những phúc nhân, những chân phước.**

“Chàng Kitô hữu trả lời:

“Chúa Trời sinh muôn vật muôn loài mà loài người là quý nhất. **Chúng tôi được làm người**, đó là **một** điều phúc.

“Chẳng những chỉ là người bình thường mà chúng tôi còn được **làm người con của Trời, con của Chúa, làm thiên tử**. Về điều phúc này lớn lao quá, đến nỗi **khổ mấy để đạt được cũng không quản, đạt được rồi, vui mấy cũng không vừa. Không bút nào tả cho xiết, không lời nào nói cho cùng. Chúng tôi là thiên tử, là con Trời**. Đó là **2** điều Phúc.

“Là con Trời; nhưng Trời không là vị Chúa tể oai phong cho bằng **Trời là Cha, Chúa là Mẹ. Chúa là Cha, cũng không phải là cha nghiêm khắc công thẳng mà là Cha nhân từ. Cha chúng tôi nhân từ đến độ có người cho là nhu nhược, nhưng Ngài vẫn cứ giữ nhân từ vô cùng như thế. Dù chúng tôi có tội lỗi bao nhiêu, dù chúng tôi có xúc phạm Ngài thế nào, chỉ cần một tiếng khóc ăn năn: Phúc cho kẻ than khóc, thì Ngài liền quảng đại thứ tha. Cha chúng tôi quyền phép vô cùng nên mới nhân từ vô hạn được như vậy**. Đó là **3** điều phúc.

“Rồi khi cái chết là sự hết của đời người, chúng tôi sẽ được về cùng Cha, không phải chỉ mãi là tâm linh là khí phách sống trong nhà Cha, mà cả **xác của chúng tôi cũng được phục sinh** trong ngày sau hết để vui hưởng hạnh phúc trong nhà Cha như nhà mình: đó là **4** điều phúc.”

Nghe chàng Kitô hữu trả lời, Khổng Tử liền nói: “Được 4 chân phúc như các anh các chị, làm sao các anh các chị không vui, không mừng được. **Lời của các anh chị nghe là lời phúc: Phúc Âm. Tin mà các anh chị nhận là Tin Mừng: Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô.**”



Cứ đón, cứ nhận những Tin Mừng mà Chúa Kitô loan báo,
Cứ nghĩ tới cứ nhớ về những cái Phúc mà chúng ta được đó :

- phúc làm **người,**
- phúc làm **người con Chúa,**
- phúc làm **người con Chúa mà Chúa là Cha nhân từ,**
- phúc được **về nhà Cha cả hồn lẫn xác,**

Chúng ta sẽ đủ sức mạnh đủ nghị lực để **sống vui sống hạnh phúc chẳng những đời sau mà đời này nữa, cho dù có nhiều nghịch cảnh vây quanh ta, ta vẫn vang lên những lời chúc phúc mà chắc chắn Chúa đã hứa và Chúa sẽ thực hiện. Amen.**

Lm Anphong Nguyễn Công Minh, ofm –
Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

SỨC MẠNH NÀO CHO TA YÊU?

CHÚA NHẬT THỨ VII THƯƠNG NIÊN NĂM C

- Yêu kẻ thù;
- Làm ơn cho kẻ ghét;
- Chúc lành cho kẻ nguyên rủa;
- Cầu nguyện cho kẻ vu khống.

Những lời dạy ấy của Chúa Giêsu không là điều muốn hay không tùy ý, nhưng là mệnh lệnh, là đòi buộc. Nó cũng không dành cho hết mọi người, nhưng đặc biệt cho môn đệ, những người đang bên cạnh Chúa: *"Thấy bảo các con đang nghe Thầy đây..."*.

Lời dạy trên còn là nội dung của Luật Thiên Chúa. Môn đệ buộc phải sống chính giáo huấn của Chúa Giêsu, sống như Chúa Giêsu. Một khi sống theo đường lối yêu thương không ranh giới của Chúa, họ tiến vào cốt lõi của tình yêu mà Chúa thể hiện. Đó là tình yêu đại lượng, tình yêu vô biên, tình yêu không mệt mỏi, tình yêu xóa mọi khoảng cách, tình yêu không điểm dừng...

Cách yêu của Chúa là yêu không phân biệt, không có lần ranh, không bao giờ chỉ đón nhận bạn và loại trừ thù!

Chúa Giêsu muốn rằng nơi mỗi con tim, tình yêu của Thiên Chúa chiến thắng sự oán ghét hận thù. Logic của tình yêu, mà đỉnh cao là Thập giá của Chúa, nét đặc trưng cốt lõi của Kitô hữu, sẽ diu họ ra khỏi chính mình để gặp gỡ mọi người bằng tình huynh đệ không xuất phát từ tim, mà xuất phát từ Tình Trời thấu vào tim và tràn ra đến muôn người.

Nói cách khác, Chúa muốn môn đệ tha thứ và yêu thương không phải như người thường, nhưng như Thiên Chúa, *"Đáng nhân hậu cả với những phường vô ơn, với những quân độc ác"*. Chúa muốn môn đệ phải *"như Cha trên trời là Đáng nhân từ"*.

Ngày xưa, David, một chàng trai trẻ, theo lời hiệu triệu của vua Saun cứu nguy đất nước, xông ra chiến trường tiêu diệt quân Philistin đang tiến chiếm bờ cõi. David chiến thắng. Lẽ ra công trạng này phải được ơn và thưởng lớn. Nhưng David làm ơn mắc oán. Sự ngưỡng mộ của dân chúng dành cho David khiến vua Saun ganh tức và nhiều lần rắp tâm giết chết David.

Một hôm, sau cuộc rượt đuổi David, Saun quá mệt và ngủ thiếp đi trong hốc núi. Đây là cơ hội ngàn vàng để David có thể xuống tay loại kẻ hãm hại mình. Nhưng nại vào dấu ấn quyền năng của Thiên Chúa đối với người được Chúa chọn, David dừng tay. Ông lý luận: *"Đừng giết vua, vì có ai đưa tay hại người Chúa đã xức dầu mà không bị phạt"*.

Vì lời trên, có người cho rằng, David không tự nguyện tha cho Saun. Ông chỉ tha vì sợ "bị phạt" mà thôi.

Nhưng tôi muốn nhìn ở góc cạnh tích cực hơn: Nhờ lòng kính tôn dành cho Thiên Chúa, nhận ra tình yêu của Thiên Chúa, tin tưởng nơi quyền năng của Thiên Chúa, David đã tha thứ cho kẻ thù của mình.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, con người mới có thể dung thứ và dung nạp vào trái tim mình kẻ từng nhiều lần đoạt mạng mình. Bởi không phải một mà nhiều lần Saun đã thực sự sát hại David. David chỉ may mắn sống sót. Hơn thế, lần này là lần Saun lên đường truy đuổi nhằm tận diệt David.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, quyết định tha thứ cho kẻ hại mình mới nên dễ dàng, lập tức và tồn tại lâu dài.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, con người mới có thể nhanh chóng biến thù thành bạn không chút phân vân, không mảy may tính toán hơn thiệt.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, con người mới có thể đứng chung hàng ngũ với kẻ ngày đêm nuôi lòng thù dành cho mình.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, tình yêu của con người mới bền vững.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, tình yêu của con người mới ngày càng thăng tiến, trong sáng, thanh cao.

Chỉ có rập khuôn tình yêu của Chúa, tình yêu của con người mới có thể dâng hiến chính mình cho đồng loại, cho lẽ sống và cho chính Thiên Chúa, Đấng đi bước trước trong tình yêu.

Hãy như thánh vương David, chúng ta lắng nghe giáo huấn của Chúa, sống chính mẫu gương tha thứ cho kẻ có tội đến độ chấp nhận dâng hiến chính mình mà Chúa Giêsu thể hiện.

Hãy để Chúa rót đầy tình yêu của Chúa và của Chúa Giêsu, Con Một Ngài vào hồn chúng ta. Một khi hồn đã dâng trào chính tình yêu của Chúa, chắc chắn ta sẽ dễ dàng học đòi và thực hành theo gương hy sinh cao cả của Chúa Giêsu để đến, sống và trao ban tình yêu tự cõi hồn mình tràn ra mọi anh chị em mà ta đang sống cùng, sống với.

Đúng hơn, sức mạnh của tình yêu Thiên Chúa là điểm tựa để ta yêu bằng tình yêu cao đẹp trên tất cả mọi thứ yêu xuất phát từ chính trái tim, từ chính cõi hồn mình.

Lm JB NGUYỄN MINH HÙNG

VỀ MỤC LỤC

TÌNH YÊU VÀ VALENTINE

Chuyên mục:

“Huế - Sài Gòn - Hà Nội”

TÌNH YÊU VÀ VALENTINE

Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.



Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://bit.ly/3sYFhAm>

Theo thống kê thì hàng năm vào mùa Valentine, trên khắp thế giới hàng tỷ tấm thiệp được bán ra và gửi đi. Những cặp uyên ương, nhất là những người trẻ, không thể không có một tấm thiệp hoặc món quà tặng gửi cho người mình yêu. Thiệp phải thật đẹp, lời chúc phải thật thắm thía và mùi mẫn để bày tỏ mối tình thắm thiết nồng nàn. Không có như vậy, mối tình dù đang nồng cháy, cũng rất có thể bị trở ngại hoặc tan vỡ.

Khi vui với ngày Tình Yêu như vậy, chúng ta thực sự mừng Tình Yêu thế nào ?

NGUỒN GỐC CỦA NGÀY TINH YÊU VALENTINE

Nghĩ đến ngày Valentine ta phải có một tấm thiệp, một bó hoa thật đẹp, một hộp kẹo chocolat, nữ trang, hột xoàn hình trái tim... hay bất cứ một cái gì đặc biệt nói lên tình cảm tha thiết của mình đối với người mình yêu. Nhưng có ai để ý, thắc mắc ngày Tình Yêu Valentine từ đâu mà có?

Ngày Tình Yêu Valentine nguyên thủy từ ngày lễ Lupercalia của dân La Mã thời thượng cổ, để vinh danh một anh chàng thợ săn chó sói thiện nghệ tên là Lupercus vào giữa tháng hai. Lễ này rất phổ thông của dân La Mã hồi đó. Đây là dịp cho các cặp trai gái hẹn hò trao đổi tình yêu với nhau một cách thả giàn. Giáo Hội Công Giáo muốn Kitô giáo hóa và thánh hóa ngày đó nên đã cho ngày lễ đó vào niên lịch, liên kết với ngày lễ mừng thánh Valentine, hy vọng cải hóa tình yêu trần tục của những cặp trai gái thành tình yêu trong sạch và thánh thiện. Thánh Valentine là một linh mục tử đạo vào ngày 14 tháng 2 năm 270 A.D. Tại sao lại chọn thánh Valentine làm quan thầy các cặp uyên ương thì không ai được rõ, nhưng có giả thuyết cho rằng vì Giáo Hội Công Giáo muốn Kitô giáo hóa và thánh hóa ngày lễ Lupercalia nên cho nó trùng hợp với ngày lễ thánh Valentine.

Theo tục lệ xưa thì người ta bỏ tên những cô con gái vào trong một cái hộp rồi truyền tay cho các cậu con trai rút thăm lấy một tên. Cậu nào rút được cô nào thì cặp với cô ấy suốt cả năm. Sau này Giáo Hội đổi cách thức rút thăm. Thay vì để tên cô con gái thì để tên một vị thánh. Ai bắt được thánh nào thì sẽ cố gắng noi theo nhân đức của vị thánh đó.

Nhưng vào thế kỷ XVI việc để tên những cô con gái vào trong hộp để rút thăm lại xảy ra nữa. Sau cùng thì tập tục gửi một cái thiệp hoặc một lời chúc ẩn danh cho người mình ngưỡng mộ đã trở thành một phong lệ để mừng ngày Tình Yêu Valentine. (Helene Henderson, *Holidays, Festivals and Celebrations of the World Dictionary*, "Valentine's Day," 2005, p. 576).

Mặc dù nguồn gốc lịch sử ngày Tình Yêu thì là một, nhưng mỗi người cắt nghĩa theo cách nhìn lịch sử của mình. Có người lại liên kết tiểu sử thánh Valentine với cách thực hành ngày Tình

Yêu, cho rằng thánh Valentine đã làm lễ cưới cho một cặp uyên ương mà hoàng đế cấm hay là thánh đã gửi một cái thiệp ký tên người yêu Valentine cho cô con gái của vị cai tù của ông.

Có lẽ thánh Valentine lúc bấy giờ đã chẳng làm những điều như bây giờ người ta làm và nghĩ. Nhưng chắc chắn là Giáo Hội chỉ để tên thánh Valentine vào niên lịch. Rồi vô hình chung nó đã bị đồng hóa với ngày lễ Lupercalia và trở thành lễ Tình Yêu Valentine. Cái tên Valentine lại còn cho là từ tiếng Pháp, chữ GALANTINE, nghĩa là một anh chàng “hào hoa”, “tay chơi” Play boy / Don Juan. Và đổi chữ G ra chữ V mà thành ra chữ VALENTINE.

Dù thế nào đi nữa thì ngày 14 tháng 2 hàng năm đã trở thành ngày truyền thống để trao đổi thư tình và thánh Valentine đã trở thành quan thầy của những cặp uyên ương. (Macmillan Profiles: Festivals and Holidays, 1999, p. 363)

Diễn nghĩa cách tỏ tình của những cặp uyên ương trong ngày Valentine thì lại tùy quan niệm. Có người cho rằng hàng năm vào ngày đó chim muông cũng đến kỳ cặp kè hò hẹn yêu thương “trống mái”. Những người này tin rằng vào thời Trung Cổ, chim bắt đầu “cái đực” vào ngày 14 tháng 2 mỗi năm, đến độ cả thi sĩ G. Chauver, người Anh cũng nghĩ như vậy qua tập thơ Parliament of Foules của ông:

“For this was Seynt Valentyne’s day.

“When every foul cometh ther to choose his mate”

(Stephen Christianson, The American Book of Days, 2000, p.139).

Tóm lại, bỏ qua những khác biệt về nguồn gốc và lịch sử, ngày lễ Tình Yêu Valentine vẫn có một điểm chung là nó bắt nguồn từ ngày lễ Lupercalia của dân La Mã ngoại đạo ở thời thượng cổ, một ngày mà các cặp trai gái tha hồ tự do bày tỏ tình yêu... Vào thế kỷ III, Giáo Hội Công Giáo La Mã đã cố gắng Kitô hóa / thánh hóa ngày đó bằng cách đặt cho nó tên của một vị thánh tử đạo, hy vọng những người vui chơi ngày đó, thay vì thờ kính thần thánh bậy bạ, vui hưởng tình yêu sắc dục thả giàn như thời cổ xưa thì bắt chước noi gương tốt lành thánh thiện của vị thánh tử đạo Valentine.

THỰC TẾ CỦA TÌNH YÊU VALENTINE

Khi nói về Tình Yêu, người ta thường nghĩ về loại tình yêu **Say Mê (Infatuation)**. Một loại tình yêu điên cuồng, không cần đến lý trí, một tình yêu thái quá, đầy hấp dẫn và đam mê dục vọng (American Heritage Dictionary, 1994). Đây chính là loại **si tình** do phản ứng sinh hóa học của óc mà các nhà khoa học ngày nay gọi là tình trạng ngây ngất lâng lâng của tình yêu do tác

dụng của chất phenylethylamine (PEA), một hóa chất thần kinh dẫn truyền giống như chất amphetamine.

Chất PEA tác dụng với dopamine và norepinephrine (một chuyển hóa chất của dopamine) thành ra chất mà Bác sĩ Pat Love, nhà phân tích tình yêu và hôn nhân trị liệu gọi là **“phân tử tình yêu”** hay **“Rượu pha Tình yêu” (Love cocktail)** (The Truth About Love, 2001, pp. 28-29).

Phân tử tình yêu này tạo nên tình trạng ngây ngất lâng lâng làm thay đổi cảm giác của con người (ibid). Phải chăng đó là tình yêu?

Theo ngôn ngữ Hy Lạp thì có 3 loại Tình Yêu được diễn tả bằng 3 chữ khác nhau: **Phileo**, tình yêu huynh đệ. **Eros**, tình yêu xác thịt. **Agapao**, **tình yêu vị tha**, **vượt thoát khỏi cái tôi của mình để đi đến với và cho tha nhân như thánh Gioan tông đồ và Phaolô diễn tả trong Tin Mừng** (Ga 3:16; 1Cr 13).



Như vậy, nếu đem so sánh tình yêu Valentine với 3 loại tình yêu này thì tình yêu Valentine có vẻ gần với loại tình yêu Say Mê hoặc tình yêu xác thịt hơn là tình yêu vị tha, một loại tình yêu thực sự đúng nghĩa Vợ Chồng.

Tình Yêu Valentine, với thời gian, đã biến đổi tùy hoàn cảnh và tâm trạng của từng người. Ngày Valentine như một kỷ niệm để nhắc nhở mọi người về Tình yêu. Một chàng trai thương mến một cô gái nhưng không dám tỏ tình. Nhân ngày Valentine anh ta đã dùng một tấm thiệp hay một món quà để tỏ lộ tình yêu của mình: “Do you want to be my Valentine?” Nếu cô gái đồng ý thì sẽ đi xa hơn... Một cặp tình nhân, đôi uyên ương nhân dịp Valentine để biểu lộ tình yêu đậm

thấm hơn. Một cặp vợ chồng già, tình yêu đã phai pha với tháng ngày. Chẳng ai để ý đến tới bà già cặm cùi sáng chiều bếp núc lau chùi nhà cửa; ông già lặng lẽ ngày hai buổi trả nợ áo cơm. Nhân ngày Valentine, một bó hoa, một cử chỉ đặc biệt nào đó sẽ làm sống lại mối tình lâu ngày ngủ yên. Con cái để bày tỏ tình yêu hiếu thảo với cha mẹ, nhân ngày tình yêu Valentine cũng làm một cử chỉ đặc biệt: Bó bông. Bữa tiệc đặc biệt trong gia đình hoặc ở một restaurant sang trọng. Bất ngờ nhận được một bó hoa gửi đến sở làm ngày Valentine, một bà / một cô hẳn rất sung sướng vì có người đã nghĩ đến mình một cách đặc biệt. Hãnh diện với bạn bè và những người chung quanh. Tình yêu sẽ bừng sáng, tươi mát trở lại. Phải chăng đó là loại **Tình Yêu Vị Tha Agapao. Yêu Chúa - Thương người?**

THIÊN CHÚA TRONG NGÀY TÌNH YÊU VALENTINE

Ai cũng biết Chúa không chấp nhận bất cứ một ngày lễ nào đi ngược lại tôn chỉ của Chúa. Vì con người trở thành mù quáng trước Sự Thật của Chúa. "...Các ông sẽ biết Sự Thật, và Sự Thật sẽ giải thoát các ông" (Ga 8:32). Chúa muốn tất cả mọi người thực sự tự do, không bị giam hãm trong niềm tin và tư tưởng sai lạc.

Chúng ta ai cũng biết mỗi ngày đều có kính mừng đặc biệt một vị thánh. Mỗi ngày lễ thánh đó đều có ý nghĩa đặc biệt nói lên tình yêu cao cả của Chúa cũng như chương trình cứu độ của Chúa đối với nhân loại qua vị thánh đó.

Chúa Giêsu Kito đã chứng tỏ tình yêu đó bằng cái chết của Ngài trên thập giá vì chúng ta, cho chúng ta là những kẻ tội lỗi. Ngày Tình Yêu Valentine, dĩ nhiên không dự phần trong việc cứu rỗi chúng ta và nhân loại. Nhưng có thể nó còn đi ngược lại với tình yêu cứu rỗi của Thiên Chúa. Vì nó **bắt nguồn từ một ngày lễ của dân ngoại, thờ ngẫu tượng không phải là Thiên Chúa thật.**

Ngày Tình Yêu Valentine được hàng triệu người chấp nhận, nhưng có thể Chúa không chấp nhận. Vì nó dựa vào lý luận, tình cảm của con người thay cho Chúa. Nó chú trọng đến loại tình yêu Say Mê (infatuation), một loại yêu điên loạn, cuồng nhiệt, thiếu tỉnh táo, không suy nghĩ, không còn biết lắng nghe và nghĩ đến tình yêu đích thực sâu thẳm bên trong, chỉ mong được yêu mà không nghĩ đến cho đi và hy sinh cho tha nhân. **Chúa cảnh cáo chúng ta, những Kitô hữu, phải xa lánh đường lối của dân ngoại với những ngày lễ nghi giả tạo không chính đáng:** "Hãy tuân giữ và vâng nghe những lời Ta truyền dạy cho người để người và con cháu người được hưởng ơn tốt lành mãi mãi, bao lâu người làm điều thiện dưới mắt Thiên Chúa là Chúa người".

*“Khi Thiên Chúa là Chúa người tiêu diệt trước mặt người các nước mà người sắp sửa xâm chiếm. **Khi người đã chiếm được và định cư ở đó, người hãy coi chừng đừng chạy theo chúng, đừng đơn đả với thần của chúng và nói rằng: ‘Các nước này đã phụng thờ thần của họ làm sao thì tôi cũng làm như vậy’.***

“Người không thể tôn thờ Thiên Chúa là Chúa người kiêu như vậy; bởi vì chúng đã phóng hỏa cả con trai con gái của chúng cho thần của chúng. Những kiểu cách đó đã làm Thiên Chúa là Chúa người phải ghê tởm... Bất cứ điều gì ta truyền dạy cho người thì người phải tuân giữ và vâng nghe, không được thêm bớt gì hết” (TI/Dnl 12: 28-32).

Thực vậy, Chúa đã ra lệnh cho dân Israel phải hủy diệt tất cả những gì liên quan đến việc thờ cúng của dân ngoại. (TI 12:1-4).

Thiên Chúa rất đặc biệt quan tâm đến vấn đề an sinh của chúng ta. Chúa đã tạo dựng nên chúng ta với đầy đủ khả năng cả về thể xác lẫn tinh thần. Ban cho trí thông minh, đầy đủ tự do, dân chủ, nhân quyền, nhân phẩm và 10 điều răn, Kinh Thánh / Tin Mừng để sống một đời sống tuyệt hảo hầu mai sau vui hưởng cuộc sống vĩnh hằng mà Chúa đã hứa ban.

Ngày lễ Tình Yêu Valentine bắt nguồn không phải từ Lời Chúa, nhưng do từ tập tục của dân ngoại thời thượng cổ. Nó không đến từ Thiên Chúa, nhưng từ trần gian thế tục và ác thần. (2Cr 4:4). Chúa phán: **“Anh em đừng yêu thế gian và những gì của thế gian. Kẻ nào yêu thế gian thì kẻ ấy không yêu Thiên Chúa Cha, vì mọi sự trong thế gian như dục vọng của xác thịt, của đôi mắt và thói cậy thế mình giàu sang, tất cả những cái đó không phát xuất từ Thiên Chúa Cha, nhưng từ thế gian; mà thế gian thì sẽ qua đi cùng với những dục vọng của nó. Còn ai thi hành ý muốn của Thiên Chúa thì tồn tại mãi mãi”** (1Ga 2:15-17).

Vậy thì như câu hỏi được đặt ra ở đầu bài là: Khi vui ngày Tình Yêu Valentine, bạn có thật sự biểu lộ “Tình Yêu Thực” không? Tình Yêu mà Thiên Chúa mong muốn và khuyến khích. **“Yêu Chúa - Thương Người”** (Mt 22:37-39)

Pace Island, Florida,

Feb. 13, 2022

NTC

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

MỆNH LỆNH PHẢI HỢP LÝ!

Chuyên đề:
SỨC MẠNH TÌNH YÊU
do Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý
Peter Lê Văn Quảng phụ trách

31. MỆNH LỆNH PHẢI HỢP LÝ!



Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3s3m4OI>

Chúng ta thường hay phàn nàn: con trẻ bây giờ cứng đầu khó dạy hơn chúng ta ngày xưa. Nhưng, chúng ta hãy thử phân tích một vài mẫu chuyện dưới đây để xem: **đâu là nguyên nhân của những vấn đề mà chúng ta đang gặp phải trong vấn đề giáo dục con cái của chúng ta.**

Quốc Trung và bố mẹ đang đi thăm các bạn bè. Trong lúc những người lớn ngồi nói chuyện ở cửa trước, cậu bé Quốc Trung chạy rong. “Quốc Trung! Con lại đây”, mẹ nó ra lệnh. Đoạn bà quay lại với bạn bè và tiếp tục nói chuyện. Cậu bé không nói gì, **lần sang phía góc nhà và từ từ đi tới cái xích đu ở vườn sau.** Bà mẹ xuất hiện ở lối đi sau vườn. “Quốc Trung! Đến đây!” bà ra lệnh với sự cử động của ngón tay để chỉ điểm nó phải đến. **Cậu bé quay lưng lại, nhấc cằm, nhắm mắt, và nhuếch miệng nhe răng cười rồi ngồi xuống trên chiếc xích đu, le lưỡi liếm môi.** “Quốc Trung! Mẹ bảo con đến đây bây giờ”, bà mẹ giận dữ quát tháo. **Cậu bé phớt lờ, tiếp tục đu đưa chiếc xích đu.** “Mẹ đi mách ba con”, bà mẹ nói to trong lúc bước ra khỏi đó. Không có gì xảy ra. Nó tiếp tục đu đưa. Cuối cùng, chán quá rồi, nó đi bộ trở lại cổng trước.

Cậu bé tỏ ra thiếu kính trọng đối với những mệnh lệnh của mẹ nó. Trong trường hợp này, bà mẹ **đón nhận cái bà đáng nhận. Bà đã làm một yêu sách vô lý. Cậu bé đáp trả với sự kháng cự táo bạo đối với mệnh lệnh của bà.** Trong giây phút đặc biệt này, có sự tranh chấp quyền hành giữa mẹ và con. Và cậu bé đã thắng. Không có lý do tại sao nó không được chơi trên chiếc xích đu. Bà mẹ đã cố gắng tỏ uy quyền, còn cậu bé thì vẫn ngồi yên, tỏ vẻ kháng cự. Bây giờ, bà mẹ đành phải đầu hàng, nhưng tiếp tục dùng lời nói hăm đe như một khí cụ. Cuối cùng, bà đe dọa mách với ông bố. Nhưng, cậu bé biết rằng ông bố sẽ không làm gì như kết quả đã cho thấy. **Đe dọa nói với ông bố luôn là một lời nhắc nhở không mấy kết quả. Ông bố không bao giờ bị đặt trong vai trò phải thực hiện một quyền bính, điều mà đối với ông không còn hiệu quả nữa cho công việc giáo dục con cái.**



Những **yêu sách hợp lý** thường được xác định bởi sự trọng kính của con trẻ và sự **tuân phục của chúng đối với mệnh lệnh**. Có nhiều bố mẹ trở nên giận dữ vì đứa trẻ không làm như họ bảo, lý do có thể là vì **những yêu sách của họ không hợp lý mà chỉ cố gắng để điều khiển đứa trẻ mà thôi**. Điều đó thường tạo nên một cuộc chiến về quyền hành để xem ai là "Ông Chủ". Những bố mẹ này đã không nhận ra điều quan trọng trong những cố gắng của họ là **thiết lập một quan hệ tốt đẹp giữa kẻ trên và người dưới**. Họ quên rằng **đối với con trẻ ngày hôm nay, sự trên quyền của người lớn thì không còn được chấp nhận nữa**. Vì thế, con trẻ nhất quyết không chịu vâng lời như một nguyên tắc sống để thoát khỏi sự thống trị. Một đứa trẻ cảm thấy mình bị xếp đặt hoặc bị làm chủ, sẽ có phản ứng phục thù với sự bất phục tùng. Chúng ta **có thể tránh những xung khắc ấy nếu chúng ta chỉ làm những mệnh lệnh cần thiết và hợp lý trong một cách thể không tỏ ra uy quyền**.

Cô bé Thanh Lan, 10 tuổi, đang chơi cách nhà một khoảng cách không xa. Bà mẹ muốn sai nó đến quầy hàng mua một vài món hàng vặt, vì thế bà ra gọi nó từ cổng trước. Cô bé cứ tiếp tục chơi, làm như cô bé không nghe tiếng mẹ gọi. Cô bé không trả lời, bà mẹ đành chịu thua.

Vài phút sau đó, bà gọi nữa. Nhưng cô bé vẫn ra vẻ không nghe thấy gì. Sau cùng, một trong những bạn bè của cô nói: “Thanh Lan, mẹ mày đang gọi mày đó!” “Ồ, tao biết, nhưng bà ta chưa la”. Thay vì la lối, bà mẹ đi ra, mang theo chiếc giày roi nho nhỏ. Bà đi đến chỗ cô bé. Cô bé nhìn ngạc nhiên. “Con không nghe mẹ gọi sao? Đi về nhà, bà nhấn mạnh từng từ ngữ với tiếng kêu của sợi giày đập vào chân cô bé. Cô bé nhảy lên và vội chạy về nhà. Vài phút sau, cô bé bắt đầu đi đến gian hàng.

Cô bé đã trở thành **“Mẹ Điếc”** (nghĩa là mẹ nói thì không nghe), **một vấn đề đã xảy ra cho rất nhiều gia đình.**

Dĩ nhiên, con cái phải làm một số những bổn phận giúp đỡ cha mẹ để đóng góp vào những lợi ích gia đình. Tuy nhiên, những công việc này phải là **một cái gì được giáo dục, được ý thức bởi đứa trẻ và nên được hoàn thành một cách bảo đảm.**

Ở đây, bà mẹ nên cùng cô bé thảo luận trước một chương trình nho nhỏ có thể thỏa đáp được những nhu cầu của gia đình và cũng để phản ánh được nhận thức về quyền lợi chơi với bạn bè của cô bé. Chẳng hạn: vào lúc ăn trưa, bà mẹ có thể nói: **mẹ cần mua một ít đồ từ tiệm tạp hóa trước 5 giờ chiều hôm nay. Máy giờ con có thể giúp mẹ đi mua được?** Khi cô bé làm sự chọn lựa, bà mẹ có thể hỏi: **mẹ sẽ gọi con vào lúc đó được không?** Bây giờ cô bé biết cái gì được mong đợi nơi cô và cô có cơ hội để chọn thời gian thích hợp cho cô. **Lúc đó, yêu sách xem ra là có lý và cô bé sẽ đáp lại với một cảm giác tự hào về bổn phận nó cần phải làm.**

Một câu chuyện khác: Bà mẹ đang ngồi trong phòng coi Tivi, sửa chữa mấy cái quần áo lặt vặt trong lúc cô bé Mỹ Huyền, 8 tuổi, đang coi Tivi. “Mỹ Huyền, con lấy cho mẹ bao thuốc lá đi”. Cô bé nhảy xuống và đi lấy thuốc lá cho mẹ. Vài phút sau, bà lại gọi: “Cưng ơi, con lấy cuộn chỉ trắng cho mẹ”. Cô bé đi lấy cuộn chỉ. Sau đó không lâu, bà mẹ lại gọi: “Con ơi, con đi tắt bếp cho mẹ”. Cô bé lại phải chạy đi tắt bếp cho bà mẹ.

Bà mẹ đã đối xử với cô bé như một đứa đầy tớ. Cô bé cố gắng thỏa đáp **những yêu sách không hợp lý chút nào** chỉ vì nó muốn làm vui lòng mẹ nó. Và chúng ta cho nó là cô bé ngoan, nhưng thật ra **nó không được học cách xử sự như một cá nhân tự quyết.**

Một câu chuyện nữa: Bà mẹ và ông bố đang ngồi ở sân sau nói chuyện với những người bạn chợt đến bất thành lình. Thuý Hằng, 9 tuổi, đang chơi với hai đứa bạn gái ở gần đó. Minh Quang, 1 tuổi rưỡi, đang loay hoay vì đã đến giờ đi ngủ. Bà mẹ ôm nó một lúc, nhưng sự khuấy động của nó làm mọi người chia trí. “Thuý Hằng, con đến bế em bỏ vào trong chiếc giường của nó giúp mẹ đi”. “Ồ, mẹ. Cô bé thờ dài”. Nhưng rồi, cũng rồi các bạn và làm như mẹ nó bảo.

Bà mẹ đã làm một sai bảo không hợp lý. Chúng ta không nên bảo một đứa trẻ làm một điều mà chính chúng ta cũng không thích bị yêu cầu làm. Bà mẹ **muốn ở với các bạn của bà nên đã bảo đứa trẻ rời bỏ các bạn của nó** để chăm sóc cho cậu bé con. Điều này cho

thấy **sự thiếu kính trọng đối với quyền lợi của cô bé**. Tốt nhất, bà mẹ nên cáo lỗi và tự mình đem cậu bé vào trong giường vì còn có ông bố tiếp chuyện với khách.

Khi chúng ta muốn làm một yêu sách hay ra một mệnh lệnh cho một đứa trẻ, chúng ta phải nhạy cảm đối với tình thế cũng như đối với khả năng của đứa trẻ nữa. Có những đứa trẻ thích nhiệm vụ chăm sóc trẻ nhỏ, nhưng cũng có những đứa không thích mấy. Vì thế, giao trách nhiệm phải tùy từng đứa, và tốt hơn nên có sự đồng ý trước, như khi nào trách nhiệm đó được thực hiện. Dĩ nhiên, nếu bà mẹ cần thêm sự giúp đỡ, bà có thể gọi đứa trẻ lớn hơn giúp bà.

Chúng ta có thể ngẫm nghĩ về những trường hợp, trong đó chúng ta **đòi hỏi hay ra lệnh cho một đứa trẻ phải làm một cái gì ngay tức khắc**. Đây là **một cách thể tỏ ra uy quyền và thường là một đòi hỏi không hợp lý**. Sự đáp trả của đứa trẻ: “Ồ, bà luôn luôn la hét và bắt tôi phải làm một cái gì”, điều đó cho thấy **một tương quan nghèo nàn, thiếu sự hòa hợp, thiếu sự cộng tác giữa hai bên**. Muốn được sự cộng tác của đứa trẻ, chúng ta nên dùng những phương cách tế nhị, kính trọng, và khéo léo hơn là những mệnh lệnh, vì không một ai, ngay cả con trẻ, thích nhìn thấy quyền hành được lạm dụng trong xã hội hôm nay.

Lm. Peter Lê Văn Quảng

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

“HÃY NUÔI MÌNH BẰNG LỜI”

LECTIO DIVINA

Tác phẩm:

“HÃY NUÔI MÌNH BẰNG LỜI”

Nguyên tác:

Nourris-toi de la Parole

Père Christophe de Dreuille



Fr. Bảo Tịnh O.Cist chuyển ngữ

Tủ Sách Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Nha Trang.

Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://bit.ly/3LJbQKY>



Giới thiệu

“Chúng ta hãy đặt mình hiện diện trước tôn nhan Chúa và thờ lạy Ngài”. Mỗi tối trước tấm hình Chúa Giêsu, bố tôi luôn khởi đầu giờ kinh như thế. Qua những lời đơn sơ này, bố giúp chúng tôi đặt mình hiện diện trước tôn nhan Chúa và giúp chúng tôi sốt sắng cầu nguyện. **Tất cả mọi kinh nguyện đều là tìm kiếm sự hiện diện huyền nhiệm và yêu thương của Chúa. Tất cả mọi kinh nguyện đều là chăm chú, lắng nghe, ao ước, kiếm tìm Tình Yêu vĩnh cửu của Cha được tỏ hiện trong Chúa Giêsu và chan hòa trong thế giới nhờ Chúa Thánh Thần.** Và Lectio divina là một kinh nguyện hướng về sự Hiện Diện với tâm tình cầu nguyện qua việc đọc Kinh Thánh là Sách được linh hứng chứa đựng Lời của Chúa.

Tôi hân hạnh viết lời giới thiệu cuốn sách này của cha Christophe de Dreuille, linh mục giáo phận Aix-en-Provence và Arles, là bề trên chủng viện thánh Lu-ca tại Aix-en-Provence. Cuốn sách này là một tuyên dương dành cho cha Jean Beyer, dòng Tên, người đã giúp cha Christophe học biết nghệ thuật Lectio divina. Tôi không được biết vị thầy dạy cầu nguyện với Kinh Thánh này, nhưng ngài đã ghi dấu ấn trong toàn thể giáo phận và nhờ ngài việc thực hành Lectio divina lan rộng trong dân Chúa. Tại Chủng viện, Lectio divina là một trong những môn học căn bản dạy các linh mục tương lai ngay từ năm dự bị trong chương trình huấn luyện.

Cuốn sách này không là một cẩm nang: Lectio divina không thể giản lược vào một khuôn thước chỉ cần máy móc theo đó thực hành là đạt được kết quả, nhưng là **một công việc của Chúa Thánh Thần**. Cuốn sách này cũng không phải là một phương thức hay toàn bộ những phương thức: Lectio divina không chỉ gồm những yếu tố cấu tạo, mà là việc làm của một tác nhân

nội tại, là **việc làm của Chúa trong các tâm hồn**. Dẫu vậy cuốn sách này rất hữu ích, vì Lectio divina là một nghệ thuật cần học hỏi. Cuốn sách này lấy nguồn từ truyền thống phong phú của Giáo Hội và chắc chắn sẽ **giúp cho nhiều tâm hồn tiến triển tốt đẹp trong nghệ thuật cầu nguyện và đi vào đối thoại với Chúa, đi vào lắng nghe Lời Chúa**.

“Thiên Chúa vô hình, ngỏ lời với loài người như với các bạn hữu. Ngài đối thoại với họ để mời gọi và đón nhận họ hiệp nhất với Ngài” (MK 2). Những lời này của Công Đồng Vaticanô II diễn tả rõ nét điều căn bản của việc thực hành Lectio divina hôm nay. **Chính Chúa nói. Chỉ mình Chúa mới có thể nói đúng về Chúa**, ngôn ngữ thần học nói như thế. Trong yêu thương và khôn ngoan, Chúa vui lòng mạc khải và để cho loài người nhận biết mầu nhiệm của Ngài. Chúa đi vào đối thoại với loài người giữa lòng lịch sử của họ.

Hiện nay tại Pháp, chúng ta đang sống một cuộc tái khám phá về Lectio divina. Người ta cũng có thể nói về một khám phá vì Lectio divina đã không vượt quá khuôn khổ đan tu bao nhiêu, và cũng chỉ mới được quảng bá trong dân Chúa. Đại hội Ecclesia 2007 tại Lộ Đức vào tháng 10 năm 2007 đã giúp cho 7.000 tham dự viên tiếp cận với Lectio divina và đến phiên họ, họ quảng bá tại các giáo xứ, giáo phận của họ. **Nhờ thế dần dần có nhiều người thực hành Lectio divina. Và cuốn sách này của cha De Dreuille là một bạn đồng hành quý giá cho tất cả những ai sau khi đã khám phá ra Lectio divina ước muốn tiến bộ trong việc thực hành.**

Lectio divina phải là một lương thực hằng ngày, là một lương thực mỗi ngày của cuộc sống Kitô hữu. Lectio divina đặc biệt phải là lương thực của các giáo lý viên, của tất cả những ai có trách nhiệm về giáo lý trong Giáo Hội. Đức Giáo Hoàng Gio-an Phaolô II nói rằng: **“Mục tiêu của giáo lý là dẫn ai đó vào trong hiệp nhất, thân mật với Chúa Giêsu Kitô”**. Làm sao những vị “đàn anh trong đức tin” có thể hướng dẫn một người khác vào kết hiệp với Chúa nếu chính họ không để cho Lời Chúa hoạt động lâu bền và sâu đậm trong họ? **Tôi nguyện ước, trong mỗi giáo xứ, có được một trường dạy Lectio divina.**

“Này đây Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy, sẽ dùng bữa với người ấy, và người ấy sẽ dùng bữa với Ta” (Kh 3, 20). Trong nhà bạn, bạn hãy dọn một bàn tiệc Lời Chúa, Chúa sẽ đến đồng bàn ngồi bên cạnh bạn và ngỏ lời với lòng bạn. Bạn hãy lắng nghe, hãy suy niệm, hãy cầu nguyện và chiêm ngắm (kết hiệp). **Bạn hãy đặt mình hiện diện trước Tình Yêu vĩnh cửu, tôn thờ Ngài và để cho mình được yêu mến.**

+ Christophe DUFOUR

Tổng Giám Mục phụ tá

giáo phận Aix-en-Provence

28 tháng 11 năm 2008

Lễ Thánh Trophime và các Thánh Giám Mục tại Arles.

Lời vào

“Ngôi Lời đã làm người và ở giữa chúng ta” (Ga 1,14).

Lời công bố này của thánh Gioan diễn tả màu nhiệm nhập thể đồng thời cũng đề cao cương vị và giá trị của Kinh Thánh. Công Đồng Vaticanô II giải thích: ***“Vi lời nói của Chúa diễn tả qua ngôn ngữ nhân loại, được đồng hóa với tiếng nói loài người, cũng như xưa Lời Nói của Chúa Cha Hằng Hữu đã trở nên giống loài người, sau khi nhận lấy sự yếu đuối của xác thịt”*** (MK 13). Quả thực Lời Chúa đã được ban cho theo cách thể loài người có thể tiếp nhận, có thể lĩnh hội. Điều mà Cựu Ước mặc khải - ***“Lời ở rất gần anh em”*** (Đnl 30, 14) - đã hoàn tất cách diệu kỳ nơi con người Giêsu Kitô, là sự tỏ hiện trọn hảo tình yêu của Cha: ***“Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy”*** (Ga 14, 23). Lời này sẽ đem lại hiệu quả trong lòng kẻ tiếp nhận để cho phép môn đệ làm được những công việc của Chúa Kitô và ***“còn làm những việc lớn hơn nữa”*** (x. Ga 14, 12). ***Những ngôn từ nghèo nàn khiêm tốn của loài người chúng ta sẽ trở thành ngôn từ diễn tả Lời Chúa.*** Những ngôn từ này có cùng một năng lực và phong phú: Lời Chúa để cho con người ***nghe được, thấy được, chiêm ngắm được, đụng chạm tới được*** sẽ có thể sinh kết quả để như thánh Gioan viết: ***“Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa, để chính anh em cũng được hiệp thông với chúng tôi, mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và với Chúa Giêsu Kitô, Con của Ngài. Những điều này, chúng tôi viết ra để niềm vui của chúng ta được nên trọn vẹn”*** (x. 1 Ga 1, 1-4).

Như vậy lòng con người là môi trường để *giải thích việc Lời Chúa đem lại ánh sáng* (x. Tv 119, 130) và nhờ Chúa Thánh Thần hướng dẫn lòng con người cũng có thể là nơi kết tạo những lời riêng của chính mình, để chúng có thể trở thành chính Lời của Chúa.

Đó là kết tinh của Lectio divina. Việc ***“cầu nguyện bằng Lời”*** này mời gọi chúng ta hằng ngày đi vào cuộc gặp gỡ giữa một ***Người Cha rất yêu thương với những người con yêu dấu của Cha là chính chúng ta.*** Ngôi Lời của Thiên Chúa tự hiện mình cho chúng ta hôm nay để dạy chúng ta nhận ra và lắng nghe tiếng nói thân thương của Cha, và để cho lời của chúng ta, một khi hợp với lời của Ngôi Lời, cũng có thể diễn tả tình yêu Thiên Chúa, qua việc chúng ta hiểu thảo đáp lời Cha cũng như trong những lời huynh đệ chúng ta trao cho nhau.

Cuốn sách này là kết quả của một trải nghiệm Lectio divina do cha Jean Beyer hướng dẫn đã từ hơn 25 năm qua (*khoảng từ năm 1983*), trước hết cho các nữ tu, sau đó cho các chủng sinh giáo phận Aix-en-Provence. Kể từ đó việc khám phá ra sự phạm này của Chúa - Lectio divina - đã được đề nghị với các chủng sinh ngay trong năm đầu tiên nhập chủng viện, để giúp họ tiếp nhận Lời Chúa hằng ngày cũng như đặc biệt trong khóa học chiêm niệm. Từ hai năm qua (*từ khoảng năm 2006*), theo lời yêu cầu của một số giáo dân, trải nghiệm này cũng đã được mở rộng để giúp một số đông thành phần Dân Chúa tiếp nhận Lời mỗi ngày trong cầu nguyện, theo ước muốn của Công Đồng Vaticanô II trong hiến chế tín lý Mạc Khải (*các số 25-26*). Vào đầu

thiên niên kỷ này Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã khuyến khích, cổ vũ việc canh tân thực hành Lectio divina. Lời kêu gọi của ngài được Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI tiếp nối và nhắm tới **một mùa xuân thiêng liêng mới cho Giáo Hội**. Giữa những dấu chỉ đã lôi cuốn chúng tôi trong việc tái khám phá Lectio divina, chúng tôi cần nhắc đến những khích lệ của “Đại Hội Ecclesia 2007”, Năm Thánh Phaolô, và Thượng Hội Đồng Giám Mục tại Rôma về Lời Chúa (*tháng 10 năm 2008*).

Chúng tôi ước mong tập sách này là một mời gọi khám phá Lectio divina cho những ai chưa bước vào cuộc phiêu lưu đầy ánh sáng này. Còn đối với những ai đã đi vào, mỗi ngày một đông hơn, chúng tôi muốn khuyến khích kiên trì trong việc mỗi ngày tiếp nhận Lời ban Sự Sống này.

Các bạn tìm thấy gì trong những trang sau đây?

Trước hết là một bài suy niệm về điều mà **Lời Chúa nói về chính Lời Chúa, điều mà chúng ta có thể khám phá ra trong khi chăm chú đọc Kinh Thánh**. Để giúp độc giả tham dự vào việc suy niệm này về Lời Chúa, ở những trang cuối của cuốn sách trong phần Phụ Bản, chúng tôi đề nghị cho phần thứ nhất này bản liệt kê những trích dẫn Kinh Thánh và Truyền Thống Kitô giáo đã bồi dưỡng suy niệm này và có thể sử dụng để thực hành Lectio divina theo chủ đề.

Tiếp đến, theo sư huynh Enzo Bianchi và Đức Hồng Y Carolo Martini, cha Joseph-Marie Verlinde, và một số tác giả khác, dựa trên những huấn dụ của Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, chúng tôi dùng để giải thích con đường Lectio divina với mục đích trình bày về sự phạm của Chúa. Phần thứ hai của cuốn sách này, cũng như phần thứ ba, được trình bày từng mục dài hay ngắn, được đánh số thứ tự để người ta có thể dễ dàng tìm đọc lại một phần nào đó mà không nhất thiết phải đọc lại toàn bộ. Thường xuyên đọc lại những mục được đánh số này sẽ nhận được sự đồng hành và hướng dẫn thực hành Lectio divina hằng ngày.

Phần thứ ba có tính cách cụ thể hơn. Phần này gồm những hướng dẫn thực tiễn để thực hành Lectio divina hằng ngày. Chúng tôi mong muốn đề nghị việc thực hành này với tất cả mọi người, đặc biệt với thành phần giáo dân, với tư cách là Kitô hữu ao ước một cuộc sống cầu nguyện giữa những dẫn thân và những trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, nghề nghiệp hay hội đoàn.

Công việc viết cuốn sách này được cha Jean Beyer giúp đỡ rất nhiều. Chúng tôi đặc biệt trích dẫn một số những suy tư của ngài khi trình bày về những bậc thang của Lectio divina. Qua công việc này chúng tôi muốn tỏ lòng tôn kính và biết ơn đối với ngài.

Christophe de Dreuille

Ngày 26 tháng 8 năm 2008,

Lễ thánh Césaire d'Arles

(Còn tiếp nhiều kỳ)

Chân thành cảm ơn.



VỀ MỤC LỤC

PHÚC THAY AI CÓ TÂM HỒN TRONG SẠCH

Lm. Montfort Phạm Quốc Huyền O. Cist.

Dẫn nhập

Vào năm 2000, thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã lên núi Bát Phúc ở Palestine, và đã giảng cho hơn 20 ngàn thanh thiếu niên qui tụ ở đó, ngài nói như sau: *“Chúa Giêsu đã giảng Bát Phúc, Chúa Giêsu đã sống Bát Phúc, Chúa Giêsu chính là Bát Phúc và Bát phúc là con đường để tiến vào Nước Trời”*.

Thật vậy, tám mối phúc là một bức tranh vẽ chân dung của Chúa Giêsu. Hãy nhìn vào Chúa Giêsu chúng ta sẽ biết thế nào là tâm hồn nghèo khó, là sống hiền lành, là chịu đau khổ, là khát khao sự công chính, là có lòng thương xót, là có tâm hồn trong sạch, là xây dựng hòa bình và bị bách hại vì lẽ công chính. Bước theo con đường Bát Phúc là bước theo Chúa Giêsu, là làm cho trái tim của mình nên giống Trái Tim Chúa Giêsu. Con đường Bát Phúc có khả năng thay đổi lối sống của con người chúng ta. Chúng ta sẽ khám phá ra Bát Phúc là một mạc khải về Chúa Giêsu. Đó là tám bản tiểu sử ngắn gọn về Chúa Giêsu, là một lời mời gọi chúng ta noi gương Ngài, một con người thuộc trọn về Chúa Cha. Nói thế có nghĩa là con người không thể tìm thấy hạnh phúc nơi bản thân nhưng cần phải tìm ở nơi Thiên Chúa. Chúng ta cũng phải là những người để cho Thiên Chúa chiếm ngự hoàn toàn. Trong bối cảnh đó, các mối phúc trình bày chân dung của một con người có hạnh phúc trọn vẹn. Con người đó là Chúa Giêsu, người đã dâng cả cuộc đời mình cho Thiên Chúa và tha nhân. Trong bài giảng về Bát Phúc, Chúa Giêsu đã nói: *“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa”* (Mt 5, 8). Nhưng thế nào là tâm hồn không trong sạch? Tâm hồn của Chúa Giêsu trong sạch như thế nào? Tại sao việc được nhìn thấy Thiên Chúa lại là phần thưởng cho người có tâm hồn trong sạch? Và tâm hồn trong sạch là gì?

1- Thế nào là một tâm hồn không trong sạch?

Kinh Thánh cho chúng ta biết, người có tâm hồn không trong sạch là kẻ hai lòng, vừa tôn thờ Thiên Chúa vừa tôn thờ ngẫu tượng, và là kẻ có thái độ giả hình.

a-Người có tâm hồn không trong sạch là kẻ hai lòng, vừa tôn thờ Thiên Chúa vừa tôn thờ ngẫu tượng.

Dân Israel thời vua A-kháp vừa tôn thờ Thiên Chúa vừa thờ tượng thần Baal, vị thần phong nhiêu. Họ không muốn bỏ tôn giáo của cha ông họ, nhưng đồng thời họ cũng muốn được

hiều của cải. Vào thời đó, các nghi lễ liên quan đến thần phong nhiêu được xem như một phương thể bảo đảm cho một mùa màng bội thu, và dân Israel tin rằng thần Baal sẽ cho dân lúa mì, rượu nho và dầu ôliu, nên họ cũng tôn thờ vị thần này. Vì thế ngôn sứ Êlia đã nói với họ: *"Các người nhẩy khắp khiêng hai chân cho tới bao giờ? Nếu Đức Chúa là Thiên Chúa, hãy theo Người; còn nếu là Baal thì cứ theo nó"* (1 V 18, 21). Người có tâm hồn không trong sạch là kẻ hai lòng, vừa muốn làm tôi Thiên Chúa, vừa muốn chiều theo các dục vọng của lòng mình. Ngày nay có những tín hữu Công Giáo vừa có bàn thờ Chúa trong nhà, vừa có bàn thờ Thần Tài bèo phệ hờ rồn ở góc nhà, vì họ muốn bắt chước các đại gia, những người giàu sang có bàn thờ Thần Tài trong nhà.

Kinh Thánh cảnh cáo điều này nhiều lần, cụ thể là:

-Vịnh gia đã bày tỏ tâm tình chán ghét kẻ hai lòng: *"Kẻ hai lòng, con chê con ghét, nhưng luật Ngài, con chuộng con yêu"* (Tv 118, 113).

-Tác giả thư Giacôbê cũng khuyên nhủ: *"Hỡi kẻ hai lòng, hãy tẩy luyện tâm can"* (Gc 4, 8).

-Còn Chúa Giêsu cảnh cáo kẻ làm tôi hai chủ: *"Không ai có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh dể chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của được"* (Mt 6, 24). Đó cũng là những kẻ vừa đi theo Chúa Kitô vừa hoài nghi Ngài (x. Mt 28, 7).

b-Người có tâm hồn không trong sạch là kẻ có thái độ giả hình.

Kẻ giả hình là người có vẻ bề ngoài đạo đức nhưng không có lòng sùng mộ bên trong. Người hành động theo luật nhưng tâm hồn không có ý ngay lành. Thiên Chúa nói về dân Israel qua lời của ngôn sứ Isaia: *"Dân này thờ kính Ta bằng môi miệng, nhưng lòng họ xa Ta"* (Is 29, 13). Các ngôn sứ tố cáo sự trống rỗng về tôn giáo, lên án những thực hành tôn giáo giả hình, những việc làm thiếu lòng mến trong tâm hồn: *"Đức Chúa phán: "Ngần ấy hy lễ của các người, đối với Ta, nào nghĩa lý gì? Lễ toàn thiêu chiên cừu, mỡ bê mập, Ta đã ngấy. Thôi, đừng đem những lễ vật vô ích đến nữa. Những thứ đó đã trở thành gánh nặng cho Ta, Ta không chịu nổi nữa. Vì tay các người đầy những máu"* (Is 1, 11-15).

Tâm hồn trống rỗng nhưng ra vẻ đạo đức, bởi vì họ muốn gây ấn tượng cho những người khác, làm việc thiện cốt cho thiên hạ hoan hô tán thưởng, và thiếu sự thành thật của tâm hồn. Đó là những người vừa muốn được người đời khen ngợi là đạo đức, vừa muốn buông thả theo xác thịt, vừa muốn được vào thiên đàng vừa muốn hưởng thụ mọi vui thú, sung sướng ở trần gian này. Những người muốn bắt cá hai tay.

Chúa Giêsu đã tố cáo họ: *"Và khi cầu nguyện, anh em đừng làm như bọn đạo đức giả: chúng thích đứng cầu nguyện trong các hội đường, hoặc ngoài các ngã ba ngã tư, cho người ta thấy"* (Mt 6, 5); Chúa còn nói về họ rằng: *"Các người rửa sạch bên ngoài chén đĩa, nhưng bên trong thì đầy những chuyện cướp bóc và ăn chơi vô độ. Các người giống như mồ mã tô vôi, bên ngoài có vẻ đẹp, nhưng bên trong thì đầy xương người chết và đủ mọi thứ ô uế. Các người cũng vậy, bên ngoài thì có vẻ công chính trước mặt thiên hạ, nhưng bên trong toàn là giả hình và gian ác"* (Mt 23, 25-28).

Thói giả hình xuất phát từ chủ nghĩa hình thức, tính phô trương, từ sự mù quáng, tự lừa dối mình, và từ tính tự mãn, kiêu ngạo mà cứng lòng không chịu hoán cải (x. Mt 15, 3-14). Cả những vị lãnh đạo có bổn phận dạy dỗ người khác cũng có nguy cơ trở nên giả hình, thậm chí có nguy cơ là kẻ giả hình nhưng không nhận ra tính giả hình của mình (x. Mt 7, 20-23). Tính giả

hình là một nguy cơ thường xuyên đối với những ai thực hành tôn giáo cách hình thức. Các thực hành và nghi thức tôn giáo phải xuất phát từ một thái độ bên trong của con tim dâng hiến cho Thiên Chúa và Dân Thiên Chúa. Chỉ khi những lời nói và hành động của chúng ta xuất phát từ nội tâm chúng ta mới có thể tránh được nguy cơ giả hình.

2-Tâm hồn của Chúa Giêsu trong sạch như thế nào?

Kinh Thánh cho chúng ta thấy tâm hồn của Chúa Giêsu trong sạch, vì Ngài đã luôn qui hướng về Chúa Cha trong ý chí, lời nói và việc làm.

-Chúa Giêsu đến không phải để sống theo ý riêng của mình, nhưng Ngài đã đến để làm theo ý Chúa Cha: *"Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài, như Sách Thánh đã chép về con"* (Dt 10, 7); và Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ của Ngài: *"Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy, và hoàn tất công trình của Người"* (Ga 4, 34).

-Trong suốt cuộc đời công khai, Chúa Giêsu chỉ dạy những gì Ngài đã nghe biết nơi Chúa Cha: *"Đạo lý tôi dạy không phải là của tôi, nhưng là của Đấng đã sai tôi"* (Ga 7, 16).

-Chúa Giêsu chỉ làm những gì Ngài thấy Chúa Cha đã làm: *"Đức Giêsu nói với họ rằng: 'Thật, tôi bảo thật các ông: người Con không thể tự mình làm bất cứ điều gì, ngoại trừ điều Người thấy Chúa Cha làm; vì điều gì Chúa Cha làm, thì người Con cũng làm như vậy'"* (Ga 5, 19); và Chúa Giêsu xét xử như Chúa Cha đã nói với Ngài: *"Tôi không thể tự ý mình làm gì. Tôi xét xử theo như tôi được nghe, và phán quyết của tôi thật công minh, vì tôi không tìm cách làm theo ý riêng tôi, nhưng theo ý Đấng đã sai tôi"* (Ga 5, 30).

Như vậy, cả cuộc đời của Chúa Giêsu là sống cho Thiên Chúa, và để cho Thiên Chúa chiếm trọn vẹn tư tưởng, lời nói, việc làm, tâm hồn và con người của Ngài. Vì vậy tâm hồn của Ngài đã thuộc trọn về Chúa Cha, không lấy gì làm hơn ý muốn của Chúa Cha. Đây là tâm hồn trong sạch và hạnh phúc nhất, vì đã nên một với Thiên Chúa như Chúa Giêsu nói: *"Tôi và Chúa Cha là một"* (Ga 10, 30).

3-Tại sao việc được nhìn thấy Thiên Chúa lại là phần thưởng cho người có tâm hồn trong sạch?

Kinh Thánh mặc khải cho chúng ta: niềm khát vọng lớn nhất của con người là được nhìn thấy Thiên Chúa. Đồng thời Kinh Thánh cũng chỉ ra nguyên nhân tại sao chúng ta không khao khát nhìn thấy Thiên Chúa. Tuy nhiên, Sách Thánh cũng khẳng định chắc chắn rằng: chỉ người nào có tâm hồn trong sạch mới được nhìn thấy Thiên Chúa.

a-Khát vọng nhìn thấy Thiên Chúa của con người

-Trong Cựu ước, vịnh gia đã thốt lên rằng: *"Linh hồn con khao khát Chúa Trời, là Chúa Trời hằng sống. Bao giờ con được đến vào bệ kiến Tôn Nhan?"* (Tv 41, 3). Còn trong Tân ước, tông đồ Philíp-phê nói với Chúa Giêsu: *"Thưa Thầy, xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là chúng con mãn nguyện"* (Ga 14, 8). Cả thánh Phaolô cũng nói: *"Ở lại trong thân xác này là lưu lạc xa Chúa, và điều chúng tôi thích hơn, đó là lìa bỏ thân xác để được ở bên Chúa"* (2 Cr 5, 6-8). Người ta kể lại rằng thánh Đaminh Savio có thói quen nhìn xuống đất. Các bạn học thấy vậy mới hỏi tại sao lại có cử chỉ như thế. Savio trả lời: *"Tôi muốn để dành đôi mắt để chiêm ngưỡng Thiên Chúa trên thiên đàng sau này"*. Nhưng tại sao con người lại khao khát nhìn thấy Thiên Chúa? Thưa: lý do là vì Thiên Chúa đã dựng nên con người theo hình ảnh của Ngài, mà hình ảnh thì phải luôn luôn đi theo chủ thể, cho nên chỉ khi con người qui hướng về Chúa mới gặp

được hạnh phúc đích thực. Như nước từ trời cao đổ mưa xuống, nước mưa chảy thành suối, suối chảy ra sông, sông chảy ra biển, nước biển bốc hơi lại bay lên trời thế nào thì con người cũng phải trở về với nguồn mạch của mình là Thiên Chúa như vậy. Thiên Chúa là nam châm còn con người là sắt. Sắt bị hút về nam châm thế nào thì con người cũng khát khao Thiên Chúa như thế.

b-Vậy tại sao ngày nay chúng ta dường như là khao khát một điều gì khác chứ không phải Thiên Chúa?

Thưa: lý do là vì chúng ta đang sống trong thế gian, trong thân xác, nên có nhiều nhu cầu như ăn uống, y phục, nhà ở, việc làm, tiền bạc, giao tiếp xã hội, giải trí, ... và chúng ta đã quá dính bén với các nhu cầu đó, biến nó thành các dục vọng như thánh Gioan nói: *“vì mọi sự trong thế gian: như dục vọng của tính xác thịt, dục vọng của đôi mắt và thói cậy mình có của, tất cả những cái đó không phát xuất từ Chúa Cha, nhưng phát xuất từ thế gian”* (1 Ga 2, 16). Chúng ta chạy theo các nhu cầu của thân xác và xã hội nên chúng ta trở thành nô lệ cho các dục vọng của xác thịt và vì thế chúng ta không còn lòng khao khát Thiên Chúa nữa.

c-Chỉ người nào tìm Chúa với tâm hồn trong sạch mới gặp được Chúa.

Trong Cựu Ước, chúng ta gặp thấy câu chuyện sau: *“Ông Môsê nói với Giavê: “Xin Ngài thương cho con được thấy vinh quang của Ngài.” Đức Chúa phán: “Người không thể xem thấy tôn nhan Ta, vì con người không thể thấy Ta mà vẫn sống”* (Xh 33, 18-23). Tôn nhan Chúa ở đây là sự hiện diện đầy uy nghi của Thiên Chúa, trong ánh sáng huy hoàng của chính bản thể Thiên Chúa và Thiên Chúa đã từ chối Môsê. Nếu muốn thấy Thiên Chúa thì phải chết, mà chúng ta lại không muốn chết. Chết ở đây hiểu theo hai nghĩa: chết về thể lý và chết đi cho các dục vọng của xác thịt. Cõi lòng trong sạch và lòng sốt sắng tinh tuyền là những điều kiện để tìm và gặp Chúa, để đi vào giao tiếp với Chúa trong cầu nguyện. Chỉ người nào tìm Chúa với tâm hồn trong sạch mới gặp được Chúa. Còn những ai có tâm hồn không trong sạch thì không thể gặp được Chúa. Vì vậy, Chúa Giêsu nói: *“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa”*. Như vậy, điều kiện để thấy Chúa là có tâm hồn trong sạch. Nhưng tâm hồn trong sạch là gì?

4-Tâm hồn trong sạch là gì?

Kinh Thánh cho chúng ta thấy rõ: Người có tâm hồn trong sạch luôn qui hướng về Chúa, luôn tìm kiếm Thiên Chúa với trọn vẹn tấm lòng của mình, và tâm hồn của người ấy chỉ có một đối tượng duy nhất là Thiên Chúa, chỉ yêu mến một mình Ngài mà thôi.

a-Người có tâm hồn trong sạch luôn qui hướng về Chúa với trọn vẹn tấm lòng của mình.

Khi Chúa Giêsu nói: *“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa”* (Mt 5, 8), Ngài nhắc lại lời thánh vịnh 23, 3-4:

“Ai được lên Núi Chúa? Ai được ở trong đền thánh của Người.

Đó là kẻ tay sạch lòng thanh, chẳng mê theo ngẫu tượng, không thề gian thề dối.

Đây chính là dòng dõi những kẻ kiếm tìm Người, tìm thánh nhan Thiên Chúa nhà Giacóp”.

Người có tâm hồn trong sạch không chỉ tránh các tư tưởng dâm ô, nhưng còn là người có tâm trí hoàn toàn quy hướng về Thiên Chúa, luôn tìm kiếm Thiên Chúa như Tv 86, 11: *“Xin Chúa hướng lòng con, để con biết một niềm kính tôn Danh Thánh”*.

Người có tâm hồn trong sạch là người có đôi mắt đẹp. Đôi mắt đẹp ở đây là đôi mắt hướng về Chúa: *“Con ngược mắt hướng nhìn lên Chúa, Đấng đang ngự trên trời. Quả thực như mắt của gia nhân hướng nhìn tay ông chủ, như mắt của nữ tỳ hướng nhìn tay bà chủ, mắt chúng ta cũng hướng nhìn lên Chúa là Thiên Chúa chúng ta”* (Tv 122, 1-2). Đôi mắt hướng về Chúa là đôi mắt cầu nguyện. Chỉ cầu nguyện liên lỉ, người ta mới có đủ ơn Chúa giúp để giữ lòng trong sạch.

b-Tâm hồn trong sạch có một đối tượng duy nhất là Chúa Giêsu, chỉ yêu mến một mình Ngài mà thôi.

Tâm hồn của người trong sạch chỉ chú tâm đến một điều duy nhất như thánh Phaolô nói trong Pl 3, 12: *“Tôi chỉ chú ý đến một điều là mong chiếm đoạt được Đức Giêsu Kitô”*. Trong Lc 19, 42 Chúa nói với Mátta: *“Chỉ có một điều cần thiết mà thôi”*. Bà Maria Bêtania là người có tâm hồn trong sạch vì hoàn toàn bị lời Chúa Giêsu thu hút hết tâm trí của mình. Đức Mẹ cũng thế, vì Luca viết: *“Còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng”* (Lc 2, 19). Người có tâm hồn trong sạch là người nhận ra Thiên Chúa tốt lành, đáng yêu mến, đáng để mình toàn tâm, toàn ý hướng về Ngài, nên sẽ sống theo lời Thiên Chúa phán trong Đnl 6, 4-5: *“Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người hết lòng, hết trí khôn”* và Mt 22, 37 cũng nhắc lại câu đó.

Người có tâm hồn trong sạch lấy Chúa Giêsu làm nhất, yêu quý Ngài như viên ngọc vô giá, nên sẽ giống như thương gia *“bán tất cả những gì mình có mà mua viên ngọc ấy”* (Mt 13, 46). Đối với người có tâm hồn trong sạch, Chúa Giêsu là kho báu vô giá chôn giấu trong ruộng, vì thế người ấy *“vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy”* (Mt 13, 44).

c-Tâm hồn trong sạch hay cõi lòng tinh tuyền là điều kiện để tìm và gặp được Chúa

Hiến pháp của Dòng Mến Thánh Giá viết rằng: *“Chúa Giêsu Kitô chịu đóng đinh là đối tượng duy nhất của lòng trí chúng ta”*, còn tu luật thánh Biển Đức chương 72 viết rằng: *“Tuyệt đối không lấy gì làm hơn Chúa Kitô”*. Vì thế người tu sĩ được mời gọi để cho Chúa Kitô chiếm trọn tâm hồn, trí khôn và cả cuộc đời mình. Tuy nhiên, muốn được như thế, người tu sĩ cần phải có tâm hồn trong sạch.

Theo truyền thống đan tu, thánh Biển Đức nhấn mạnh đến *“cõi lòng sốt sắng tinh tuyền”* như trong tu luật có viết: *“Chúng ta phải khấn cầu rất mực khiêm cung, với lòng sốt sắng tinh tuyền”* (Tu Luật Biển Đức chương 20) và *“hãy ý thức rằng: chẳng phải do nhiều lời, nhưng chỉ cần một lòng thanh sạch, hoà với dòng lệ thống hối là được Chúa nhận lời”* (Tu Luật Biển Đức chương 20). Như vậy, theo thánh Biển Đức: Cõi lòng trong sạch và lòng sốt sắng tinh tuyền là những điều kiện để tìm và gặp Chúa, để đi vào giao tiếp với Chúa trong cầu nguyện. Chỉ người nào tìm Chúa với tâm hồn trong sạch mới gặp được Chúa.

Cõi lòng tinh tuyền được liên kết với cách sống. Thánh Biển Đức khuyên đan sĩ cố công nắm giữ sự tinh tuyền của cuộc sống: *“Trong Mùa Chay, cha khuyên ai nấy giữ đời sống mình thật tinh tuyền”* (Tu Luật Biển Đức chương 49). Người ta chỉ có thể có được *“tâm hồn trong sạch”* nếu trong nội tâm được Chúa thanh tẩy *“Ta sẽ rửa nước thanh sạch trên các người và các người sẽ được thanh sạch, các người sẽ được sạch mọi ô uế và mọi tà thần”* (Ed 36, 25). Nếu người ta cố gắng giữ mình tránh tất cả các tội, ngay cả không chần chừ bỏ trốn các dịp tội, noi gương tổ phụ Giuse con ông Giacóp (St 39, 7-12).

Bởi vì cõi lòng tinh tuyền liên kết với *“những giọt nước mắt thống hối”* (Tu Luật Biển Đức chương 20) nên chúng ta cần phải liên tục sống trong một tinh thần thống hối, hoán cải để giữ được cõi lòng tinh tuyền. Người ta phải tránh xa tất cả những gì làm ô uế cho tâm hồn, tránh xa ngẫu tượng như lời Chúa phán: *“Các người không được dựng các ngẫu tượng trong tâm hồn và đặt chướng ngại trước mặt khiến mình phạm tội”* (Ed 14, 4).

Sự tinh tuyền của con tim liên hệ với sự đơn sơ của tâm hồn, và sự đơn sơ của tâm hồn có liên hệ với nếp sống đơn giản của con người. Chính vì thế thánh Biển Đức đề nghị với các đan sĩ nên có một nếp sống đơn sơ. *“Đan sĩ phải bằng lòng với tất cả những gì hèn kém và tồi tệ nhất”* (Tu Luật Biển Đức chương 7). Đan sĩ không được phàn nàn về *“màu sắc hay vẻ thô sơ của quần áo, nhưng phải hài lòng về tất cả những vật dụng rẻ tiền tại nơi mình sống”* (Tu Luật Biển Đức chương 55). Theo thánh Biển Đức, đời sống đan tu là con đường đơn sơ dẫn con người đến với Thiên Chúa, nhưng nếu đan sĩ đánh mất đi sự đơn sơ nghèo khó thì đời sống đan tu không còn là con đường dẫn đến Thiên Chúa nữa.

Kết:

Sự hiến dâng cả cuộc đời cho Thiên Chúa bao hàm cả việc dành trọn vẹn tâm hồn cho Ngài. Đây là ý nghĩa của chân phúc của kẻ có tâm hồn trong sạch. Trong Bài Giảng Trên Núi, "tâm hồn trong sạch" đối nghịch với sự giả hình, kẻ làm việc thiện cốt cho thiên hạ hoan hô tán thưởng. Người có tâm hồn trong sạch là người sống ngay thẳng trước mặt Thiên Chúa từ trong thâm cung của cõi lòng, chỉ cốt tìm vinh quang Chúa và biểu lộ lòng thương xót của Ngài. Con người có tâm hồn trong sạch là kẻ đã dâng trót con tim cho Chúa, không để cho tí chút tư lợi nào len lỏi. Nhiều người nghĩ sai lầm rằng: nếu họ không có sự hoàn hảo, một trái tim vô tội thì họ không thể cảm nghiệm được phúc lành này của Chúa. Thực ra trái tim trong sạch ở đây là trái tim chỉ nhắm đến một điều cần thiết duy nhất, một mục đích duy nhất thôi đó là tập trung vào Chúa Kitô như Maria đã làm, chứ không lo lắng nhiều chuyện như Mácta (x. Lc 10, 39-42). Nếu chúng ta tập trung vào Chúa, thì dù chúng ta làm nhiều việc trong ngày, từ ăn uống, ngủ nghỉ, làm việc, học hành, nói năng, đi lại thì mọi việc đều trở thành việc thờ phượng vì trái tim của chúng ta luôn hướng về Chúa Giêsu.

Thánh Phaolô nói: *« Tôi muốn anh chị em không phải bận tâm lo lắng điều gì. Đàn ông không có vợ thì chuyên lo việc Chúa: họ tìm cách làm đẹp lòng Người, để thuộc trọn về Người cả hồn lẫn xác. Còn người có vợ thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng vợ, thế là họ bị chia đôi »* (1Cr 7, 28-40). Lời này của thánh Phaolô làm nổi bật tính cách thuộc trọn về Chúa của những người được thánh hiến. Một sự lựa chọn như thế khiến tâm hồn của người môn đệ chỉ bận tâm lo đến việc Chúa mà thôi. Chúa muốn người thánh hiến dâng trọn cuộc đời mình cho Người với một trái tim không chia sẻ. Thánh Phaolô cũng khuyến cáo chúng ta: *"Anh em hãy cẩn thận xem xét cách ăn nết ở của mình, đừng sống như kẻ khờ dại, nhưng hãy sống như người khôn ngoan, biết tận dụng thời buổi hiện tại vì khi đêm đến, không ai có thể làm việc được"* (Ep 5, 15-16).

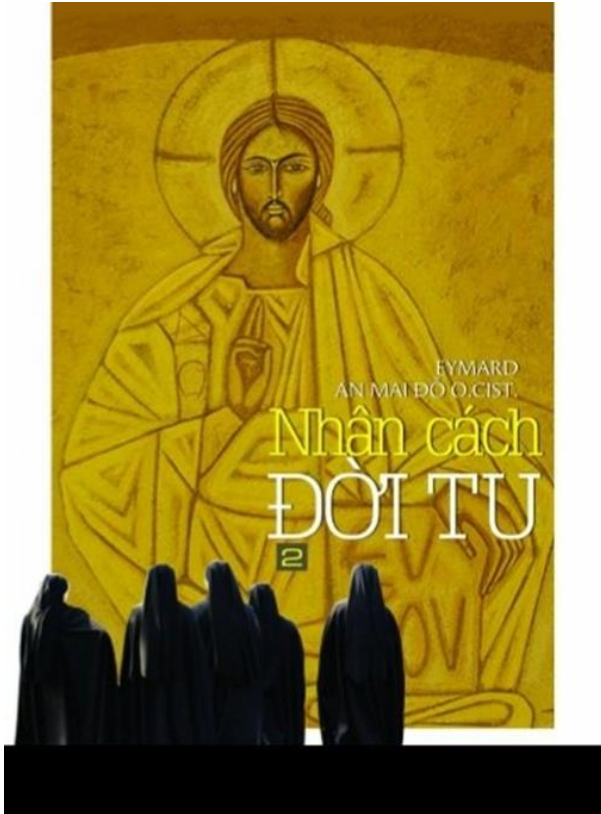
Chúng ta có thể tự vấn xem: Trái tim chúng ta đang ở đâu suốt ngày hôm nay? Chúng ta đã nghĩ ngợi những gì? Ai đã chiếm chỗ nhất trong tâm trí chúng ta? Sở dĩ chúng ta chia trí trong các giờ kinh, giờ lễ, giờ cầu, giờ suy niệm là vì chúng ta là những kẻ có tâm hồn không trong sạch, những kẻ hai lòng. Chúng ta vừa muốn phụng thờ Thiên Chúa, vừa muốn chiều theo những sở thích của mình, còn dính bén đến những gì không phải là Thiên Chúa. Cho nên chia trí là tội không yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết trí khôn.

Chúng ta hãy cầu xin Mẹ Maria đem Chúa Giêsu đến làm trung tâm điểm của cuộc sống chúng ta; cầu xin Mẹ giúp chúng ta sống phù hợp với ơn gọi của mình, kết hiệp với Chúa Giêsu

bằng một tình yêu trong sạch và cao cả, sẵn sàng đón nhận hy sinh, như Thánh ý Chúa muốn nơi mỗi người và mọi người chúng ta, nam cũng như nữ.

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG CÁI BÓNG TRONG ĐỜI TU



TÁC PHẨM

NHÂN CÁCH ĐỜI TU 2

Tác giả: EYMARD An Mai Đỗ O.Cist.

(Tiếp theo)

Có một hình ảnh diễn tả về cái bóng giúp chúng ta dễ hiểu và hình dung, đó là hình ảnh nơi một người hướng về mặt trời và sau lưng họ là vệt dài của cái bóng. Cũng vậy, đời tu là một thực thể sống động, nó cũng bao gồm cả bóng lẫn hình. Có thể nói, hai mặt này là một tổng thể của một thực tại trọn vẹn. Có những tu sĩ đã phủ nhận phần cái bóng này khiến đời sống họ trở nên lệch lạc và mất quân bình. Bài viết này như những gợi ý giúp chúng ta khám phá lại cái bóng của mình trong đời tu để nhờ việc nhận ra và làm hòa với cái bóng mà ta biết mình hơn và nhờ đó, đời sống tâm linh được vững vàng và thăng tiến trong ơn nghĩa Chúa. Trước hết, chúng ta tìm hiểu thuật ngữ cái bóng.

Cái bóng

Theo C.Jung, nhà tâm lý phân tích này cho rằng cái bóng là mọi thứ chúng ta đẩy lui vào trong tiềm thức vì nó không được người sống đồng thời “chấp nhận”. Nói cách khác, nó là thành phần trong nhân cách mà chúng ta đã ức chế vì chúng xung khắc với hình ảnh mà chúng ta muốn được nhìn nhận nơi mình từ người đối diện; hơn nữa, vì cái bóng làm mờ nhạt hình ảnh bản thân mà chúng ta cố tạo trước mặt người khác, nên chủ thể cần tìm mọi cách để phủ nhận hoặc tỏ ra khinh thường cái bóng ấy cách nào đó. Hiểu như thế, những gì chúng ta cố tạo một hình ảnh bản thân thật ấn tượng từ cách đánh giá người khác, đôi khi là một thứ mặt nạ.

Chúng ta biết rằng mỗi người đều có những lý tưởng sống, điều này tạo nên một cách thể hiện cái tôi lý tưởng, nhưng vì lý tưởng khác xa với thực tế nên những cách biểu hiện của chủ thể thường mang một thứ mặt nạ cách nào đó. Và một khi con người dùng mặt nạ thật đẹp để và ấn tượng để phô diễn ra bên ngoài thì ẩn sâu trong vô thức lại có một cái bóng xấu xí và tầm thường; nó luôn trực chờ những lúc chủ thể vô ý sẽ lộ ra bên ngoài. Đó là điều chúng ta vẫn nói ai đó: “trưởng giả học làm sang”.

Nói như thế, không có nghĩa là cái bóng hoàn toàn xấu; trái lại, nó là biểu tượng của sự thiện hảo như lời khẳng định của nhà tâm lý đại tài này: cái bóng trong vô thức không phải là điều xấu do bản chất, nhưng là nguồn mạch của sự thiện tối cao: không chỉ là bóng đen, nhưng cũng là ánh sáng; không chỉ là thú tính, bản khai và quỷ quái, nhưng cũng là siêu phàm, thiêng liêng

và thần thiêng...⁸ Bởi đó, cái bóng tùy thuộc vào nhận thức của chủ thể trong từng giai đoạn của tiến trình hình thành nhân cách. Chẳng hạn, khi triết gia Nietzsche quan niệm rằng nhân đức theo tôn giáo là một sự nhu mì và bạc nhược quá đáng thì ông đã đề cao một chủ nghĩa anh hùng siêu nhân. Trong khi đó, nhiều nhà phê bình lịch sử cho rằng trong thực tế đời sống ông là một người yếu nhược. Như thế, cái bóng về sự yếu nhược nơi ông một lần nữa trái ngược với mặt nạ mà ông muốn phô diễn cho người đời là một người mạnh mẽ. Tất một lời, nhân đức khiêm nhường mà vị triết gia này khinh thường và phủ nhận, lại là một nội lực giúp chủ thể hình thành nhân cách trưởng thành. Vì như Đức Phanxicô khẳng định: nhân đức khiêm nhường không dành cho kẻ yếu mà cho người mạnh mẽ thực sự.

Một điều cần lưu ý ở đây, là *bóng* đi đôi với *hình* trong cùng một thực tại cuộc sống; tách rời hoặc loại trừ nó, đồng nghĩa với việc chối bỏ chính nhân cách của bản thân. Vấn đề là chúng ta cần khám phá ra cái bóng dưới mọi hình thức để giúp nó “hòa nhập” vào đời sống thực tiễn. Điều cấp thiết lúc này là tìm ra cách hình thành của cái bóng để từ đó khám phá ra và giúp nó hòa giải với bản thân. Có thể, nó sẽ giúp chúng ta tạo được thế quân bình trong đời sống.

Bất cứ một tổ chức nào đều có những qui định nhằm hướng dẫn mọi thành viên tuân thủ hầu có thể giúp mọi người đạt được mục đích đã đề ra của một tổ chức đúng nghĩa. Cho dù là luật bất hành văn, nó cũng hàm chứa một số qui tắc giúp tổ chức đó luôn thăng tiến. Cộng đoàn tu trì cũng vậy, ở đó các tu sĩ khát khao sống đời tận hiến buộc phải giữ một số qui định, nó ví như một đường ray và chỉ những ai chấp nhận đi theo con đường ấy mới mong đạt đến đích.

Có cả một phần Giáo luật nhằm hướng dẫn và chi phối những người sống đời thánh hiến, hơn nữa, mỗi tu sĩ cần thấm nhuần linh đạo của dòng mình để có thể thăng tiến toàn diện đời tu. Đó là chưa nói đến, những thói lệ của một cộng đoàn như một cách thích ứng của cộng đoàn tại nơi họ sống. Tất một lời, họ cần biến một nền văn hóa khác biệt với những gì trước kia họ sống, vào trong cuộc sống của một cộng đoàn. Chúng ta vẫn nghe nói: *cây cao bóng cả*, điều này được giải thích theo nghĩa cái bóng của tâm lý học thì rất thú vị ! Nếu như cây cao được ví như những nổ Giáo luật, linh đạo của dòng, thói lệ... thì cái bóng cả ấy được hiểu là những gì chúng ta dồn nén vì bị choáng ngợp bởi các “thứ lẽ luật” chưa được “nhập thể”.

Chẳng hạn trường hợp của thánh nữ Têrêsa HĐGS, vốn là một thiếu nữ được sống trong một gia đình đạo hạnh. Thế mà, chị cũng choáng ngợp với những thứ luật chi li được chỉ dẫn trong cộng đoàn. Chị được học cho biết con đường nên thánh của Mẹ Têrêsa Avila, là một loại “cây cao” sẽ dần tạo cái “bóng cả” nơi đời tu của chị, ít ra, trong những năm đầu.

Bước chân vào đời sống cộng đoàn, người tìm hiểu như bước vào một thế giới hoàn toàn xa lạ. Ở đó, họ học cho biết những qui tắc và những yêu sách của bậc sống của mình. Vì chưa quen với những đòi hỏi của đời sống này mà họ dễ có xu hướng sống khép kín, từ đó, họ muốn che giấu những lỗi cư xử “bổ đời” để rập theo cách xử thế của những bậc trưởng thượng trong cộng đoàn. Do đó, đôi khi họ đốt cháy giai đoạn và vì thế, họ không tránh khỏi những dồn nén trong đời sống thường ngày. Cái bóng vẫn đeo bám họ cho đến khi họ biết tự vượt qua những thứ luật đã chi phối họ để tìm một sự giải thoát trong Tinh Thần và Chân Lý.

Cụ thể hơn, khi chúng ta xác tín rằng đời tu là theo sát gót Đức Kitô và trở nên đồng hình đồng dạng với Người thì những gì xem ra xa rời với lý tưởng ấy thì cách nào đó trong vô thức, chúng ta sẽ loại ra bên ngoài những gì cản trở bản thân đạt đến lý tưởng này. Vô hình trung, chúng ta có thể phủ nhận những phương thế xem ra không hợp với đời tu. Chẳng hạn, có thời gian người ta nghi ngờ phương pháp Thiền của Phật Giáo và cho rằng nó thật nguy hiểm cho người Kitô hữu nhưng gần đây đã có nhiều linh mục tu sĩ áp dụng phương pháp này theo nhãn quan Kitô giáo. Cái bóng ấy đã phủ một thời gian trong đời sống các Kitô hữu.

Như thế, chúng ta thấy việc hình thành cái bóng trong đời tu như một định luật tất yếu: hễ có hình là có bóng. Ấy là hai mặt của một thực tại duy nhất. Thế nhưng, cái bóng chỉ thực sự trở nên tiêu cực và gây cản trở trong đời tu khi nó không được chính chủ thể tiếp nhận và hòa giải trong đời sống thường ngày. Trái lại, khi chủ động nắm bắt tầm ảnh hưởng của cái bóng, các tu

⁸ C.Jung, *Collected works*, tr.389. Trích lại Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim*, chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính, tr.57.

sĩ sẽ *biết mình* thực sự để có thể xông vào “trận chiến” với tất cả sự tự tin vì biết mình cần phải làm gì.

Những cách thức khai thác cái bóng

Các nhà tâm lý gợi ý nhiều cách khai thác cái bóng này, ở đây, chúng ta ghi nhận vài cách chính yếu và thiết thực được áp dụng cụ thể trong đời tu.

Phóng chiếu

Chúng ta có thể hiểu khái niệm này cách đơn giản theo lối nói bình dân: *suy bụng ta ra bụng người*. Nghĩa là khi chúng ta gán ghép quá đáng về một lỗi lầm của ai đó mà thực ra, nó lại nằm ngay trong chính bản thân mình. Chẳng hạn, khi thấy một tu sĩ nào đó làm một việc tốt, chúng ta giải thích ngay anh ấy đang lấy điểm và từ đó, giải thích hoàn toàn ý xấu và giải thích chiều hướng xấu theo tình trạng nội tâm của bản thân mình về hành động của vị tu sĩ ấy. Việc này giải thích cái bóng nơi chúng ta có thể là *thích xoi mói việc làm người khác* hoặc *thường giải thích tiêu cực cho hành động của tha nhân*...và thậm chí, những việc làm của chúng ta được coi là tốt và xây dựng cộng đoàn cũng là cách chúng ta đang *lấy điểm* và tạo nơi mình một thứ mặt nạ hầu mua chuộc sự tôn trọng rẻ tiền nơi tha nhân, đặc biệt là những người phụ trách của chúng ta.

Cũng theo chiều hướng đó khi xét đến những mặt tốt của người khác, chúng ta thấy rằng có người lại tỏ vẻ như không thích điểm nổi bật và tài năng của người khác. Trong khi đó, họ lại che giấu cái bóng của họ là bất lực khi thực hiện những ước ao: muốn được những điều tốt đẹp nơi người kia.

Một hình thức phóng chiếu khác được dân gian nhắc đến khi nói: *chuyện bé, xé ra to*. Chúng ta có thể hình dung mối tương quan của chiếc máy vi tính và bộ phóng chiếu. Nhìn vào chiếc máy vi tính, chúng ta nhận ra kích cỡ của mọi sự đều nhỏ so với những gì được phóng chiếu trên màn ảnh lớn. Điều này giúp chúng ta liên tưởng đến cường độ cảm xúc của chủ thể đã vượt quá mức độ cho phép của một tình huống nào đó. Nói cách khác, chúng ta phản ứng bất tương xứng với điều chúng ta nhận thức. Do đâu có sự phản ứng bất tương xứng này ? Thưa: vì khi chủ thể phủ nhận cái bóng của mình và khi nhận ra một nét tương đồng nào đó nơi người kia, họ ra sức chỉ trích và lên án người kia gấp đôi cường độ, đó là hậu quả của việc chỉ trích bản thân và lên án người khác cộng lại. Và như thế, họ đã phóng chiếu lên người khác những gì họ phải gánh chịu do cái bóng của họ mang lại và đổ trên đầu tha nhân một cách bất công. Để hiểu rõ hơn chúng ta cần phân tích một trường hợp cụ thể, khi quan sát thấy một người chị em trong cộng đoàn có cách cư xử thiếu tế nhị, thay vì tìm cách để trao đổi với họ trong tinh thần xây dựng, chúng ta lại rêu rao những lỗi nhỏ nhặt ấy cho người khác; tệ hại hơn, chúng ta lại còn trình báo với bề trên trong tinh thần “xây dựng”, nhưng trong thực tế, chúng ta hạ giá uy tín của người khác nhân danh một thứ đạo đức giả tạo. Thực ra, cái bóng của sự gây bất hòa chia rẽ và lòng đố kỵ đang ẩn sâu trong vô thức của họ. Như thế, chúng ta nhận ra: nền văn hóa “nổ và chém gió” đã hủy hoại mọi tương giao trong một cộng đoàn dòng tu.

Cũng còn một hình thức phóng chiếu khác ít được chúng ta quan tâm, đó là cái bóng của người mặc cảm tự ti. Người này đã phóng chiếu mặt tích cực của mình cho người khác. Họ có khuynh hướng đề cao tài năng người khác, ngưỡng mộ và muốn trở nên giống như người đó.⁹ Thế nên, họ tự hạ thấp bản thân và dần đánh mất nét độc đáo của mình trong một cộng đoàn. Họ thường mặc cảm mà nghĩ rằng *mình không đủ năng lực để phục vụ cộng đoàn*, từ đó, những năng lực và năng khiếu đã bị họ kìm nén không thể phát huy hết tính sáng tạo của nó. Cái bóng của mẫu người này đã phóng chiếu tích cực lên người khác không có gì đáng trách nhưng thật đáng thương ! Vì sự kìm nén cái bóng này mà họ đã đánh mất nhiều cơ hội để khẳng định mình và phục vụ cộng đoàn theo nén bạc Chúa trao.

Tóm lại, dù là phóng chiếu cách tiêu cực hay tích cực đều phản ánh sự lệch lạc và thiếu lành mạnh trong nhân cách. Có thể nói, phóng chiếu là cách mà tu sĩ thường dùng để tự vệ trong

⁹ Wikie Au và Norren Cannon, *Sdd*, tr.74.

khi tương giao với anh chị em đồng tu và một khi cái bóng mà họ muốn gán cho người khác lại khiến họ đánh mất sự tự tin và cởi mở trong một tương giao đích thực.

Giấc mơ

Có thể nói, chúng ta chưa dành cho thông điệp của giấc mơ một vị trí xứng đáng trong đời sống thường ngày. Thật vậy, giấc mơ vén mở cho chúng ta cả một chân trời vô thức. Nếu như chúng ta dành 2/3 thời gian của ngày sống cho việc hoạt động và ý thức thì 1/3 quãng thời gian còn lại, chúng ta dành cho giấc ngủ và giấc mơ, đây là thời gian của hoạt động vô thức. Bởi vậy, nhiều nhà phân tâm học coi giấc mơ như một hình thức giải tỏa trá hình. Nếu như cả ngày “cổ máy” của chúng ta hoạt động thì lúc ngủ nghỉ là thời gian cho chúng ta xả giãn; càng hoạt động với cường độ mạnh thì cơ thể càng cần nhiều lối thoát hiểm hơn. Chính vì thế, khi phân tích về giấc mơ, chúng ta sẽ khám phá một phần cái bóng của mình còn khuất ẩn.

Có một nữ tu trẻ đã chia sẻ giấc mơ của chị và cuộc chiến thiêng liêng rằng: chị phải mất một thời gian dài sống trong cuộc khủng hoảng khi đối diện với vấn đề quyền bính giữa chị với Bề trên. Trong một giấc mơ, chị thấy mình đi băng qua một con sông, dần dần con sông ấy dâng lên quá cao đến mức báo động. Có một người đã trao cho chị cái phao nhưng chị đã sử dụng cách miễn cưỡng vì không chấp nhận hình ảnh của người ấy. Đến khi lên bờ, chị đã dùng một vật nhọn mà giết chết người ấy. Khi thức dậy, chị nhận ra ngay hình ảnh của người liên quan trong giấc mơ là vị Bề trên của mình. Có thể nói, cái bóng của sự bất tuân phục, kiêu ngạo tưởng mình toàn năng không cần ai chỉ dẫn, đã đưa chị đến một con sông như muốn nuốt chửng chị mà chị không biết. Và lúc này, hình ảnh của vị Bề trên đã có mặt kịp thời để cứu chị nhưng chị lại ra tay hạ sát vị ân nhân này.

Xét cho cùng, phân tích giấc mơ cũng chỉ là một hình thức phóng chiếu dưới dạng biểu tượng. Thật vậy, nếu hiểu phóng chiếu là cách mà chủ thể áp đặt trên đối tượng thì giấc mơ cũng là phương tiện giúp chủ thể tự vệ khi gán cho đối tượng những gì mình đã khước từ hay kiềm nén nơi bản thân. Mà khách quan chúng ta có thể nhận ra cái bóng trong biểu tượng ly kỳ từ giấc mơ mang lại. Chúng ta có thể trở lại với sự kiện minh họa trên, khi nữ tu kia đã phóng chiếu chính thái độ muốn điều khiển người khác của mình mà áp đặt cho vị Bề trên. Trong thực tế, vị này có toàn quyền trên chị. Chúng ta nhận ra rằng thái độ bất khoan dung của chị không hề tại ở lệnh truyền của vị này nhưng do sự thống trị của bản năng gây hấn chưa được thăng hoa.

Một lần nữa, chúng ta nhận ra cơ chế phóng chiếu khả dĩ giải thích phần lớn cái bóng của chủ thể. Điều này đúng khi xét trong tương giao. Và giấc mơ là biểu tượng diễn đạt một tương giao đang có vấn đề. Ngoài ra, chúng ta cần xét đến nội dung của những chuyện hài hước.

Hài hước

Có những sự việc khiến chúng ta tức cười, cũng có những sự kiện làm chúng ta buồn cười, và cũng có những điều giúp chúng ta vui cười. Tiếng cười hiện hữu luôn có một lý do để nó tồn tại. Chúng ta cười vì nhiều lý do nhưng ở đây, nó được giải thích theo cái bóng của chủ thể cười. Chúng ta hỏi rằng tại sao khi đối diện với cùng một vấn đề, người này cười còn người kia thì không. Câu trả lời là do chính mối quan tâm của mỗi người khác nhau. Thật vậy, khi có ai cười vì một sự việc nào đó, điều này giả thiết có một tương quan giữa chủ thể và vấn đề. Ở đây, cái bóng sẽ được nhận ra khi chủ thể có những hành vi hay thái độ vượt quá bản chất của sự việc cho phép. Chẳng hạn, khi thấy một người đồng tu lâm cảnh khốn khó, thay vì hỏi thăm và quan tâm, chúng ta lại biểu hiện bằng cách mỉm cười và đưa giỡn. Đó có thể là biểu hiện một sự thờ ơ lãnh đạm mang tính dã man. Bởi thế, người đời có câu ví von thật hay: cười người hôm trước, hôm sau người cười. Đúng vậy, sự khốn khó trong đời rồi bạn cũng sẽ trải qua, cái cười của bạn hôm nay sẽ trả giá cho sự xúc phạm do chính bạn gây nên. Cái bóng mà bạn đã khước từ và khinh chê nay được bạn phóng chiếu lên người khác. Sự hài hước ấy là bằng chứng tố cáo tính tàn bạo hoang sơ nơi bạn.

Trong khi đang cử hành một nghi thức trang trọng, chúng ta lại bật cười vì một chi tiết sơ suất nhỏ nào đó của vị chủ tọa. Như thế, chúng ta không chỉ cười vì một lỗi mọn của người khác mà còn khinh chê một hình thức biểu hiện bên ngoài và xem thường một giá trị tâm linh. Cái bóng được giải thích ở đây là sự thiếu hiểu biết và sống nội dung mà một nghi thức tôn giáo mang lại. Hoặc chúng ta có thể giải thích rằng khi phản ứng bằng cách cười như thế, chủ thể như tách

mình ra khỏi buổi cử hành đó để có thể đánh giá việc làm người khác hơn là sống chiều kích hiệp thông. Chia trí hay lo ra là chuyện thường tình của kiếp con người nhưng một khi có một ai đó phản ứng bằng cách “mỉm cười” thì họ đã nhạo cười chính nghi thức họ đang cử hành và hơn thế nữa, họ mặc nhiên xem thường chính việc họ đang ý thức cử hành.

Đặt câu hỏi

Phần này đã được Cha John Monbourquette gợi ý gồm 9 câu hỏi trong tác phẩm *Làm thế nào để kết bạn với cái bóng của bạn*. Tuy nhiên, khi giới hạn trong đời sống tu trì, thiết tưởng, chúng ta chỉ gợi lại 2 câu hỏi căn bản:

***Trực tiếp**

Những chủ đề thảo luận nào bạn có khuynh hướng tránh né khi trao đổi với người khác? Những hoàn cảnh nào khiến bạn cảm thấy mình trở nên căng thẳng, sợ hãi và tự vệ? Những lời nhận xét nào khiến bạn giật mình và đánh mất đi tính tự chủ? Và những câu hỏi đại loại như thế.

Khi trả lời cho những câu hỏi này, bạn như bị người khác tạt vào mặt một gáo nước; nó khiến bạn giật mình. Nhưng khi chân thành và can đảm đối diện với cái bóng ấy, bạn sẽ ngộ ra một điều: chúng ta đều là những người giới hạn đang sống trong một thế giới bất toàn. Chúng ta tự hỏi tại sao cũng cùng một chủ đề tình dục mà người khác coi là chuyện bình thường, tôi lại trở nên cẩu kính và căng thẳng như thế? Hóa ra, trước khi đi tu, tôi đã bị nhiều chàng thanh niên lạm dụng tình dục. Cái bóng ấy bấy lâu tôi muốn che giấu trước mặt mọi người.

***Gián tiếp**

Những khía cạnh nào bạn muốn phô diễn ra trước mặt mọi người?

Chúng ta vẫn nghe các bậc tiền nhân nói: *Tốt khoe xấu che*. Đây là cách ứng xử thông thường của người khôn khéo thì có gì liên quan đến việc trả lời câu hỏi này để nhận ra cái bóng? Chúng ta thấy rằng việc phô diễn những gì tốt đẹp nơi mình theo hướng khai thác những thể mạnh, tích cực hay những đam mê của mình thì không có vấn đề, nhưng một khi chủ thể ảo tưởng về bản thân mình: nghĩa là thổi phồng cái tôi thì đây là nơi cái bóng ẩn khuất. Thật vậy, khi chủ thể ảo tưởng về mình, họ tìm mọi cách để nâng mình lên một cách lố lăng và lẻo loẹt, vô tình họ kìm nén những mặt tiêu cực và giới hạn để giữ mãi hình ảnh ấn tượng nơi cách đánh giá của người khác. Thế nhưng, sự thật sẽ phơi bày khi họ không thể kiểm soát hoàn toàn bản thân và cái gì giả tạo thì không thể bền vững.

Sau khi đưa ra những câu trả lời xung quanh câu hỏi trên, bạn chỉ cần làm một bản đối chiếu với những gì trên kia, bạn sẽ dễ dàng nhận ra cái bóng của bạn. Đây là phần triết lý *anima* (âm) và *animus* (dương) được C.Jung đề nghị trong một tác phẩm của ông. Chẳng hạn: khi tỏ ra là một người mạnh mẽ (dương), bạn cần phải che giấu và kìm nén những gì khiến bạn tỏ ra yếu nhược (âm). Hoặc khi muốn phô diễn trước mặt mọi người một mẫu người quảng đại thì cách nào đó, bạn muốn phủ nhận và khước từ con người ích kỷ trong mình.

Làm hòa với cái bóng của bạn

Đôi khi chúng ta dễ tha thứ cho người khác hơn là cho chính mình. Cũng vậy, chúng ta dễ làm hòa với người khác hơn là làm hòa với bản thân. Đó là chủ trương của những người khoái khổ. Tác giả James E. Sullivan trong tác phẩm *Hành trình tự do*, đã gợi lên hai hình thức trừng phạt bản thân. Điều này cho thấy chúng ta không dễ đối diện và làm hòa với cái bóng của mình. Để thực hiện công trình nhiều khế này, chúng ta cần trải qua 3 bước với tất cả sự can đảm và kiên nhẫn siêu nhiên.

Chấp nhận hiện hữu

Như chúng ta đã biết, một khi cái mặt nạ được chúng ta đeo vào mỗi ngày để biểu diễn trước mặt mọi người trên sân khấu cuộc đời, thì việc khước từ và phủ nhận cái bóng của mình là chuyện dễ hiểu. Thật vậy, sống trong một cộng đoàn dòng tu được bấy nhiêu truyền thống tốt lành thánh thiện kết tinh nên, chắc hẳn, những người bước vào đây phải có một bề dày nhân đức nào đó. Thế nhưng, những thói bỏ đời vẫn còn đó, vô hình trung, các tu sĩ không tránh được những lối sống hai mặt mà Đức Phanxicô đã đề cập trong *15 Căn bệnh của Giáo Triều*. Cái mặt nạ nơi mình càng tinh tế thì con người càng tìm mọi cách che giấu cái bóng của mình cách tinh

vi hơn; đến một lúc nào đó, vì ngủ mê trong những ảo tưởng về mình, họ quên rằng bản thân mang một cái bóng.

Vì thế, để có thể bước vào tiến trình làm hòa với cái bóng, điều kiện trước hết và trên hết là chấp nhận sự hiện hữu của nó như thành phần của đời sống cá nhân. Điều này đòi buộc mỗi cá nhân phải thực hiện một cuộc trở về với lòng mình, sống chiều kích nội tâm cách triệt để và với ơn Chúa, chúng ta thấy đâu là những cản trở khiến chúng ta ị ạch trên hành trình tâm linh. Chính cái bóng là đối thủ số một đã tác động và ảnh hưởng tiêu cực trên lý tưởng hoàn thiện của mỗi tu sĩ.

Gọi tên và chỉ điểm

Chấp nhận cái bóng trong đời sống đã là một bước tiến, thì việc gọi tên và chỉ điểm là việc dễ dàng với thủ thuật đã gợi ý trên đây. Nếu xét cái bóng với tương quan cái mặt nạ, chúng ta chỉ cần nhận ra những gì chúng ta còn ảo tưởng về mình hay những chủ trương thái quá trong đời sống. Chẳng hạn, khi muốn phô diễn trước mặt cộng đoàn tu trì hình ảnh về một người nhiệt tình và quảng đại thì cái bóng ấy được chúng ta che giấu với hai tên gọi: lười biếng và ích kỷ (đối lại với nhiệt tình và quảng đại). Thật vậy, cái bóng này sẽ bị chúng ta ém gọn trong ngực tối dưới mọi hình thức. Hoặc nếu xét cái bóng do việc phóng chiếu, chúng ta sẽ gọi tên và chỉ điểm chính những gì chúng ta gán cho người khác. Cái bóng trong máy vi tính của chúng ta có thể không thấy rõ nhưng một khi phóng chiếu lên người khác với tầm mức rộng và sâu, sẽ giúp chúng ta dễ nhận diện nó để khả dĩ đặt tên và chỉ điểm.

Làm hòa

Đây là bước cuối cùng để giúp cá nhân toàn nhập vào đời sống cách toàn diện cả bóng lẫn hình, cả tối lẫn sáng, cả khuyết lẫn ưu nơi đời sống cá nhân trong một cộng đoàn tu trì. Để được thế, mỗi người cần làm một bản phác thảo cả thể mạnh và thể yếu từ cái bóng của bản thân. Chẳng hạn, việc chúng ta che giấu khuynh hướng ích kỷ của mình có lợi gì cho cá nhân và cộng đoàn, đồng thời, nó có hại gì cho cá nhân và cộng đoàn ? Chính khi đưa ra một kết quả cụ thể nào đó, chúng ta lại đối chiếu với những đòi buộc của cộng đoàn mình đang sống. Ví dụ, cộng đoàn này nêu bật tinh thần: mọi sự làm của chung. Chúng ta lại lấy dài nuôi ngắn, lấy chung làm riêng, đó là một trở ngại cho đương sự khi muốn thực sự dấn thân trong cộng đoàn ấy. Sau khi đã đặt mọi sự lên bàn cân, chúng ta đã biết mình cần làm gì để làm hòa với cái bóng trong đời sống ý thức của bản thân. Một lưu ý ở đây, bước tiến triển nào trong hành trình tâm linh phải được thực hiện cách tiệm tiến để tránh tình trạng “hội nhập nhất thời” khi chủ thể chưa đủ xác tín vào vấn đề liên quan và cách áp dụng trong thực tiễn. Hơn nữa, chúng ta cần ghi nhận những lý tưởng trong đời tu phải được mỗi tu sĩ tiếp cận, học hỏi và nhập thể vào đời sống cách khôn ngoan và thuận theo ân sủng Chúa. Có thể, chúng ta sẽ giảm bớt những mặt nạ và làm dịu những cái bóng trong đời tu hầu tạo thế quân bình trong đời sống thể lý, tâm lý và tâm linh.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ “CÁC VỊ THÁNH Ở NGAY BÊN”...



Đây là câu kết của Đức Thánh Cha Phanxicô sau khi đã cống hiến cho cộng đồng những người có mặt tại Quảng Trường thánh Phêrô để cùng dâng kinh Truyền Tin trưa CN V ngày 6/2/2022... cũng như bà con trên khắp thế giới hai câu chuyện có thật rất cảm động... Hai câu chuyện này được Ngài nhắc lại với hàm ý kêu gọi chúng ta – những người tin Chúa và mọi người thành tâm thiện chí, đặc biệt các bạn trẻ vốn tự hào về tư cách công dân mạng của mình – rằng : quanh chúng ta không ít những con người tốt và những công việc thiện để mà kể cho nhau, nên...thôi, **đừng** “truyền thông quá nhiều điều xấu, tin xấu, tai nạn, án mạng...” nữa !!! Và dĩ nhiên là... cả chuyện... “thịt thà – đáng vốc – áo quần...” !!!

Câu chuyện thứ nhất là về sự nỗ lực của bà con làng Ighran, tỉnh Chefchaouen, nước Maroc – nhất là đội cứu hộ - đã cố gắng hết mình để cứu cậu bé Rayan 5 tuổi chẳng may bị rơi xuống một cái giếng sâu 30 m...và đường kính của giếng chỉ vón vện 0,45 m – nghĩa là không đủ chỗ cho chỉ một người có thể chui xuống...Lo lắng cho sự sống còn của cậu bé, họ đã quyết định dùng năm máy xúc ngày đêm đào dọc sườn đồi một đường hầm để có thể tiếp cận cậu bé dưới giếng , bởi họ không dám đụng đến cái giếng, lo sợ thứ đất pha cát sẽ sạt lở và vùi lấp cậu bé...Sau năm ngày miệt mài, họ đã tiếp cận cậu bé, nhưng tiếc thay, cậu đã qua đời...

Câu chuyện thứ hai là của anh John – một di dân 25 tuổi người Ghana định cư tại Montferrato, nước Ý...Anh miệt mài làm việc...và không may bị ung thư giai đoạn cuối...Biết rằng mình không thể qua khỏi...nên anh tha thiết muốn được về quê...ôm bố mình lần cuối...Những người thiện tâm thiện chí đã quyết định chích morphin cho anh và đưa anh lên máy bay ... để - cùng với một người đồng hành - đưa anh về quê...Anh John đã qua đời trong vòng tay ôm của cha mình...

Và Đức Thánh Cha kết luận : “Điều này cho chúng ta thấy rằng ngày nay, giữa bao nhiêu tin xấu, vẫn có những điều đẹp đẽ, **có những vị thánh ở ngay bên chúng ta**”...

Tám ảnh trên kia là con đường hầm dẫn đến chỗ bé Rayan...và câu chuyện chỉ mới xảy ra hôm mùng 5/2 vừa qua...

Thưa bạn đọc,

Chụp ảnh và có được những bức ảnh đẹp là điều vô cùng tuyệt – nhất là trong những khoảnh khắc đoàn tụ của gia đình, của bạn bè...Các nhà sản xuất điện thoại thông minh không ngừng kiếm tìm những chi tiết mới, những nét sắc xảo, những kỹ thuật tinh tế để hình ảnh chúng ta ghi lại cho nhau... ngày càng thật hơn...và – dĩ nhiên – với những mục đích dễ thương...là lưu giữ kỷ niệm, hình ảnh thân thương...Thế nhưng rất sớm Thần Xấu và Thần Dữ đã tận dụng những kỹ thuật ấy để đưa con người đến với những ý đồ đen tối...mà mục đích duy nhất chỉ là để đáp ứng những đòi hỏi muôn thủa của “**bản năng thú vật**” nơi phần “**con**” của người...nhằm kiếm càng nhiều tiền càng tốt...Và đồng tiền như bản ấy lại cũng chỉ để cho chúng thỏa mãn những đòi hỏi của chính bản thân mình...Từ đấy, những ý đồ tốt đẹp, những may mò dễ thương, những khám phá tuyệt vời...trở thành “**phương tiện**”...mà chủ sở hữu phải là những con người vững chãi, biết phân định, có quyết tâm...mới biết và có thể sử dụng cho xứng với phẩm giá con người...mà phần “**người**” được trân quý để phần “**con**” có ý nghĩa...vì sống đúng với ý muốn

của Thiên Chúa Tạo Dựng...Thiên Chúa đâu có hẹp hòi gì với con người chúng ta đâu...Người sẵn lòng mang lại niềm hoan lạc cho con người vì muốn thụ tạo của mình thẳng lưng, đầu đội trời - chân đạp đất...đối với mọi thứ thuộc bản năng : những hỷ - nộ - ái - ố là chuyện rất người trong cuộc sống, nhưng ngay cả trong hỷ - nộ - ái - ố, con người vẫn là “động vật” duy nhất thẳng lưng , đầu đội trời – chân đạp đất...để biết mình vui như thế nào, mình giận làm sao, mình thương đến đâu...và mình xấu ra sao...mà “**làm chủ mình**”...đồng thời đủ khôn ngoan mà xây dựng cho lẫn nhau...thể hệ này qua thế kia...

Thời gian dịch bệnh, khá nhiều những sáng kiến đẹp và lợi ích được nghiên gắm và đem ra thực hiện nhằm mang lại niềm vui và sự an ủi cho các bệnh nhân...Người viết rất cảm kích với một sáng kiến đơn giản thôi, nhưng đầy ý nghĩa và cảm xúc : đây là sáng kiến của một ý tá người Brasil – chị Cunha Semei Araújo, y tá bệnh viện Vila Prado ở Sao Carlos...Để bệnh nhân nặng luôn được sưởi ấm đôi bàn tay dễ bị lạnh, đồng thời được an ủi vì có cảm tưởng một bàn tay thân thiết đang nắm lấy tay mình ở những giây phút mệt mỏi nhất, chị đã đổ đầy nước ấm vào đôi găng tay y tế, cột các ngón lại và đặt tay người bệnh trong đôi tay “sáng kiến” dịu êm đó...



Sáng nay – trong giờ ăn sáng – một người anh em đồng bàn thông tin về một người anh em cao niên ở Nhà Hưu khác gọi điện hỏi thăm...và than buồn vì không còn “ông bạn yêu bóng đá” để hàn huyên ở những trận đấu sôi nổi dịp Tết vừa qua...Ông bạn ngồi bên buột miệng hỏi : Anh có hay chơi cờ tướng với ngài không ? Ông bạn ngập ngừng : Thời gian đầu thôi...Sau này ngài không chơi nữa...Người viết buột miệng “tố” : Tự anh...Anh chơi toàn thắng thôi...thì đương nhiên...ngài nghỉ chơi vì chán !!! Cứ vài bàn thắng, anh phải “biết” thua một bàn...để ngài thấy hứng !!! Biết thua...dù mình thừa sức thắng...cũng là cách sống từ tâm với lẫn nhau trong cộng đồng con cái Chúa...Không ít những tay cờ tướng đến hầu cờ các Đấng...và luôn thua ở vài bàn cuối gần giờ cơm trưa...để được mời ở lại...Thắng ở những bàn ấy...dễ bị “lờ đi” lắm lắm, và nếu không thì bầu khí cũng chẳng mấy vui...Dĩ nhiên không chỉ “biết thua” cờ tướng thôi...mà – trong các tương quan – tâm tình “biết thua”...để người bên cạnh vui hơn, thoải mái hơn...cũng là điều nên làm và làm thường xuyên...Bởi “biết thua” cũng là một cách “sống thánh” vậy...

Trong tháng giêng/2022, chúng ta nhắc đến quyết tâm sống lời giáo huấn của Đức Thánh Cha : ***Xây những nhịp cầu chứ đừng dựng các bức tường...Tháng hai này là quyết tâm : Hãy để chính mình được đánh động bởi nỗi khổ đau... rồi làm điều gì đó...***

Ước mong sao đây cũng là **đề cương** cho những hình ảnh và câu chuyện được đăng tải trên mạng xã hội từng ngày, bởi lúc nào cũng “*có những vị thánh ở ngay bên*” – những vị thánh không cần triều thiên...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

VỀ MỤC LỤC

SỰ DÙNG DƯỢC PHẨM Ở NGƯỜI CAO TUỔI

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC, MD

Thuốc hay dược phẩm được định nghĩa là chất lấy ở thực vật, khoáng vật, sinh động vật, hóa chất, để điều trị bệnh, phòng ngừa bệnh, phục hồi các chức năng của cơ thể hoặc thay đổi quá trình sinh sản v.v..., khi được dùng đúng lúc, đúng cách, trong một thời gian nhất định.

Trước năm 1920, dược phẩm trên thị trường rất ít, công dụng giới hạn nhưng an toàn hơn. Ngày nay, có rất nhiều thuốc công hiệu nhưng lại gây ra một số tác dụng phụ nguy hại, bất lợi. Nếu trong việc cho toa, bác sĩ cần cân nhắc loại thuốc thích hợp với y chứng, phân lượng vừa đủ và thời gian sử dụng, thì người bệnh cũng cần thực thi đúng theo hướng dẫn của bác sĩ, thuốc nào, bệnh nấy. Quý vị lão niên ta rất chăm lo tới sức khỏe, nên rất chăm chỉ trong việc tìm thuốc trị bệnh. Thấy có một triệu chứng bệnh nào là quý vị kiểm thuốc ngay, do bác sĩ biên toa, hoặc qua sự giới thiệu của bạn bè, sách báo y học.

Thành ra, một vị trên 65 tuổi, có khi uống đến cả 7, 8 thứ thuốc trong một ngày. Thuốc bệnh do bác sĩ cho về cao huyết áp, thuốc bao tử, thuốc đau nhức, phong thấp, vài viên thuốc ngủ, kèm thêm ít thuốc ta để bổ gân, bổ thận do bạn bè giới thiệu, lại còn vitamin, anti oxidant.

Với một hỗn hợp nhiều hóa chất khác nhau như vậy e rằng chúng sẽ gây ra những tác dụng tương phản, đôi khi có hại, cho một cơ thể đã có nhiều thay đổi về cấu tạo cũng như chức năng. Hàng năm, số bệnh nhân cao tuổi nhập viện khẩn cấp do hậu quả của sự sử dụng thuốc không đúng cách lên rất cao, nhất là với thuốc về bệnh tâm thần.

Chúng tôi xin cùng quý vị tìm hiểu thêm về vấn đề sử dụng thuốc này để duy trì một sức khỏe bình thường.

Công dụng của dược phẩm.

Về phương diện trị liệu, sử dụng dược phẩm nhằm vào những mục tiêu chính như:

1-Trị lành bệnh.

Khi mắc một bệnh nhiễm trùng, như sưng phổi, ta sẽ có những triệu chứng ho, nóng sốt cao, mệt mỏi, khó thở. Sau khi khám bệnh, bác sĩ cho uống thuốc kháng sinh trong vòng 7-10 ngày. Sau đó nhiệt độ giảm, ta bớt ho và trở lại bình thường. Như vậy thuốc đã tiêu diệt vi khuẩn và ta đã lành bệnh.

2 -Thay thế những yếu tố thiếu trong cơ thể –

Một người mắc bệnh thiếu máu, hồng huyết cầu thấp, vì ruột không hấp thụ được sinh tố B12. Bác sĩ cho chích mỗi tháng một liều Vit B12 để thay thế sinh tố thiếu trong cơ thể.

Bệnh nhân bị tiểu đường vì tuyến tụy tiết ra rất ít Insulin, sẽ được chích Insulin nhân tạo mỗi ngày để giữ mức đường trong máu bình thường.

Sự thay thế như vậy là cần thiết và đạt được mục tiêu làm cơ thể bình thường vì thiếu những chất kể trên.

3- Ngăn ngừa sự phát triển một bệnh.

Cũng trong trường hợp bệnh tiểu đường, Insulin còn duy trì bệnh ở tình trạng không gây ra những biến chứng nguy hiểm như hư mắt, hư thận...và nếu ngưng Insulin, bệnh sẽ trầm trọng thêm lên.

Người bị cao huyết áp nếu ngưng uống thuốc trị cao máu, bệnh sẽ nặng hơn và có thể gây tai-biến-mạch-máu-não, kích xúc tim.

Trong các bệnh này, dược phẩm không những có công dụng điều trị mà còn ngăn ngừa biến chứng của bệnh.

4-Thuốc để làm dịu một triệu chứng.

Thí dụ như khi ta bị đau nhức mình mẩy vì làm vườn quá sức hay nhức đầu vì uống rượu quá nhiều, thường thường ta uống một viên Tylenol hay Aspirine. Thuốc không làm hết bệnh, mà chỉ làm dịu cảm giác đau, khó chịu. Nhiều khi chẳng cần thuốc, mà chỉ cần nằm nghỉ vài giờ là hết đau. Số lượng thuốc dùng trong mục đích xoa dịu này rất nhiều, đôi khi có sự lạm dụng.

5- Phòng ngừa bệnh.

Các thuốc này hoặc tạo ra tính miễn dịch hoặc hỗ trợ hệ thống miễn nhiễm của cơ thể. Nhờ sự chủng ngừa này mà nhân loại tránh được nhiều bệnh truyền nhiễm từng gây tử vong cao ở các thế kỷ trước, như bệnh đậu mùa, dịch hạch...

Các tác động bất lợi của dược phẩm.

Với những công dụng như trên, thuốc giữ một vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe của con người, nói chung, và của lão niên nói riêng. Mà thuốc thường cũng chỉ là một hóa chất, có công dụng như nói ở trên, đồng thời cũng có tác dụng phụ không tốt, bất kể là thuốc gì, dùng nhiều hay là ít. Đó là những tác-động-có-hại của thuốc (Adverse drugs reaction).

Theo định nghĩa của Cơ Quan Y Tế Quốc Tế thì tác động này là bất cứ một đáp ứng không mong muốn nào của cơ thể, xảy ra khi dùng thuốc theo phân lượng để ngừa bệnh, định bệnh hay trị bệnh. Tác động có hại được chia nhiều loại:

Dị Ứng Thuốc

Có nhiều tác động hại không phải do dị ứng, nhưng vẫn được công chúng hiểu nhầm là dị ứng. Chẳng hạn như sau khi uống thuốc, ta bị ói mửa, đại tiện lỏng, sốt ruột...thì chỉ là tác dụng tại chỗ của thuốc vào dạ dày

Dị ứng là do sự tác động của kháng thể đã có trong máu, chống lại sự hiện diện của dược phẩm, và gây ra một số những triệu chứng khó chịu, đôi khi nguy hiểm. Nó có tác dụng ngược lại với cơ chế miễn dịch, chống lại sự xâm nhập của tác nhân gây bệnh.

Ban chẩn với những lấm tẩm đỏ trên da là phản ứng thông thường nhất của dị ứng. Trường hợp nặng sẽ có nóng sốt, khó thở, thở khò khè, ngứa toàn thân, huyết áp giảm, tim đập liên hồi, suy nhược tổng quát ...có thể nguy hiểm cho tính mạng, nếu không được cấp cứu. Phản ứng này thường thấy khi chích thuốc Penicillin, Insulin hay hóa chất dùng trong việc chụp hình quang tuyến X, nó có thể xảy ra tức thì hay chậm lại một thời gian. Cũng nên nhớ là dị ứng có thể xảy ra dù chỉ dùng một phân lượng rất nhỏ dược phẩm.

1.Tác dụng độc của dược phẩm.

Dược phẩm là một hóa chất, mà bất cứ hóa chất nào cũng có tác dụng độc cho cơ thể, ngoài giá trị chữa bệnh.

Viên Aspirin mà ta thường uống để làm dịu nhức đầu, phong thấp thì cũng làm màng bao tử trầy hư, gây xuất huyết. Thuốc chữa các bệnh ung thư làm rụng tóc. Thuốc trị cao huyết áp gây loạn cương dương. Thuốc ngừa máu đông cục trong vài bệnh tim làm loãng máu, gây xuất huyết, khó cầm khi bị thương hay giải phẫu. Đây không phải dị ứng nhưng là tác dụng của hóa chất mà trước khi dùng nó, ta đã được giải thích rõ ràng.

2-Tác dụng do phân lượng không đúng

Thuốc uống ít quá, không có công hiệu, mà nhiều quá thì dễ gây phản ứng có hại.

3.Tác dụng bất thường không rõ nguyên nhân

Đáp ứng của từng cá nhân với thuốc, như lượng nhỏ thuốc tê có thể gây nóng sốt, hay thuốc Tifomycine gây hủy hoại hồng cầu.

Sau đây là một số yếu tố có thể khiến tác động bất thường của thuốc dễ xảy ra:

a- Đã có những bệnh dị ứng.

b- Đã có phản ứng với thuốc trong quá khứ.

c- Uống nhiều thuốc khác nhau vì có nhiều bệnh kinh niên.

d- Điều trị bởi nhiều BS chuyên khoa, mỗi BS cho toa thuốc khác.

e- Có khó khăn về tài chính, không mua đủ thuốc, dùng thuốc cũ, quá hạn

g- Khiếm khuyết thị giác, thính giác, không nhìn rõ mặt thuốc cũng như không nghe rõ lời dặn của bác sĩ, dược sĩ, uống thuốc không đúng cách.

5-Ngoài ra, còn tác dụng giữa thuốc và thực phẩm.

Đa số thuốc ta dùng ở nhà là thuốc uống, mà thuốc và thực phẩm đều được hấp thụ vào máu qua bao tử, nhất là ruột non. Hiệu quả của thuốc có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi, tùy theo loại thực phẩm và tùy theo uống thuốc trước hay sau khi ăn. Điều này, ta cần hỏi bác sĩ, dược sĩ khi nhận thuốc, để tránh phản ứng bất lợi.

6-Vấn đề đặc biệt quan trọng ở người cao tuổi là uống nhiều thuốc cho nhiều bệnh hay nhiều triệu chứng. Thuốc đôi khi có tác dụng tương phản nhau, gây không tốt cho cơ thể. Hơn nữa, ở người cao tuổi, khả năng hấp thụ ở bộ máy tiêu hóa, biến hóa thuốc ở gan, và bài tiết dược phẩm qua thận đều giảm tới 40% so với tuổi trẻ, trung niên. Thời gian bán hủy của thuốc ở huyết tương kéo dài, và độc tính của thuốc tăng thêm.

Vài cách tránh những điều bất lợi khi dùng thuốc. Để sự xử dụng thuốc có công hiệu, không phản ứng, ta cần lưu ý những điều sau đây:

1-. Kê khai với bác sĩ tất cả những bệnh mình đang có, những thuốc mình đang uống, cả thuốc mua tự do ở chợ hay thuốc do bạn bè giới thiệu. Mỗi lần đi khám bệnh, mang ống, chai thuốc đã dùng để bác sĩ dễ nhận diện thuốc. Nhiều vị nói, “ấy kỳ trước bác sĩ cho tôi viên hạt dưa trắng, tốt lắm”, hay là “tôi đang uống thuốc nước màu hồng”, thì chả ai biết là thuốc gì.

2-. Theo lời chỉ dẫn của bác sĩ dược sĩ, đọc kỹ nhãn thuốc với cách dùng, giờ uống, uống lúc nào, bụng đói hay no, mấy lần một ngày. Chẳng hạn thuốc uống bốn lần trong một ngày, có thể là uống vào những bữa ăn và trước khi đi ngủ; hoặc cũng có thể là uống mỗi 6 giờ đồng hồ, kể cả thức dậy ban đêm để uống.

Với thuốc nước, ta cần lắc chai cho thuốc hòa đều với nhau trước khi uống.

Không tự ý tăng hay giảm phân lượng, vì ít quá, không có công hiệu, nhiều quá sẽ gây hại.

Uống cho hết thời hạn bác sĩ dặn, chứ không phải thấy giảm bệnh là ngưng thuốc.

Không uống thuốc trong bóng tối, có thể nhầm loại thuốc.

3-. Cho bác sĩ hay tác dụng phụ hay phản ứng của thuốc mình đã có.

4-. **Giữ thuốc nơi an toàn**, xa tầm tay trẻ con, trong chai, lọ từ nhà thuốc tây, để tránh nhầm thuốc. Vứt bỏ thuốc quá hạn.

5- **Ráng nhớ tên thuốc cũng như công dụng** của thuốc.

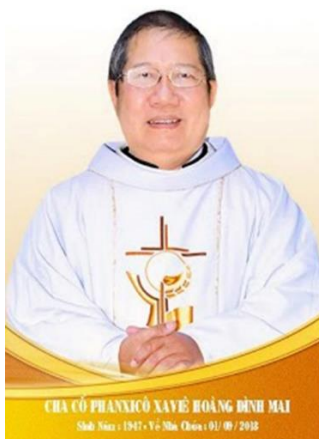
6-Nếu có thể, **nên mua thuốc ở một tiệm**, như vậy dược sĩ sẽ có toàn bộ hồ sơ thuốc của mình, có thể theo dõi, giải thích tác dụng các loại thuốc khác nhau cho mình. Người dược sĩ không chỉ đóng vai trò cung cấp thuốc như trước đây. Họ có nhiệm vụ liên lạc với bác sĩ để tham khảo, lựa thuốc thích hợp cho bệnh nhân, hướng dẫn cách dùng thuốc, tác dụng tốt xấu của thuốc, theo dõi xem bệnh nhân có uống thuốc đều đặn không, phân lượng cho có gì bất thường hay không.

Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức

VỀ MỤC LỤC

AI ƠI, VỀ ĂN CƠM

LỜI TẠM BIỆT:



**Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố**

PX. Hoàng Đình Mai
1947- 01.09.2018

Xin chân thành cảm ơn

Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,

Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

AI ƠI, VỀ ĂN CƠM

Chuyện phiếm của Gã Siêu

Đôi vợ chồng trẻ vừa được bố mẹ cho ra riêng. Sáng hôm ấy, sau khi thổi cơm và nấu món xong, chị vợ bèn ra thửa vườn phía sau nhà và lên tiếng gọi:

- Ai ơi, về ăn cơm.

Anh chồng dừng tay, ngược mắt lên tình tứ:

- Ai gọi ai đấy?

Chị vợ trả lời ngọt như mía lùi:

- Ai gọi ai chứ ai nữa.

Anh chồng hỏi tiếp:

- Cơm ai nấu ngon lắm hử?

Chị vợ chu miệng một cách rất duyên dáng và trả lời:

- Ai nấu làm sao ngon bằng ai được.

Từ mẫu đối thoại ngắn ngủi, nhưng cũng rất dễ thương và ý vị kể trên, gã xin “bàn ra tán vào” một chút về cách xưng hô của những người đang yêu. Thực vậy, thuở ban đầu, nếu chỉ một

mình Adong sống trong vườn địa đàng, thì mọi sự thật đơn giản và trong sáng, chẳng có chi là nhiều khê và rắc rối. Lúc bấy giờ, đối với Adong, chỉ có “cái tôi” hay “cái ta” là cùng:

Đi ra, chỉ một mình tôi,

Đi vào, ta cũng mà thôi một mình.

Thế nhưng, Thượng Đế lại ngậm ngùi và động lòng thương xót trước cảnh tượng cô đơn và vò võ của Adong, nên chờ lúc ông ngủ say, đã lấy một chiếc xương sườn của ông mà dựng nên Eva. Sau đó, Ngài dẫn Eva tới giới thiệu cùng Adong. Nhìn thấy Eva, đôi mắt Adong đã rực sáng lên. Và cũng từ “phút đầu gặp nhau, tình tứ quay cuồng” ấy, mọi sự bỗng trở nên khác. Adong không còn nói với chính mình nữa, những nói là nói với người khác, nói cho người khác. Và cũng từ đó, vấn đề xưng hô được nảy sinh.

Người nước ngoài thường nhận xét: Dân Việt nói cứ như y như hát và tiếng Việt là một trong những thứ tiếng khó học nhất. Có những cha thừa sai học tiếng Việt suốt năm, sáu năm mà vẫn không dám đứng giảng trước công chúng, vì sợ phát âm sai, làm hỏng cả bài giảng.

Chuyện rằng: Một cha dòng Tên nọ đang giảng cho giáo dân trong thánh lễ sáng Chúa nhật, bỗng thấy mọi người phì cười. Ngài bèn dừng lại và nói:

- Ai muốn cười, thì ra ngoài sân mà cười.

Cả nhà thờ lại cười ồ, cho dù tiếng cười hơi bị vô duyên và không mấy lịch sự, bởi vì ngài chỉ muốn bảo rằng: Ai muốn cười, thì ra ngoài sân mà cười.

Đặc biệt trong phạm vi xưng hô. Người nước ngoài khó mà nắm bắt được nét tinh tế trong cách xưng hô của dân Việt ta. Thực vậy, Đối với tiếng Anh, tiếng Pháp, khi nói chuyện, người ta chỉ dùng “I-You”, “Je-Tu”, bất kể là nam hay nữ, già hay trẻ, lớn hay bé và cũng bất kể tâm tình hỉ, nộ, ái, ố của hai người lúc bấy giờ. Đúng thế, khi chuyện trò, thì ông tổng thống cũng tự xưng là “I”, là “Je” và gọi người khác là “You”, là “Tu”. Trong khi đó, anh lính quèn cũng tự xưng là “I”, là “Je” và gọi người khác là “You”, là “Tu”. (Với tiếng Pháp, chữ “Vous” thay thế cho chữ “Tu” trong một số trường hợp).

Tiếng Việt ta thì không như vậy. Khi nói chuyện, một người có thể đóng nhiều vai trò khác nhau. Chẳng hạn một chị đàn bà: Với ông bà nội, chị xưng là “cháu”; với ba má, chị xưng là “con”; với chồng, chị xưng là “em” và với mấy đứa con, chị xưng là “mẹ”. Nhưng rốt cuộc, chị vẫn là chị, chỉ một con người mà thôi.

Đã vậy, người Việt ta lại có thói quen thích đóng các vai giả. Chẳng hạn, một anh đàn ông 50 tuổi có thể gọi một anh đàn ông khác chừng 30 tuổi là “bác” và xưng là “cháu”. Sở dĩ như vậy vì người ấy đang nhập vai đứa con của mình để gọi người khách. Trong quan hệ vợ chồng, người ta cũng hay nhập vai con để gọi người phối ngẫu. Vợ sẽ không gọi chồng là “anh” mà là “bố thằng cu”, “bố nó”, hay ngắn gọn hơn chỉ là “bố”. Và ngược lại, chồng sẽ không gọi vợ “em”, mà là “mẹ thằng cu”, “mẹ nó” hay ngắn gọn hơn chỉ là “mẹ” theo kiểu:

- Bố ơi, chiều nay bố có đi chợ không?

- Có. Mẹ cần gì không?

- Ờ, bố mua cho mẹ chục xoài nghe.

- Xoài gì mà xoài. Mới ăn tuần trước đó thôi. Xoài nóng, ăn nhiều đâu có béo bở gì.

- Nóng với chả niếc. Bố sao nhiều chuyện thế. Mùa này xoài đang rẻ, cứ cho con ăn đã. Hết mùa thì chúng lại nhin.

- Mẹ mày cứ hay chiều con.

Cách xưng hô của người Việt Nam thường đặt nền tảng trên huyết thống của gia đình. Và ngay cả xã hội cũng được coi như là một gia đình mở rộng. Người nào ngang tuổi ông bà, thì tự động trở thành “ông”, thành “bà”. Người nào ngang tuổi chú bác cô dì, thì tự động trở thành “chú”, thành “bác”, thành “cô”, thành “dì”. Người nào ngang tuổi anh chị, thì tự động trở thành “anh”, thành “chị”. Chỉ trừ toà án là nơi duy nhất loại bỏ cách xưng hô dựa trên hệ thống thân tộc. Chẳng lẽ vị quan toà lại phán với bị cáo:

- Châu tuyên án bác 30 năm tù khổ sai vì tội giết người.

- Anh phạt em 2 năm tù ở vì tội ăn cắp.

Như vậy, cách xưng hô trong đời thường đã khá phức tạp và phong phú, hướng chi trong tình yêu, cách xưng hô lại càng phức tạp và phong phú hơn nhiều.

Khi bắt đầu quan tâm đến nhau

Cậu con trai và cô con gái học cùng một trường, đi cùng một lối, hay ở cùng một xóm, hằng ngày gặp gỡ và trò chuyện, họ có thể gọi nhau bằng “tớ” với “cậu”, “mình” với “bạn”, “đằng ấy” với “đằng này”. Nhưng khi bắt đầu quan tâm đến nhau, họ liền thay đổi cách xưng hô, để mỗi ngày một gần gũi và thân mật hơn.

Trước hết, cô con gái có thể gọi cậu con trai bằng “ông” và xưng mình là “tôi”. Chữ “ông” ở đây không phải là đã quá già, mà tôi với ông, chúng ta có một tư thế tương xứng để đối thoại, vì chúng ta là những người lớn với nhau. Ít ra cậu con trai phải ý thức mình “lớn” trước cô con gái đối diện. Nhưng không vì thế mà ông lại “ngây thơ cụ” gọi cô con gái bằng “bà” và xưng là “tôi”, bởi vì đối với một cô con gái chưa chồng mà bị kêu bằng bà, thì đó quả là một xúc phạm. Bộ người ta già lắm rồi sao? Sự già của đờn bà con gái là một “thảm trạng”, là một tai nạn. Người ta cố tránh để thấy rằng mình vẫn còn trẻ, còn đẹp, còn xinh và còn duyên.

Tuy nhiên, cậu con trai cũng có thể gọi cô con gái bằng “cô” và xưng mình là “tôi”. Tiếng “cô” ở đây có nghĩa là cô gái, cô nàng với âm vang còn trẻ, còn tự do, còn ở một mình, chưa lâm vào số kiếp “gái có chồng như gông đeo cổ”. Ở một mình nhưng không buồn tẻ và cô đơn, bởi vì đây là thời gian tích lũy biết bao nhiêu hy vọng, đây là thời gian chờ đợi nao nức, pha lẫn chút băng khuâng và lãng mạn:

Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ trước gió, biết vào tay ai.

Tiếp đến, cô con gái có thể gọi cậu con trai bằng “anh” và xưng mình là “tôi”. Xem ra cậu con trai không thích được gọi bằng “ông”, bởi vì “đằng này tuy phận mày râu, nhưng râu chưa đến nỗi dài để đáng được gọi bằng ông”. Vả lại kêu bằng ông, nó có vẻ kiểu cách làm sao ấy. Thôi thì đành phải hạ xuống một bậc, gọi là anh nhé. Cô con gái gọi cậu con trai bằng “anh” và xưng mình là “tôi”.

Nhưng chữ “tôi” xem ra vẫn còn xa lạ, vậy ta nên thay thế bằng cái tên của cô con gái, để được đầm ấm hơn. Thí dụ tên của cô con gái là Thanh. Lúc bấy giờ cô con gái gọi cậu con trai bằng “anh” và xưng mình là “Thanh”. Cách xưng hô này như muốn xác định: “Anh” là phận nam,

còn “Thanh” là phận nữ. Cậu con trai phải nhận ra sự dịu dàng và êm đềm của lối xưng danh này. Tình cảm bắt đầu như hừng đông ló dạng. Cũng trong giai đoạn này, cậu con trai có thể gọi cô con gái bằng “Thanh” và xưng mình là “tôi”. Cậu con trai nhủ thầm: Mình gọi nàng là Thanh, thay vì gọi là cô, bởi vì chữ cô nó cứng nhắc sao ấy, còn mình thì vẫn xưng là tôi. Nếu tình cảm giữa Thanh và tôi chẳng đi đến đâu, thì tôi vẫn còn một lối thoát. Chứ nếu vội xưng mình là “anh”, hẳn sẽ bị chọc quê: Đúng là cái anh chàng ngớ ngẩn, chứ gì mà đã ham.

Khi tình cảm tiến thêm được một bước nữa, người ta có thể gọi tên của nhau. Thí dụ: “Dũng-Thanh”. Cậu con trai bỏ đi tiếng “tôi” khô khan trước kia và thay bằng tên của mình. Bỏ “tôi” để xưng là “Dũng”, thì đã vượt qua được một chặng đường. Từ đây, Dũng là Dũng đối với Thanh và Thanh là Thanh đối với Dũng. Tuy nhiên cũng vẫn còn phải chờ đợi, bởi vì tình yêu cần kiên nhẫn và cân nhắc, chứ không thể đốt giai đoạn được.

Sau cùng, cô con gái gọi anh con trai là “anh” và xưng mình bằng tên, chẳng hạn như Thanh. Còn cậu con trai cũng gọi chị con gái bằng tên, chẳng hạn như “Thanh” và xưng mình là “anh”. Anh-Thanh, cách xưng hô này nói lên sự tin tưởng và chấp nhận lẫn nhau, mang một âm hưởng thật triu mến, vì thế nó thường được sử dụng trong chốn riêng tư hay trong vòng thân mật mà thôi.

Khi đã bước vào tình yêu

Ngày xưa, người ta thường quan niệm: Nam nữ thọ thọ bất thân và trong phạm vi hôn nhân, thì cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đó. Vì thế, nhiều đôi mãi tới khi thành vợ thành chồng, mới biết mặt nhau và do đó không tránh khỏi những lúng túng khi phải xưng hô với nhau trong những ngày đầu. Khi nói chuyện, hai người nhiều lúc chỉ biết ấp úng, ngập ngừng và yên lặng, như mẩu đối thoại dưới đây.

Chị vợ nói với anh chồng:

- Má biểu... đem cho... cái này nè.

Anh chồng hỏi lại:

- Má biểu ai đem cho ai vậy?

Chị vợ nhìn xuống, đỏ mặt và thình lặng. Phải dạn dĩ lắm, chị vợ mới đáp lại:

- Ai đây chứ còn ai nữa.

Khi tình yêu đã chín và nhất là khi đã trở thành vợ chồng, người ta thường xưng hô với nhau bằng cặp từ “Anh-Em”. Thực vậy, khi cậu con trai và cô con gái đã cân nhắc và chọn lựa, để ăn ở đời kiếp với nhau, thì hai chữ “Anh-Em” sẽ là một lời giao ước, kết nối chân tình một cách ngọt ngào và tình tứ nhất. Từ nay, anh phải là anh của em và em cũng phải là em của anh với một sắc thái thật đặc biệt, không giống như em gái hay anh trai trong gia đình.

Như trên gã đã trình bày: Sau khi Thượng Đế giới thiệu Eva cho Adong, thì mắt ông đã rực sáng và miệng ông đã vui mừng hơn hờ mà kêu lên rằng:

- Đây đây xương bởi xương tôi, và thịt bởi thịt tôi.

Nếu như Adong lúc bấy giờ sử dụng tiếng Việt, hẳn ông đã kêu lên:

- Mình ơi!

Hai chữ “mình ơi” sao mà khăng khít, đậm đà yêu thương đến thế. Trong tiếng Việt, chữ “mình” vừa là anh, vừa là em, vừa là chúng ta và cũng vừa là thân thể. Kể từ nay, mỗi người trở nên một phần thân mình của nhau, anh đã là mình của em và em cũng đã là mình của anh trong cương vị vợ chồng yêu thương cho nhau hạnh phúc và kết quả trải dài qua con cái:

Mình với ta tuy hai mà một,

Ta với mình tuy một mà hai.

Hạnh phúc từ trong nhà tràn ra ngoài ngõ, lan tới hàng xóm láng giềng, khiến anh chồng, chị vợ luôn hãnh diện và giới thiệu về nhau cho bàn dân thiên hạ bằng hai chữ “Nhà Tôi”. Nhà là nơi có mái để che mưa, che gió, che nắng; là nơi để người ta đi, dù chỉ một buổi làm, cũng ngong ngóng trở về. Lấy mái ấm mà đôi vợ chồng hạnh phúc sống bên nhau, để chỉ người phôi ngẫu, quả là một kiểu nói thật độc đáo của người Việt ta. Trong tiếng Pháp “ma maison”, nhà tôi, dù có thân thiết lắm, cũng chỉ là một căn hộ bằng bê tông cốt thép là cùng.

Xã hội Việt Nam ngày xưa lấy nghề nông làm gốc:

Nhất sĩ nhì nông,

Hết gạo chạy rông,

Nhất nông nhì sĩ.

Làm nghề nông, công việc vất vả nên cần phải có nhiều người để cùng chia sẻ. Vì vậy, người Việt ta thường cầu chúc cho nhau: Đa tử, đa tôn, đa phú quý. Cha mẹ vui vầy bên lũ cháu đàn con và ai cũng cảm thấy sung sướng trong cảnh gia đình đông đúc. Khi đưa con đầu lòng mở mắt chào đời, đưa hạnh phúc gia đình tới tình trạng sung mãn, thì anh chồng cũng như chị vợ thường dùng tên con để gọi nhau, chẳng hạn như: Má thằng Mít, ba con Xoài... Gọi tên con như vậy là để nhắc nhở cho nhau trách nhiệm gia đình trong liên hệ đầm ấm vợ chồng con cái.

Khi con cái đùm đê, thì tên đứa con đầu lòng nhường chỗ cho kiểu nói gộp lại, chẳng hạn như: Ba bảy trẻ, má xấp nhỏ... cho hợp lý và vừa lòng con cái, đồng thời nhấn mạnh đến gia thế đồ sộ và trách nhiệm tăng lên. Từ cha mẹ cho đến con cái, mỗi người một công việc, mỗi người một bổn phận. Thật là hạnh phúc cho gia đình nào trong đó mọi người yêu thương đùm bọc và nâng đỡ lẫn nhau.

Khi tức giận

Kinh nghiệm cho thấy: Chúng ta không thể nào sống cô độc lẻ loi như một hòn đảo giữa biển khơi, hay như một pháo đài biệt lập. Trái lại, chúng ta sống là sống với người khác, nhất là với những người thân yêu trong gia đình. Thế nhưng, trong cuộc sống chung này, chúng ta không thể nào tránh đi cho hết những va chạm, bức bối và tức tối. Đối với người Việt ta, việc xưng hô còn tùy thuộc vào tâm trạng. Những khi cơn lành canh ngọt, thì lời lẽ cũng ngọt ngào theo. Còn những lúc gia đình lâm vào cảnh xáo xáo, người ta sẵn sàng văng ra những ngôn từ thật khó nghe: Nào là “Cô-Tôi”, nào là “Ông-Tôi”, nào là “Mày-Tao”, nào là “Thằng trời đánh”, nào là Con mẹ kia...Sau đây là một vài tình huống mà gã đã lượm lặt được.

Tình huống thứ nhất: Trong một cuộc tranh cãi, anh chồng bỗng chuyển sang giọng gay gắt, buông lời đùng chạm tới bố mẹ vợ. Cảm thấy bị xúc phạm, chị vợ không khóc như mọi lần, nhưng đành mặt lại, nhìn anh chồng và thách thức:

- Anh vừa nói gì? Anh nói lại tôi nghe xem nào.

Lúc này anh chồng cũng đã bốc hỏa lên đầu, xưng ngay “tôi-cô” và cuộc cãi vã kết thúc bằng việc anh chồng phóng xe ra đường, còn chị vợ thì ôm mặt khóc. Chưa hết, chiến tranh lạnh còn kéo dài suốt cả tuần lễ sau đó. Hai chữ “cô-tôi” sao mà lạnh lẽo và xa cách đến thế. Hai người coi nhau như kẻ thù và sẵn sàng ở vào cái thế đối đầu với nhau.

Tình huống thứ hai: Anh chồng bình thường rất chiều chuộng chị vợ, toàn gọi chị vợ bằng những cái tên thật trìu mến như: “Vợ yêu”... Nhưng đó là chuyện của năm đầu tiên chung sống. Còn sau đó, mỗi lần điên lên vì ghen, nhất là khi đã có tí men trong người, anh chồng sẵn sàng tuôn ra những tràng: “Mày-tao”, “Con kia”...Ban đầu chị vợ cả thấy rất sốc, nhưng sau đó cũng chuyển sang xưng “mày tao” với anh chồng.

Theo các chuyên gia tâm lý: Cho dù cãi nhau vì bất cứ lý do gì, ai đúng ai sai, vợ chồng tuyệt đối không bao giờ được xưng hô “mày-tao” với nhau. Điều này làm cho cả hai cảm thấy mình không được tôn trọng, yêu thương và càng đẩy mâu thuẫn lên cao hơn.

Trong đời sống vợ chồng, cãi cọ cũng cần có nghệ thuật, bởi vì nếu biết cách, nhiều khi tranh cãi xong, vợ chồng thay vì nhìn nhau bằng cặp mắt hình viên đạn, thì lại hiểu nhau hơn, đồng thời giải quyết được những khó khăn và cùng nhau rút tỉa được những kinh nghiệm cho cuộc sống chung.

Theo lời một chị vợ kể lại: Hồi mới cưới, có lần vợ chồng bực nhau, chị vợ không chịu nổi, đã lớn tiếng xưng “tôi” với anh chồng. Lúc đó, anh chồng nghiêm nét mặt vào bảo:

- Em đừng xưng hô như thế với anh, nghe chướng lẩm. Nếu anh cũng nói vậy, em có buồn không?

Lúc ấy, chị vợ cảm thấy ngượng, nhưng vẫn còn chống chế:

- Nếu không xưng hô như thế, thì làm sao cãi nhau được.

Anh chồng bèn ôn tồn:

- Thế thì thôi, chúng mình đừng cãi nhau nữa.

Sau lần ấy, chị vợ cảm thấy yêu và phục anh chồng. Từ đó, chị vợ không còn xưng hô như thế mỗi lần bực tức nữa.

Tóm lại, khi mâu thuẫn với nhau, vợ chồng cần phải biết kiềm chế “cái tôi” của mình, lắng nghe “nửa kia” và diễn đạt ý nghĩ của mình một cách tế nhị, đồng thời phải biết tôn trọng lẫn nhau trong cách xưng hô. Như vậy, mới tránh đi được những sựt mẻ và đổ vỡ.

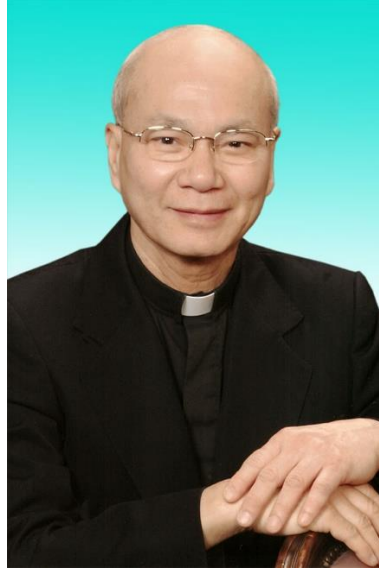
(Dựa theo một số tài liệu trên Internet)

Chuyện phiếm của Gã Siêu

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ
Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam



30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ
giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại
www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam
Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.
TGP Baltimore USA